

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

THIÊN ĐẠO

MINH TÂM
xuất bản

In Lại Theo Ấn Bản 1963

NGUYỄN TRUNG HẬU
PHAN TRƯỜNG MẠNH

Đánh máy lại: **Hồng Lan**
Trình bày: **Hồng Lan & Tấn Hưng**
Xếp chữ: **H&L TypeSetter**
Đóng tập: **H&L eBooker**
Làm tại: **Chicago - U.S.A.**

Copyright © 2006 — Hội Thánh

THIÊN ĐẠO

*Thánh, Hiền, Tiên, Phật hi hữu chi nhơn,
Tam Kỳ Phổ Độ hi hữu chi sự,
Phi hi hữu chi nhơn,
Yên năng hành hi hữu chi sự.*

GIÁC THẾ KINH

LỜI TỰA

Thưa Anh PHAN,

Tôi có tiếp đặng thơ của Anh đề ngày.... tháng October 1954. Nếu Anh bằng lòng bớt về THIÊN NHÂN và lấy hình ĐỨC DI LẠC tại TÒA THÁNH, thì quyển sách của Anh và Anh BẢO PHÁP sẽ xuất bản rất hoàn toàn, vì phần sau của Anh BẢO PHÁP viết thì đúng với Chơn Truyền.

Hiện thời đương buổi cần hương nhơn tâm giữ vững tinh thần đạo đức đặng tô điểm Quốc Thể cho vẻ vang thì quyển sách Đạo ấy xuất bản rất hợp thời, vì Quốc Thể đặng vẻ vang thì Quốc Hồn tức nhiên phải đặng trụ vững. Có thể mới đoàn kết nhơn tâm mà lập Quốc trên nền tảng Nghĩa Nhân mà phụng sự cho nhân loại đặng.

Trưởng ban kiểm duyệt
và Cố vấn Hành Chánh Đạo
TÒA THÁNH ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
CAO TIẾP ĐẠO

ĐỀ TỪ

NGUYỄN TRUNG HẬU và PHAN TRƯỜNG MẠNH, tác giả quyển kinh THIÊN ĐẠO của TAM KỲ PHỔ ĐỘ, chính là hai văn sĩ khét tiếng trong làng Đạo Đức Cao Đài, hà tất phải nhiều lời giới thiệu.

Còn quyển kinh THIÊN ĐẠO, ta thử khảo xét thì rõ ra là một nền giáo lý Triết học của CAO ĐÀI ĐẠI ĐẠO hoàn toàn, đầy đủ, mùi hương Đạo vị và chơn lý của Võ Trụ.

Thật là một quyển sách quý báu nhứt về tinh thần Đạo Đức trên đất nước Việt Nam mà ta chưa được từng xem thấy bao giờ.

Sự đặc sắc nhứt trong quyển kinh này là tác giả giải pháp rành mạch TÂN LUẬT của Đạo CAO ĐÀI mà TÂN LUẬT này tương đồng gồm đủ Thiên Điều luật pháp với các Đạo trên thế gian này.

Vậy tôi xin mạn phép kết luật kinh này theo đại ý nghĩa dưới đây:

1.- Muốn thức tỉnh lòng người trong con trụ lạc mê muội, nếu trừ phi sự phổ độ Đại Đạo thì không còn phương pháp nào nữa.

2.- Cảnh sát tâm là phạm, tâm sát cảnh là Tiên,

Thế giới đã tự loạn thì lòng ta phải tự trị.

3.- Nhơn loại, mỗi người hết dục vọng thì Thế giới mới hòa bình, Cần khôn mới an tịnh.

THI:

*Dem đuốc quang minh để dẫn đường,
Quyển kinh THIÊN ĐẠO đã phô trương.
Kính khen tác giả tâm vì Đạo,
Thuyết pháp CAO ĐÀI dựng cột rường.*

Kính từ
NGUYỄN HỮU ĐẮC

TỰA

Từ xưa đến nay không biết chữ, không học mà thông Đạo và đắc đạo thì chỉ có Đức HUỆ NĂNG LỰC TỔ mà thôi, kỳ dư hầu hết các nhà tu hành ít nhất phải biết chữ, nhiên hậu mới đọc kinh đọc sách hiểu nghĩa mà hành đúng theo Chơn Truyền của chư Tổ để lại. Vậy học thức là lợi khí tối cần cho người tu hành.

Về thế tục, muốn công danh được hiển đạt, hàng sĩ phu phải bác lãm quần thư, phải trải qua cảnh rùng rờ bát ngát. Về Đạo học công trình lại còn khó khăn hơn nữa. Nguyên nhơn sự khó khăn ấy là: Phạm vi của Đạo học thuộc về phần siêu hình trừu tượng mà các Đạo thơ nhiều khi lại có những suy luận bất đồng nếu không nói là tương phản nhau. Đạo học đã là một khoa học trừu tượng thì khi nhà tâm đạo gặp phải hai ý kiến bất đồng thì thật không biết căn cứ vào đâu mà biện phân chơn giả? Như vậy, càng đọc Đạo thơ nhiều thì độc giả càng hoang mang nếu độc giả không biết tự chủ để cho "sách chuyển". Vậy, người tầm Đạo phải biết chọn sách mà đọc. Đọc một quyển Đạo thơ mà lĩnh hội được ý nghĩa tổng quát của một nền Đạo thì hay hơn là đọc nhiều quyển.

Quyển THIÊN ĐẠO là một trong các loại sách nên đọc ấy. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ra đời nay đã gần ba mươi năm, kinh sách được ban hành không biết bao nhiêu mà kể. Ngoài những quyển kinh đọc mà các Đấng Thiêng Liêng giáng cơ tả ra có một giá trị đặc biệt, lại có những quyển Đạo thơ do các nhà tu hành dày kinh nghiệm trước tác cốt giúp tài liệu cho người tầm Đạo. Loại Đạo thơ thứ nhì này cũng rất cần ích cho người. Nó là những lời nói, lời khuyên của các bậc tiền bối cố gắng làm cho con đường người sau sắp được dễ dàng đẹp đẽ.

Quyển THIÊN ĐẠO này, ngoài những từ ngữ đặc biệt của Đạo học, đã được viết với một lối văn bình dị có một sức hấp dẫn lạ thường, khiến cho độc giả lúc nào cũng vui mà theo chân tác giả, để trải qua những tầng chí tịnh chí thanh của cảnh Hư linh, rồi đi sâu vào những vấn đề có thể làm trở ngại bước tiến của người tầm Đạo, nếu cái vấn đề này không được trình bày một cách khúc chiết rành mạch.

Đọc quyển THIÊN ĐẠO xong, độc giả sẽ có một ý niệm tổng quát về phần triết lý và sự tổ chức của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay là CAO ĐÀI GIÁO và sẽ nhận thấy rằng Tân Tôn giáo nói trên căn cứ vào một Đức Tin suy lý (*La Foi raisonnée*).

Những vấn đề căn bản đều được trình bày rõ rệt mà bất cứ ai cũng nhận thức được.

Trong thời kỳ hỗn loạn này, nhân tâm điên đảo đương tầm lối ra, quyển THIÊN ĐẠO ra đời rất là hợp thời vậy và công sưu tầm của tác giả thật là không nhỏ về "phương hướng dân qui thiện" và xướng minh triết lý của "Tứ giáo qui nguyên".

Saigon, ngày 1 tháng Giêng, năm 1955.
 TRẦN VĂN QUẾ tự HUỆ LƯƠNG
 Đốc học trường Sư phạm
 Cựu Tổng Trưởng Cải Cách của Quốc gia Việt
 Nam
 Kính tặng

LỜI SOẠN GIẢ

Đạo có Thiên đạo và Nhơn đạo.

Nhơn đạo thì dễ thông dễ hiểu.

Thiên đạo lại thâm diệu ẩn vi, khó đem lý trí mà thấu đáo. Cần phải sống trong đời tu niệm thanh cao; cần phải tham khảo nhiều kinh điển, rồi đem học lực và kinh nghiệm mà suy cầu, từ cái đã biết tìm ra cái chưa biết.

Tuy nhiên, sở đắc của mình vốn chưa đủ; cần phải có đạo căn và nhờ các Đấng Thiêng Liêng chỉ giáo thêm mới được. Gia công sưu tầm học hỏi là để mở mang trí thức, tức là thế trí mà Đại Đạo "Tam Kỳ Phổ Độ" gọi Nhơn hồn. Song trí huệ tức là xuất thế trí hay bát nhã, Đại Đạo gọi Anh hồn, chưa vì đó mà phát triển.

Nói một cách giản dị hơn: nhờ học hỏi sưu tầm chúng ta được mở mang trí thức mà lâu thông đạo lý, biết biệt phân phán đoán, biết nói đạo lưu loát rạch ròi. Nhưng chỗ thâm cao vi diệu của Thiên đạo mà trí thức không thể tìm hiểu, nó vẫn mù mờ trong sở thức chúng ta. Là vì chúng ta không có sức Thiêng liêng trợ giúp đặng mở mang trí huệ là cái đặc khiêu nhờ đó mà rõ thông Thiên đạo.

Vậy là chưa "nhập diệu".

Chưa "nhập diệu" chúng ta còn nhiều chỗ sai lầm.

Nhiều khi chúng ta dùng trí thức để khám phá lẽ mầu nhiệm của Tạo Hóa; chúng ta phân tách mỗi vấn đề ra từng chi tiết mà quan sát, rồi tổng hợp lại mà suy cầu theo phương pháp khách quan. Kết luận, chúng ta tự cho rằng đã tìm ra chơn lý, nhưng than ôi! chỉ là bóng hình của chơn lý đó thôi.

Kinh điển là sáng tác của các Đấng Tiền giác vốn chỉ giải đạo lý cao siêu, nhưng vốn có giới hạn, lại là vật không linh động, không linh hồn. Một vật không linh hồn chẳng thể nào cảm thông với một linh hồn mà khai huệ cho.

Phải một linh hồn cảm thông với một linh hồn mới làm việc ấy được.

Vậy, chúng ta cần phải có sự trợ giúp của một Đấng Thiêng Liêng.

Đấng Thiêng Liêng ấy tức là Chơn sư của chúng ta vậy. Chơn sư ấy là ai?

Khi mặt trời ló mọc, phương Đông rọi ánh bình minh, người ta không cần đèn đuốc cũng nhận thấy Thái dương.

Lần lần ánh dương quang rọi sáng từ thành thị đến thôn quê đến hang cùng ngõ tẽ.

Khi một Giáo chủ lâm phạm, ánh sáng của Ngài soi khắp thế gian. Đầu tiên những bậc đạo căn nhận biết, rồi đến hàng trí thức, đến hạng thường nhơn.

Không một ai không trông thấy ánh mặt trời, cũng không một ai không khuất phục trước ánh sáng

của Chơn lý, của Đấng Giáo chủ là Đấng lâm phạm cứu thế trong hạ ngươn mặt kiếp này. Đấng Giáo chủ ấy là Thần Chơn Lý (*Esprit de Vérité*) theo lời tiên tri của Đấng Christ, là một Đại Bồ Tát (Di Lạc Vương Bồ Tát (*Matreya*)) theo lời tiên tri của Phật Thích Ca, là Thần Bảo Tôn (*Vishnou*) của Đạo Bà la môn là Brahmanisme. (1)

Danh từ xưng tụng vì khác tôn giáo mà khác nhau nhưng tựu trung vẫn ám chỉ Chơn linh của Thượng Đế lâm phạm giáo đạo.

Ngài đến trong buổi "Tam Kỳ Phổ Độ" này với Thánh danh Cao Đài.

Ngài tự xưng là Thầy và gọi chúng ta là các con.

Chơn sư chúng ta là Đức Cao Đài đó vậy.

Dọn quyển "Thiên Đạo" chúng tôi nhờ học hỏi ở Chơn sư cùng các Đấng Thiêng Liêng khác, một phần cũng nhờ tham khảo những kinh điển xưa mà được các Đấng lựa cho.

Quyển "Thiên Đạo" chia làm hai phần: Phần giáo điều và phần giáo lý.

Trong phần nhứt, Thiên Đạo được thuyết minh một cách giản dị, có hệ thống có mạch lạc đọc qua là hiểu rạch ròi.

Văn từ dùng rờng những tiếng đã thông dụng của các tôn giáo, không tạo ra tiếng mới cho khó nhớ. Nhiều khi lại có chua tiếng Phạn và tiếng Pháp, cốt để cho anh em có Tây học hiểu mau. Có biết giáo điều phổ thông rồi mới dễ lãnh hội những giáo lý giải trong phần nhì.

Quyển "Thiên Đạo" không những cần yếu

cho chư đạo hữu, lại còn giúp ích cho người ngoài đạo mà muốn sưu tầm đạo lý.

NGUYỄN TRUNG HẬU

PHAN TRƯỜNG MẠNH

Ghi chú:

(1) Theo Đạo Bà la môn (*Brahmanisme*), ngôi Ba (*Vishnou*) đã hóa thân 9 kiếp rồi (9 *avatars*), đến kiếp thứ 10 và là kiếp chót (*Kalki avatar*), Ngài lại hóa thân trong thời kỳ mạt pháp này (*Kaliyuga*), mình cõi bạch mã để khởi nguyên một thời đại hòa bình hạnh phúc.

CHƯƠNG THỨ NHỨT

SỰ SỐNG TRONG CÔI HỮU LINH
tức là VÔ VIPHẦN GIÁO ĐIỀU
(Partie dogmatique)

1. Chương Thứ nhất:
Sự Sống Trong Côi Hư Linh
(tức là Vô Vi)
2. Chương Thứ Hai
Hồn Thể Con Người
3. Chương Thứ Ba
Kiếp Luân Hồi
4. Chương Thứ Tư
Sự Sống Trong Côi Hữu Hình
(tức là Thế Gian)
5. Chương Thứ Năm
Đức Tin Sáng Suốt

VÔ TRỤ QUAN

Ông Châu Hi định nghĩa vô trụ:

"Tứ phương thượng hạ viết Vô, cổ vãng kim lai viết Trụ". Bốn phương trên dưới gọi Vô, xưa qua nay gọi Trụ.

Giải rộng ra: Không gian vô biên vô tận là Vô; thời gian vô thủy vô chung là Trụ.

Vậy, "Vô Trụ", hiểu rộng ra, gồm tất cả cái gì ở trong không gian và thời gian.

Tổng quát về Vô trụ quan, chúng tôi tự thấy quan niệm có khác với quan niệm của các nhà triết học Đông Tây, vì chúng tôi là nhà tôn giáo, căn cứ ở đức tin và sở học riêng; học thuyết của chúng tôi không thể hài lòng các nhà duy vật. Đành vậy, vì ai cũng có quyền tin tưởng và quan niệm theo sở kiến mình.

Đành rằng Vô trụ không thể tự chỗ hư không (1) mà trở ra có, là vì trong cái Không, làm gì rút được ra cái Có?

Phải có cái gì tự nó có trước đã. Rồi cái bốn hữu ấy mới sản xuất muôn vạn cái khác.

Cái bốn hữu ấy, chúng tôi, noi dấu người xưa, gọi là: Vô Cực.

Ghi chú:

(1) *Hư không đây không phải là trống không, hoang vu, ảo tưởng. Đó là cõi Siêu Hình mà phạm trí, phạm giác chưa thấu đáo. Cái Không, Không đó Không mà Có.*

Cái Có, Có là Có lại Không. (Cao Đài Tiên Bút).

VÔ CỰC

Nguyên hời Vô thí, nghĩa là khi chưa tạo Thiên lập Địa, cõi Thái hư (Không gian) mờ mờ mịt mịt, chỉ có một Nguyên lý cùng tột, thiên nhiên tự hữu, vô thí vô chung, chí linh chí diệu, cổ nhưn mượn phạm ngữ gọi là khí Hư Vô hay Vô Cực (*Parabralm - L'Absolu - le Non-Manifesté*).

Theo Phật giáo, Nguyên lý ấy là Phật tánh, cái chơn thể thật tánh bất di bất dịch của Nguyên lý gọi là Chơn như.

Khổng giáo gọi Nguyên lý ấy là Thiên lý, ở nơi Trời là Mạng, nơi người là Tánh, nơi vật là Lý. Thiên lý lưu hành trong khoảng trời đất, lại phát hiện ra ở việc làm hằng ngày của con người.

Lão giáo gọi Nguyên lý ấy là Đạo. Bốn tánh của Đạo là hư không lặng lẽ, xem chẳng thấy, lóng chẳng nghe, rờ chẳng đụng, không thể dùng lời nói mà diễn được, hoặc đem sự vật mà so sánh. Đạo hóa sanh trời đất, lưu hành trong vũ trụ, tàng ẩn trong muôn vật, cho nên vật nào cũng có phần linh diệu bên trong để điều hòa trường dưỡng cho nó. Đạo là tinh thần của trời đất vạn vật, mà trời đất vạn vật là linh thể của Đạo. Cái Nguyên lý ấy đã vào trong lòng người thì gọi là Đức. Cho nên Thánh nhưn thường dùng hai tiếng Đạo Đức để chỉ cách cư xử ở đời thế

nào cho trên hiệp với lẽ Trời, dưới hiệp cùng luân lý.

Trong khí Vô Cực, (*Parabalm*) lại có một khối Ngươn Thần (*Paramatman*), tức là Chơn linh của Tạo Hóa vậy.

BA NGÔI

Trước nhứt, Đấng Tạo Hóa phóng Chơn linh lập Ngôi Một của Ngài là Thái Cực (*Premier Logos*).

Thái Cực vốn là cơ động tịnh. Thái Cực động sanh Chơn Dương làm Hỏa. Hỏa là Thần (*Esprit*), tức là cái động thể Ngươn Thần của Tạo Hóa (*Brahma-Vira*) mà Đạo thơ gọi Mộc Công vì Mộc năng sanh Hỏa.

Thái Cực lại tịnh mà sanh Chơn Âm làm Thủy. Thủy là Tinh (*Matière*), tức là cái tịnh thể Ngươn Thần của Tạo Hóa (*Brahma-Vách*), mà Đạo thơ gọi Kim Mẫu vì Kim năng sanh Thủy.

Tạo Hóa vận chuyển ngôi Thái Cực cứ một động một tịnh mà sanh ra hai Nguyên lý Thái Dương - (*Pratyag-atman*) và Thái Âm - (*Mula-prakriti*), lập thành Ngôi Hai là Lưỡng Nghi (*Deuxième Logos*).

Đạo thơ nói Mộc Công và Kim Mẫu sanh ra Anh Nhi và Trạch Nữ, rồi nhường ngôi cho hai người mà đi tu.

Đó là nói bóng. Sự thiệt thì Chơn Dương và Chơn Âm (Mộc Công và Kim Mẫu) sanh ra nhị nguyên lý Thái Dương và Thái Âm (Anh Nhi và Trạch Nữ).

"Nhường ngôi mà đi tu" nghĩa là sau khi thành lập Ngôi Hai (Lưỡng Nghi), Ngôi Một (Thái

Cực) trở về địa vị vô vi.

Tạo Hóa lại dùng phép Âm Dương giao cảm. Biến thành hai Khí Thiếu Dương (*Fohat*) và Thiếu Âm (*Koilon*) mà lập Ngôi Ba là Tứ Tượng (1) (*Troisième Logos*).

Đó là một Thế ba Ngôi (2) (*Trinité*).

Ghi chú:

(1) Trong Bát Quái, thì Thiếu Dương thuộc quẻ Khâm, Thiếu Âm thuộc quẻ Ly. Biểu hiệu Thiếu Dương là một gạch liền giữa hai gạch đứt --. Tuy thấy phần Âm lấn phần Dương nhưng nó là biểu hiệu cho Dương, vì trong luật điều hòa cai quản Võ trụ.

Kiên Khôn, bao giờ cái phần thiếu số cũng cầm quyền thống trị tất cả các hiện tượng. Ai rõ thông y học, xét về thai dục của đờn bà do chỗ Âm Dương yếu mạnh mà sanh hoặc trai hoặc gái, thì thấy rõ cái phần thiếu số bao giờ cũng mạnh hơn phần đại số và luật điều hòa của Tạo Hóa trái hẳn với công lệ "mạnh được yếu thua" của cuộc cạnh tranh phàm tục. Cái lẽ huyền vi khó hiểu lắm. Chỉ xin nhắc lại trong bài Thánh giáo ngày 29-9-26, có câu này: "Các con hiền mà dữ, các con yếu mà mạnh, các con nhỏ nhoi mà quyền thế, các con nhịn nhục mà các con hành phạt. Cứ chỉ các con khá tập sao cho nghịch với cử chỉ thế tình, thì là gần ngôi Tiên Phật đó".

(2) Tôn giáo nào cũng có cái biểu hiệu một Thế Ba Ngôi. Đại Đạo có: Thái Cực, Lương Nghi, Tứ Tượng. Đạo Phật có: Tam Bửu, Từ Tôn: Di Đà, Quan Âm, Thế Chí. Thiên Chúa giáo có ba Ngôi: Đức Chúa Cha (*Père*), Đức Chúa Con (*Fils*), Đức Chúa Thánh Thần (*Saint-Esprit*). Đạo Bà la môn thì có: Thần Sáng Tạo (*Brahma*), Thần phá

hoại (*Shiva*), Thần Bảo Tôn (*Vishnou*).

CUỘC SÁNG TẠO

Đấng Tạo Hóa, ngự trong Ngôi Tứ Tượng, dùng quyền Chí Tôn lập phép Vô Vi Bát Quái mà tác thành Võ Trụ (*Cosmos*).

Trước hết, Ngài lập ba cõi Thanh Thiên:

1. Thái Thanh Thiên (*Adi*), Phật giáo gọi Đại Bát Niết Bàn (*Mahaparanirvana*).
2. Thượng Thanh Thiên (*Anupadaka*), Phật giáo gọi Bát Niết Bàn (*Paranirvana*).
3. Ngọc Thanh Thiên (*Atma*), Phật Giáo gọi Niết Bàn (*Nirvana*), tức là Bạch Ngọc Kinh (1).

Lập xong ba cõi Thanh Thiên, Đấng Tạo Hóa lập thêm ba Cảnh giới là: Thượng giới, Trung giới, Hạ giới.

Thượng giới gồm ba cõi Tiên là:

1. Cõi Thiên Tiên, cũng gọi là cõi Bồ đề (*Monde Spirituel ou Monde Bouddhique*).
2. Cõi Địa Tiên (*Monde Mental supérieur - Manas supérieur*).
3. Cõi Nhơn Tiên (*Monde Mental - Manas*).

Mỗi cõi chia làm ba tầng, cộng chung là chín tầng, gọi là Cửu Trùng Thiên (2).

Trung giới gồm có cõi Thánh (*Monde Mental inférieur*) và cõi Thần (*Monde Astral*).

Mỗi cõi cũng chia ra nhiều tầng, đây chỉ nói đại lược thôi. Hạ giới là cõi Phàm trần, có tinh tú và thất thập nhị địa cầu, đều có nhơn loại cùng các thứ sanh vật, mà địa cầu chúng ta ở đây lại đứng vào

hạng 68.

Tùng cao nhứt cỡi Phàm trần chứa đầy một chất tinh khí nhẹ nhàng hơn không khí, người có thần nhãn thấy màu nó vàng vàng. Người Pháp gọi tinh khí là *ether*, người Trung Hoa dịch âm là dĩ thái.

Tóm lại, trong võ trụ, kể từ trên đở xuống gồm có: Thái Thanh Thiên, Thượng Thanh Thiên, Ngọc Thanh Thiên, Tiên Giới, Thánh Giới, Thần Giới và Phàm Giới.

Tam Thanh Thiên và Cửu Trùng Thiên gọi chung là: "Thập nhị Thiên". Trong khi sáng tạo, Đấng Tạo Hóa dùng Chơn linh biến ra mười hai đấng gọi "Thập nhị Thời Thần" (*Jayas*), mỗi vị lo phận sự trong một phần mười hai của thời gian sáng tạo chia làm: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, vân vân.

Cho nên Đức Chí Tôn có nói: "*Thập nhị Khai Thiên là Thầy, nắm trọn Thập nhị Thời Thần trong tay*".

Chư Tiên Phật là các Đấng thọ thiên chức Khai hóa "Cửu Trùng Thiên", nên đứng vào hàng "Cửu Thiên Khai Hóa".

Ghi chú:

(1) Đó là Nhứt Khí hóa Tam Thanh.

(2) Cửu Trùng Thiên sẽ giải trong phần Giáo lý.

VÕ TRỤ ĐỒ

Những cỡi Trời	Hồn thể	Quả vị
Tam Thanh Thiên: Thái Thanh Thiên	?	A nậu đa la tam diệu tam bồ đề
Thượng Thanh Thiên	?	Tam diệu tam bồ đề
Ngọc Thanh Thiên	Linh hồn	Phật vị & Đại giác Kim Tiên
Thượng giới: (Cửu Trùng Thiên) Cỡi Thiên Tiên	Anh hồn	Bồ Tát & Thiên Tiên
Cỡi Địa Tiên	Nhơn hồn	Địa Tiên
Cỡi Nhơn Tiên	Nhơn hồn	Nhơn Tiên
Trung giới: Cỡi Thánh	Thánh thể	Thánh vị
Cỡi Thần	Chơn thần	Thần vị
Hạ giới Cỡi Phàm	Khí thể Vật thể	Âm nhơn Phàm nhơn

Hai cỡi Thái Thanh và Thượng Thanh Thiên rất siêu việt. Muốn biết rõ quả vị, xin xem bài luận về "Kiếp luân hồi."

CHƯƠNG THỨ HAI

HỒN THỂ CON NGƯỜI

HỒN THỂ CON NGƯỜI

Theo kinh "Đại Thừa Chơn Giáo" thì con người có 3 hồn và 7 thể. Ở trình độ tiến hóa hiện tại, ngoại trừ những bậc Đại căn, Đại giác hoặc đã giải thoát, thì "Tam Thanh Hồn" của Chơn Như toàn giác vẫn chưa phát khai, đương còn an nhiên vô tri, vị giác. Đại đa số nhân loại tiềm tàng Tam Năng đó (Tri Giác Lực) chờ ngày phát triển.

Vậy nên trong cuốn "Thiên Đạo Lược Khảo" này, tác giả chỉ nói tới "Tam Bồ Đề", tức là Chơn Ngã và 4 thể (Vật, Khí, Thần, Thánh) tức là Giả Ngã hay Bản Ngã.

Con người có Hồn và Thể.

Hồn là điểm thiêng liêng linh diệu trong con người. Nó vốn bất tiêu bất diệt. Ấy là điểm linh quang do Chơn linh của Tạo hóa ban cho.

Chơn linh ấy có ba Ngôi, thì hồn cũng có ba bậc:

1. Linh Hồn (*Âme divine - Atma*) cũng gọi Phật hồn, Chơn hồn, Chơn ngã, Chơn tâm, Ngươn thần.
 2. Anh hồn (*Âme spirituelle - Boddhi*) cũng gọi Tiên hồn, Bồ đề, Bát nhã, Trí huệ.
 3. Nhơn hồn (*Âme humaine - Coprs mental supérieur*) cũng gọi Giác hồn, Thần thức, A lại Da thức, Thượng trí thức, Tâm thức, Nghiệp thức.
- Nhơn hồn đồng nguyên chất với cõi Tiên.

Anh hồn đồng nguyên chất với cõi Thiên Tiên, cũng gọi cõi Bồ đề (*Monde spirituel ou Bod-dhique*).

Linh hồn đồng nguyên chất với cõi Ngọc Tiên Thiên, cũng gọi là cõi Niết bàn (*Nirvana*).

Thể thì có bốn thứ là: Vật thể, Khí thể, Thần thể, Thánh thể.

Vật thể (*Corps physique: Rupa*) là xác thịt, thể thứ nhứt của con người. Nó do bốn nguyên tố lớn hiệp thành (Tứ đại giả hiệp). Bốn cái nguyên tố ấy là: đất, nước, lửa, gió (1).

Vật thể bị bao bọc bởi một lớp tinh khí (*ether*), gọi là Khí thể (*Double éthérique: linga-sharira*), cũng gọi là cái Phách, kêu nôm là cái Vía, thuật âm phù gọi Tượng tinh.

Khí thể dùng rút sanh lực vào Vật thể đặng giữ cho Vật thể được sanh tồn. Nhờ có Khí thể chở che bao bọc, Vật thể mới không tan rã.

Khí thể dính với Vật thể bởi một sợi từ khí (*lienmagnétique*). Khi nào Khí thể đứt sợi dây ấy mà lìa khỏi Vật thể, thì con người phải chết. Lúc bấy giờ, Vật thể mất sự chở che của Khí thể, nên lần lần tiêu rã.

Nhà âm phù thuật sĩ dùng phép thôi miên có thể làm cho Khí thể của người sống xuất khỏi Vật thể trong một lúc (nhưng không cho dang ra xa, sợ đứt sợi từ khí mà nguy cho tánh mạng).

Hình nó xuất ra mờ mờ như đám sương mù, người có thần (*voyant*), trông thấy được.

Lúc bấy giờ, xác phàm hết cử động, hết biết cảm giác, tro tro như một tử thi.

Người hít thuốc mê không còn biết đau đớn là vì thuốc mê đã làm cho một Khí thể ra khỏi xác thịt.

Thể thứ ba là Thần thể hay Chơn thần (*Corps astal: Kama*). Dính với Khí thể bởi một sợi từ khí, Chơn thần làm trung gian cho Vật thể và Hồn.

Chơn thần là tạng chứa dực vọng và tình cảm tức là nguồn gốc sự cảm giác. Hễ nó vọng động, thì mắt tham sắc, tai tham thanh, mũi tham hương, lưỡi tham vị và thân tham xúc. Nó là vai chủ động của lục căn.

Tâm lý học gọi là ý thức.

Người ta có thể luyện phép xuất Thần ra khỏi xác mà vân du trên cõi Thần (Trung giới) là cõi thích hợp với Chơn thần vì đồng một nguyên chất.

Chơn thần của các vị tu đắc đạo vốn huyền diệu vô cùng tuy còn ở xác phàm mà tự do xuất nhập, trong nháy mắt dạo khắp ba ngàn thế giới, tiếp xúc với Thần Tiên.

Người đồng tử (*médium*) nhờ xuất được Chơn thần ra khỏi Phách mà thông công với các Đấng Thiêng Liêng.

Thể thứ tư là Thánh thể (*Corps mental inférieur: manas inférieur*). Phật giáo gọi Mat nạ thức hay Truyền thống thức; Tâm lý học gọi Trí thức.

Nó giao thông giữa Thần và Hồn. Hễ Chơn thần phân biệt cái gì là tốt, cái gì là xấu, hoặc điều gì là thiện, hoặc điều gì là ác nó cũng tùy theo mà phân biệt như vậy, rồi truyền sang cho Nhơn hồn hay biết.

Tóm lại, con người có bốn thể là: Vật thể, Khí thể, Thần thể, Thánh thể.

Và ba hồn là: Nhơn hồn, Anh hồn và Linh hồn.

Khi con người chết, bốn thể lần lần tiêu tan, duy có hồn là bất tiêu bất diệt, đi đầu thai kiếp này sang kiếp khác, cho tới khi được hoàn toàn giải thoát (đắc đạo).

Ghi chú:

(1) Xương thịt thuộc đất, vì tánh nó đặc và chắc.

Huyết dịch thuộc nước, vì là chất lỏng.

Ôn độ trong châu thân thuộc lửa, vì tánh nó ấm.

Khí chất trong châu thân thuộc gió, vì tánh nó động.

Khi con người chết, bốn cái nguyên tố trong châu thân lần lần tan rã, rồi hiệp thành một vật thể khác, để rồi tan nữa rồi hiệp nữa, thoát có, thoát không, thoát còn, thoát mất, thiệt rõ ràng một giả tướng.

NHƠN HỒN SAU KHI GIẢI THỂ

Người ta chết là khi sợi từ khí cột dính Vật thể và Khí thể bị đứt đi (1), thế là Khí phách và Thần hồn lìa xác thịt.

Thiệt ra, cái chết chỉ là sự ly dị giữa Vật thể và Khí thể. Khí thể vốn là tạng chứa sanh lực, mà nếu nó lìa khỏi Vật thể thì Vật thể hết sanh lực, phải lần lần tan rã.

Vài ngày sau khi con người chết, Khí thể của người ấy lìa khỏi Chơn thần. Nó không cử động mà cứ vơ vẩn gần tử thi. Ban đêm, đi đến nơi thanh vắng, nhút là nơi mờ mả, những người tánh nhát hay sợ sệt; sự sợ sệt ấy khích thích thần kinh hệ (*système nerveux*)

làm cho họ thấy được hình dạng Khí thể vẫn ở nơi đó. Họ cho là "gặp ma" (*fantôme éthérique*).

Khí thể của người chết tiêu tan một lượt với tử thi. Tàn nhon (người Cao miên) có tục hỏa táng (*Crémation*), nghĩa là thiêu tử thi, rồi chôn tro, hoặc đựng trong hũ đem thờ nơi chùa. Dùng hỏa táng, thì Khí thể tiêu liền theo xác thiêu.

Khi Hồn người chết cõi hết Vật thể và Khí thể, nó được nhẹ nhàng thong thả như trút được một gánh nặng. Lúc bấy giờ, nó lại linh hoạt hơn khi còn tù túng trong xác phàm. Nó vẫn sống như thường ở cõi vô hình; cái sống này mới là sống thiệt, có điều Nhơn hồn không cảm xúc theo phàm trần vì nó không còn Vật thể.

Lúc này Nhơn hồn linh hoạt nhờ Chơn thần là cái vỏ bao bọc nó như Khí thể bao bọc xác thịt vậy. Chơn thần vốn đồng nguyên chất với Trung giới là cõi Thần (*Monde astral*). Cho nên, sau khi rời bỏ xác phàm và cái phách (Vật thể và Khí thể), Hồn nhờ Chơn Thần làm chiếc xe đưa vào cõi Thần là nguyên quán, là quê hương của Chơn thần vậy.

Vấn biết Chơn thần là tạng chứa những hạt giống thuộc về dục vọng và tình cảm. Con người, nếu lúc sanh tiền đã chú trọng vật chất, chỉ lo thỏa mãn dục vọng, tất nhiên Chơn thần bị trọng trước bởi những hạt giống xấu xa ấy, nên nó lâu tan rã. Chơn thần ấy chẳng khác nào cái khảm có bốn vách kiên cố để nhốt Hồn người trong một thời gian rất lâu ở Trung giới.

Vậy nên chú trọng điều này: ở cõi phàm, con người hành động thế nào, sự hành động ấy, dầu lành

dầu dữ, dầu thấp hèn hay cao thượng, cái ấn tượng của các hành vi ấy đều in gắn vào tinh chất (*matière astrale*) của cõi Thần. Đến khi Hồn trở về cõi Thần, thì cái ấn tượng ấy hiện ra có thứ lớp rõ ràng; Hồn người trông thấy chẳng khác nào mục kích một phim chớp bóng (2).

Lúc bấy giờ, Hồn người được sung sướng mà nhận thấy hành vi nhơn thiện và cao thượng của mình khi còn ở thế, hoặc ăn năn và đau khổ mà xem lại những điều độc ác thấp hèn của mình đã tạo. Sự sung sướng và sự đau khổ ấy, tức là phần thưởng phạt thiêng liêng cho hồn người tại Trung giới, tức là miền Âm cảnh mà người ta quen gọi là Địa ngục (*Enfer*), tiếng Phạn là *Kama Loca*.

Hồn những người tu mà giữ tròn nhơn đạo và chuyên việc nhơn đức và hồn của chiến sĩ đã liều mình vì nước, khi về đến cõi Thần đều được hưởng các điều khoái lạc thiêng liêng là phần thưởng cho sự hành vi của mình khi còn ở thế. Đó là đấng Thần vị (thành Thần).

Hưởng và chịu thưởng phạt thiêng liêng ở cõi Thần trong một thời gian lâu hay mau tùy theo căn nghiệp của mình. Nhơn hồn giải thoát được Chơn thần vì Chơn thần đến ngày tiêu tán. Chơn thần tiêu tán, thì bao nhiêu hạt giống của nó tàng trữ bấy lâu, tức là những hạt giống luân hồi (*atomes permanents*) đều rút vào cái thể thứ tư là Thánh thể, để làm nghiệp duyên cho kiếp tái sanh.

Chỉ còn cái Thánh thể bao bọc, Nhơn hồn bỏ cõi Thần mà vào tầng cao nhất của Trung giới, tức vào cõi Thánh (*Monde mental inférieur*). Nhơn hồn ở

cõi này lâu hay mau cũng tùy theo kiếp sống của mình tại thế. Như lúc sanh tiền con người đã hành động cao thượng về tinh thần trí thức, nếu con người đã có những tư tưởng thanh cao và những tình cảm cao siêu của phàm tánh, nếu con người đã biết quên mình để phụng sự một lý tưởng cao cả, hoặc một chủ nghĩa vị tha, thì Nhơn hồn được hưởng bền lâu những khoái lạc, những hạnh phúc thiêng liêng nơi cõi Thánh tốt tươi vui vẻ, và được tiếp xúc với các vị minh Thánh nơi đây. Đó là đặc Thánh vị (thành Thánh).

Nên biết rằng ở cõi Thánh, chẳng một việc gì là phát đoạn (khởi đầu). Những công việc ở đây toàn là kiếp tục. Nói một cách dễ hiểu là: một hạnh phúc không thể bắt đầu tạo ra ở cõi này. Nó phải phát đoạn từ cõi Phàm, rồi đến đây mới tiếp tục mà phát triển thêm.

Cho nên con người khi còn ở thế, cần phải sống một cuộc đời nhơn thiện và thanh cao về tinh thần trí thức và lý tưởng, chớ không phải đợi lên đến cõi thiêng liêng mới lo hành thiện, thì muộn lắm rồi. Luật nhơn quả (*Loi de Karma*) vốn chí công: nhơn nào, quả nấy.

Khi còn ở thế, chúng ta tự tạo phẩm vị thiêng liêng của chúng ta là cái kết quả của những hành vi thuận hay nghịch với Thiên đạo (*Loi divine*).

Khi còn ở thế, chúng ta vẫn có quyền tự do định đoạt cho mình. Chớ nên quá hăng hờ tự tạo lấy xiềng xích đặng sau rồi buộc trói lấy ta.

Khi Thánh thể tiêu tan, những hột giống luân hồi tàng trữ bấy lâu trong đó rút vào Nhơn hồn (Thần

thức) để làm nghiệp nhơn cho kiếp tái sanh như đã nói trước kia.

Nhơn hồn lúc bấy giờ hết bị thế phách ràng buộc, nó được thông thả trở về bản nguyên là Tiên cảnh (*Monde mental supérieur*), nơi mà Thiên Chúa giáo gọi là Thiên đàng (*Paradis*), tiếng Phạn là "*Devakan*".

Điều cần yếu nên biết là tất cả Nhơn hồn sau khi rời bỏ bốn thế, đều trở về cõi Tiên trong một thời gian lâu hay mau tùy theo duyên nghiệp của mình, nhưng đó chưa phải là đặc quả Tiên.

Đặc quả là những Nhơn hồn lúc ở thế biết tu hành theo chánh pháp mà được sáng suốt. Cho nên khi về cõi Tiên, thì có linh cảm hiểu biết và hưởng được những điều khoái lạc thiêng liêng và những thanh phúc của Tiên cảnh (3) u nhàn xinh đẹp.

Nhơn hồn của những bậc chơn tu đắc Tiên vị, khi lia cõi phàm, thì cõi luôn tất cả bốn thế một lượt; vượt khỏi cõi Thần và cõi Thánh mà lên thẳng cõi Tiên. Nhưng sau khi hưởng hết quả vị, nói một cách khác, sau khi mãn hạn (4), Nhơn hồn còn phải luân hồi lại nữa.

Đến như Nhơn hồn, khi còn ở thế không biết tu hành, thì lúc trở về Tiên cảnh, vẫn mờ mờ mịt mịt, không hiểu biết chi hết. Tại cõi thiêng liêng này, những Nhơn hồn ấy ở vào trạng thái vô vi vô giác (*état inconscient*).

Có lẽ độc giả lấy làm lạ, sao lại Trung giới, Nhơn hồn ở vào trạng thái hữu giác (*état conscient*), mà khi đến Thượng giới nó lại vô tri vô giác.

Điều đó cũng không khó hiểu. Lẽ thường, hai

cái thái cực vốn bằng nhau, nhứt là hai cái thái cực về quang độ (*degré de lumière*). Nếu ánh sáng lu mờ, người ta chỉ thấy mờ mịt, như ở vào cõi u minh. Nếu ánh sáng có cái quang độ trung bình, người ta được thấy tỏ rõ, như ở vào cõi Thần, cõi Thánh.

Đến như quang độ lên đến cực điểm, thì ánh sáng chói lòa, người ta bị chói mắt như bị "nắng quáng đèn lòa" mà không thấy chi hết, hoặc không thấy chi đặng rõ.

Ấy vậy, Nhơn hồn mê muội không tu ở vào cõi Tiên là cõi sáng lòa, thì chỉ mờ mờ mịt mịt trong trạng thái vô vi vô giác đó thôi.

Ghi chú:

(1) Có khi sợi từ khí khó bút làm cho kẻ hấp hối phải nhiều đau đớn. Cho nên tôn giáo dùng kinh "độ hồn" đọc trong khi người bệnh sắp tắt hơi, là để giúp cho sợi từ khí nhờ sức rung động của những tiếng mâu nhiệm trong câu kinh mà được bút ra dễ dàng.

Người tu hành đầy đủ đạo đức thì Khí thể của họ nhẹ nhàng trong sạch, sợi từ khí ấy lại được tinh vi, nên khi thoát xác phàm, sợi từ khí bút ra rất dễ, nên liễu trần một cách êm ái.

(2) Đó là "Nghịch cảnh đài" (Psyché astrale) của nhà Phật. Ở cõi Thần, những Hồn đồng một trình độ tấn hóa với nhau đều liên hiệp từng đoàn thể để giúp đỡ nhau đặng tấn hóa thêm lên.

(3) Điều này sẽ giải trong bài luận "Chơn Ngã".

(4) Nhơn hồn đấng Tiên vị hưởng quả mấy ngàn năm, hoặc mấy muôn năm, rồi phải luân hồi nữa, cho đến khi đấng Phật vị mới hoàn toàn giải thoát.

CHƯƠNG THỨ BA

KIỆP LUÂN HỒI

KIỆP LUÂN HỒI

Điểm linh quang (Hồn) thác sanh xuống cõi Phàm mục đích là để học hỏi kinh nghiệm và tấn hóa. Chuyển sanh xuống cõi sắc giới, tất phải mượn sắc thân mà hành động. Càng hành động, càng tạo nhơn. Tạo nhơn, Nhơn hồn tái sanh phải thọ quả theo phép công bình của luật nhơn quả (*Loi de cause à effet ou de Karma*).

Khi nhơn hồn đã mãn hạn ở cõi Tiên, nó phải chuyển sanh xuống phàm trần, mang theo những hạt giống luân hồi của kiếp trước để làm nghiệp nhơn và định mạng cho kiếp tái sanh. Kiếp hiện tại, con người sẽ được giàu sang sung sướng hay bần hàn cơ cực, là do cái nghiệp nhơn của mình đã tạo trong tiền kiếp vậy.

Khi chuyển sanh, Nhơn hồn rời cõi Tiên mà xuống cõi Thánh, dùng tinh chất cõi sau này bao mình một lớp đặng làm cái Thánh thể mới. Đoạn xuống cõi Thần bao thêm một lớp tinh chất cõi Thần mà làm một Thần thể mới nữa (Chơn thần).

Còn Khí thể (Phách) và Vật thể (Xác thịt), thì Nhơn hồn tạo ngay trong thai bào (1).

Ấy vậy, hai cái thể tinh vi hơn hết là Chơn thần và Thánh thể, khi sanh thì sanh trước Khí thể và Vật thể còn khi tiêu tán thì tiêu tán sau, cũng như Nhơn hồn lúc đầu thai thì đến trước, mà khi bỏ xác lại

đi sau. Cho nên có câu: "Khứ hậu, lai tiên tác chủ ông" (Đi sau, đến trước mà làm ông chủ). Ông chủ đây là chủ sắc thân, tức là chủ tứ thể đó vậy.

Như vậy, mỗi lần chuyển kiếp, Nhơn hồn mỗi lần tạo ra bốn thể mới, phù hợp với trình độ tấn hóa của mình.

Hồn vốn không thuộc loại nam hay nữ nhưng lúc chuyển sanh, có khi mang lớp đờn ông, có khi mang lớp đờn bà, là bởi mượn hình thể ấy mà học hỏi và kinh nghiệm về mỗi phái đặng phát triển hai thứ đức tính Âm Dương khác nhau. Trong kiếp làm đờn ông, những đức tánh cương quyết thuộc nam phái như can đảm dũng cảm, đều được mở mang. Những đức tánh nhu hòa thuộc nữ phái thì lại được mở mang trong những kiếp Nhơn hồn chuyển sanh làm đờn bà. Nhơn hồn phải gồm đủ hai thứ đức tánh cương và nhu mới được hoàn toàn.

Không khỏi có người lấy làm lạ sao Nhơn hồn chuyển sanh kiếp này sang kiếp kia mà không nhớ được tiền kiếp của mình (2).

Nên biết rằng những việc của ta đã làm, tuy qua rồi, song cái ấn tượng của nó vẫn còn, nhờ vậy người ta mới nhớ được. Ký ức "sức nhớ" không phải ở óc mà thôi, nó còn ở tại mấy thể khác bằng những ba động tinh vi (*vibrations subtiles*). Sự thí nghiệm cho chúng ta biết nếu dùng phép thôi miên trực Thần của một người nào, thì người ấy, trong khi ở vào trạng thái thôi miên, nhớ lại được những việc họ đã làm trong kiếp trước. Đó là bằng chứng rằng ký ức ghi trong Chơn thân.

Mỗi lần chuyển kiếp, bốn thể đều thay đổi;

bốn thể cũ đã tan, thì con người nhờ đâu mà nhớ được việc trước? (3)

Thế mà ký ức không mất, nó chỉ rút vào Nhơn hồn như những hạt giống luân hồi rút vào đó vậy. Nhơn hồn nào còn thấp thỏi thì chưa có thể nhớ được những việc đã qua và những điều học hỏi và kinh nghiệm của mình trong mấy kiếp trước. Lần lần tấn hóa cao lên, thì nhớ được mang máng vậy thôi. Còn những bậc thượng trí (*Intelligence supérieure*) và thần đồng (*enfant prodige*) vẫn ở vào trường hợp này. Có khi chúng ta bỗng nhiên hiểu được nhiều vấn đề đạo lý cao siêu, không cần lý trí và học cứu. Đó là nhờ cảm giác những điều học hỏi và kinh nghiệm trong kiếp trước. Sự cảm giác ấy gọi là trực giác (*intuition*).

Không nhớ được kiếp trước vốn là một việc hay. Như kiếp trước chúng ta đã làm nhiều việc đê hèn xấu xa, tội lỗi mà kiếp này còn nhớ, thì chúng ta phải chịu biết bao khổ nhục. Hoặc giả kiếp trước, chúng ta được cao sang thì kiếp này phải hối tiếc hay phát động tánh kiêu căng. Phương chi, nếu mình biết được tiền kiếp kẻ này là thù nghịch, người nọ là thân nhơn, thì sự giao tế lấy làm lộn xộn mà mình cũng khó chịu.

Đức Tạo Hóa không muốn cho chúng ta dễ dàng nhớ được tiền kiếp, tức là Ngài đem một tấm màn bí mật che đậy Thiên cơ. Nhưng tấm màn ấy, Ngài để cho chúng ta phải có công tự mình lần lần vén lên.

Nhơn hồn nào tấn hóa cao siêu, hoàn toàn sáng suốt, thì cái ký ức tiềm tàng bấy lâu trong đó cũng phát triển hoàn toàn. Trong trường hợp này, con

người tuy còn tại thế mà vén được tấm màn bí mật ấy, nên nhớ được tất cả những tiền kiếp của mình. Đó là "túc mạng thông", một trong lục thông (*abhijna*) của bậc chơn tu đặc đạo.

Đại để, Nhơn hồn chuyển sanh xuống thế chỉ tạm quên tiền kiếp của mình thôi.

Ghi chú:

(1) Nhơn hồn rút tinh khí ngoài mà tạo Khí thể và nhờ tinh cha huyết mẹ mà thành vật thể. Làm những việc trên đây, Nhơn hồn phải có sự trợ giúp của các Đấng Thiêng Liêng có phận sự coi sóc về việc đầu thai.

(2) Vì không nhớ kiếp trước, nên có người, tuy tin thuyết luân hồi, song nói rằng: "Kiếp này tôi là Nguyễn văn Mít, kiếp sau tôi đâu còn là Nguyễn văn Mít nữa? Tôi sẽ là một kẻ khác như Trần văn Xoài chẳng hạn. Kẻ khác ấy, nếu có chịu quả báo của tôi làm đi nữa thì cũng không quan hệ gì cho tôi, vì kẻ khác ấy đâu nhớ rằng kiếp trước mình là Nguyễn văn Mít. Thế là Nguyễn văn Mít làm mà Trần văn Xoài chịu; vậy thì Nguyễn văn Mít sợ gì mà không làm ác". Nói vậy là không biết Đạo. Phạm người ta khi ngủ thì không biết, không nhớ gì hết. Biết được nhớ được là khi mình thức. Sống ở kiếp này đối với người không biết Đạo, cũng như là thức, vì người sống biết suy nghĩ, biết tưởng nhớ, biết hành động. Chết, theo họ, là ngủ, nên mới nói sự chết là giấc ngủ ngàn năm. - Người biết Đạo lại hiểu khác. Sống, tức là chết là ngủ; chết, tức là sống là thức. - Sống, là chết ở cõi vô hình đặng chuyển sanh vào kiếp hữu hình. Vì chết, cho nên người đương sanh không nhớ tiền kiếp của mình, còn. Chết là bỏ cõi hữu hình để sống vào cõi vô hình. Nhờ sống lại ấy nên Nhơn hồn, ở cõi

vô hình, nhớ rõ tất cả tiền kiếp của mình. Dầu mấy kiếp trước, là Nguyễn văn Mít, Trần văn Xoài hay gì gì nữa, lúc về cõi vô hình, tức là khi sống lại, Nhơn hồn nhận rõ những nhơn cách đó nó chỉ là những phạm thể biến chuyển của mình trong kiếp trước.

Sống ở cõi vô hình mới thiết là sống, sống một thời hạn rất lâu, sống lại những buồn thảm, sung sướng, những đau đớn hối tiếc của những kiếp luân hồi, sự nhớ ấy mới thật là quan trọng bội phần hơn sự nhớ ở phạm gian, nơi đây chỉ là chỗ của nhơn hồn chết tạm, ngủ tạm, để quên nhứt thời sự luân chuyển của mình.

(3) Có khi Nhơn hồn mới vừa bỏ xác thịt và phách, lại được đi đầu thai liền, cho nên còn giữ Chơn thân và Thánh thể cũ. Nhờ vậy mà khi tái sanh, nó nhớ được tiền kiếp. Cái hiện tượng này, báo giới Việt vẫn đã có lần nói đến. Các nhà Thần linh học bên Pháp cũng có tường thuật chuyện nhiều người còn nhớ được kiếp trước của họ.

LUẬT NHƠN QUẢ

Tạo Hóa vốn chí công, không vì thương mà thưởng, không vì ghét mà phạt. Ngài chỉ lập ra luật "Nhơn quả" (*Loi de cause à effet*), cũng gọi là Luật "Báo ứng" (*Loi de Karma*), là cái qui tắc định rằng hễ nguyên nhơn (*cause*) như thế nào, thì nhứt định có kết quả (*effect*) như thế ấy, không một mảy sai chạy. Vậy, ai tạo nhơn lành (duyên lành) sẽ được hưởng quả lành (nghiệp lành). Ai tạo nhơn dữ ắt rước lấy quả dữ.

Cái quả hay cái nghiệp vốn là kết quả cái nhơn hay cái duyên của chúng ta tạo ra trong kiếp trước hoặc kiếp này. Rồi cái quả ấy lại làm nhơn cho

cái quả khác sẽ báo ứng về sau. Nhơn và quả cứ tiếp tục báo ứng như vậy mãi như ảnh tùy hình mà buộc trôi con người trong vòng oan nghiệp.

Có hai thứ quả báo hay nghiệp báo: Biệt nghiệp (*Karma individual*) và cộng nghiệp (*Karma collectif*).

1.- BIỆT NGHIỆP là quả báo riêng từng người, ai tạo nhơn là nấy thọ quả.

Kinh Phật có câu:

"Phụ tác bất thiện, tử bất đại thọ; tử tác bất thiện, phụ bất đại thọ. Thiện tự hoạch phước, ác tự thọ ương" - (Cha làm điều chẳng lành, con không chịu thể được; con làm điều chẳng lành, cha không chịu thể được. Làm lành tự được phước, làm dữ tự mang họa).

Biệt nghiệp ứng quả có hai cách: định nghiệp và bất định nghiệp.

a) Định nghiệp là quả báo có thời kỳ nhứt định. Nhơn hồn đã tán hóa khá rồi, khi được hoàn tỉnh sau cái trạng thái hỗn độn gây ra trong lúc giải thể (thoát xác), lần hồi thấy rõ tội lỗi của mình đã làm, rồi biết ăn năn đau khổ, tự quyết khi chuyển kiếp sẽ trả quả bằng cách nào, trong lúc nào, hoặc trong một thời gian nhứt định.

b) Bất định nghiệp là quả báo không có thời kỳ nhứt định. Chư Hồn thấp thỏi, hôn mê ám muội, đã làm tội lỗi mà không biết tỉnh ngộ, cho nên quả ứng lúc nào hay lúc nấy, không biết tự mình quyết định.

2.- CỘNG NGHIỆP là quả báo chung cho nhiều người. Như nhiều kẻ đồng phạm một việc, khi đền tội, phải chịu quả một lượt với nhau.

Lại có nhiều kẻ, tuy tạo nhơn khác nhau,

song tội đồng nhứt thể, nên đến khi trả quả, cũng chung chịu với nhau một lượt.

Lại có khi một người làm ác mà nhiều người đều hưởng lợi, thì cũng phải chịu chung một cộng nghiệp.

Tất cả nạn nhơn của một tai họa lớn như động đất, bão lụt, chìm tàu, hỏa hoạn, dịch khí, chiến tranh, vân vân... đều là những người chịu một quả báo chung vì họ đã đồng tạo một ác nghiệp.

Mặc dầu xa lạ nhau, mặc dầu kẻ Nam người Bắc, Thiên cơ dong ruổi xui khiến thế nào cho họ hiệp nhau một chỗ đặng đền tội chung một lượt.

THỜI GIAN BÁO ỨNG

Bất câu một nguyên nhơn nào cũng có cái tánh cách tự nhiên là đem lại cái kết quả cấp kỳ. Nhưng thường lại có một nguyên nhơn khác xen vào phản ứng (*cause contradictoire*) làm cho cái kết quả ấy phải hoãn lại một thời gian.

Tỷ như chúng ta để ngón tay vào lửa (nguyên nhơn), chúng ta ắt bị phỏng liền (kết quả cấp kỳ). Nhưng nếu chúng ta dè dặt bao bọc ngón tay bằng một chất thuốc gì có công hiệu che chở, thì là chưa bị phỏng liền. Lửa cần phải đốt hết chất thuốc ấy rồi mới bắt qua ngón tay.

Lớp thuốc áo vốn là nguyên nhơn phản ứng.

Như ở các nước thuộc miền ôn đới như nước Việt Nam, phàm giống lúa hễ gieo xuống (nguyên nhơn) là nứt mộng lên mau (kết quả).

Nhưng ở các xứ lạnh, lúa lại chậm lên là tại

tuyệt giá cản ngăn. Tuyệt giá vốn là nguyên nhơn phản ứng.

Một đứa bé chơi nghịch (nguyên nhơn). Cha nó bắt nó nằm xuống mà răn phạt (kết quả). Trong lúc người đưa roi lên sắp đánh, bỗng có một người bạn đến thăm. Người cha phải hoãn sự răn phạt lại đặng tiếp khách.

Sự khách đến vốn là nguyên nhơn phản ứng.

Cũng vì luật "phản ứng", mà cái quả của một thiện nhơn hay một ác nhơn có khi không báo ứng ngay trong kiếp tạo nhơn. Chúng ta vẫn thấy có nhiều kẻ bạo tàn ác đức mà lại giàu sang sung sướng, nghênh ngang hống hách với đời, là bởi họ đương hưởng cái quả của thiện nhơn họ đã tạo trong kiếp trước. Nhưng một khi đã tận hưởng quả lành, thì ngay trong kiếp đương sanh, hoặc trong kiếp tái sanh, họ sẽ chịu khổ quả của cái ác nhơn mà họ đương tạo.

Đối với thời gian, sự ứng quả có ba cách:

- 1.- Nghiệp báo ứng ngay trong đời tạo nhơn gọi là Đương kiếp nhơn quả hay thuận hiện nghiệp.
- 2.- Nghiệp báo ứng theo cái nhơn tạo trong kiếp trước, gọi Tiền kiếp nhơn quả hay thuận sanh nghiệp.
- 3.- Nghiệp báo ứng ở kiếp sau, do cái nhơn hiện tại, gọi là Hậu kiếp nhơn quả hay thuận hậu nghiệp.

NHÒI QUẢ

Trong kiếp đương sanh, mỗi hành vi của chúng ta vốn làm nhơn cho quả tương lai. Những việc ác chúng ta làm là những khoen sắt kết thành xiềng xích buộc trói chúng ta vào bánh xe luân hồi vậy.

Nhưng nếu biết hồi đầu giác ngộ, lo tu hành đứng đắn và lập công bồi đức, tức là tránh gây thêm nợ; những mối nợ của chúng ta đã tạo trong kiếp trước và trong buổi đầu của kiếp đương sanh chúng ta phải dồn trả nội trong kiếp này cho thanh toán, thì mới được rảnh rang thoát tục. Cách trả quả này gọi là "nhòi quả".

"Nhòi quả" là một cách trả quả rất nặng nề nhưng cũng là một phương giải thoát. Cho nên người biết đạo luôn luôn vui chịu những hoạn nạn, tai ương dồn dập đến cho mình. Và nếu thấy người nào đạo đức chơn tu mà bị hoạn nạn cùng tai biến bất ngờ, tưởng chẳng nên lấy làm lạ, vì người ấy đương chịu "nhòi quả" đó vậy.

BỔN GIÁC

Trong một lớp học, chúng ta thấy trí thức học sanh không đều nhau, đứa giỏi, đứa dở, đứa thông minh, đứa u ám. Cùng được một thầy săn sóc, cùng học chung bài vở, sao lại có sự phân biệt ấy? Người ta trả lời một cách dễ dàng rằng tại đứa này sáng, đứa kia tối; thử hỏi sự sáng tối ấy do đâu mà ra?

Lại cùng sống trên quả địa cầu, tại sao dân này văn minh, dân tộc kia lạc hậu?

Sự sai biệt ấy chắc hẳn là do trình độ tấn hóa khác nhau. Đứa học sanh này u ám là vì ít tấn hóa. Nói tấn hóa là nói luân hồi chuyển kiếp. Một kiếp luân hồi, là một nấc thang tấn hóa. Dân tộc đã man là dân tộc còn mới trên đường tấn hóa, tức mới trải qua ít kiếp luân hồi. Dân tộc văn minh là dân tộc đã lâu

đời trên đường tấn hóa tức đã nhiều kiếp luân hồi vậy.

Đành rằng kiếp sống là kiếp chung, nhưng trình độ tấn hóa của một kiếp riêng con người là do thời gian của điểm chơn linh (hồn), dùng để tấn hóa, kể từ khi bắt đầu thác sanh xuống thế.

Cái trình độ tấn hóa của mỗi người trong kiếp đương sanh gọi là bốn giác. (1)

Tấn hóa đây không phải tấn hóa thuần về trí thức, mà kể luôn về tinh thần đạo đức. Người học đạo cần phải biết trình độ tấn hóa về tinh thần đạo đức của mình đến đâu, rồi do đó mà ứng dụng phương pháp cho nhằm cách mà tấn hóa thêm lên; như vậy mới nhằm đường phải lối (2). Biết được bốn giác và giác pháp, tức là đắc pháp vậy.

Xin đơn cử ra đây một thí dụ dễ hiểu:

Trước khi cất nhà, tôi phải đắp nền cho vững chắc. Nếu nền không vững chắc, nhà cất lên phải lún. Cũng vậy, muốn cất nhà "làm Tiên Phật", tôi phải trước đắp nền cho vững chắc tức là trúc cơ. Tôi phải tự biết chắc rằng tôi đã chế ngự được thất tình lục dục, rồi tôi mới bắt đầu hàm dưỡng tinh thần tọa thiền nhập định. Tôi phải tự biết chắc trình độ tấn hóa tinh thần đạo đức của tôi đã đến chỗ tận diệt tình dục, rồi mới dám bắt đầu vào việc công phu. Bằng chẳng vậy, sự tịnh luyện của tôi sẽ luống công vô ích. Phải biết mình đặng tuân tự tấn hóa.

Ở đây có một điều rất nguy hiểm:

Tôi thấy một việc rất cao quý, huyền diệu, rồi tôi muốn làm cho kỳ được. Nhưng phải xét coi bốn giác của tôi đã đến trình độ làm việc ấy chưa? Tôi

không nên dục tốc mà uống công nhọc sức. Yếu điểm sự tổn hao không phải trong một lúc mà lên đến cực độ, cần phải tuân tự tiến lên, không thái hóa, không bất cập.

Hãy xem phương pháp Đức Chí Tôn un đúc chúng ta. Với người này, Chí Tôn buộc việc gặt gao, với kẻ khác, Thầy lại dễ dãi. Đó là Thầy do trình độ bốn giác mỗi con mà dạy dỗ.

Một người, đầu Thiên tước lớn lao đến đâu đi nữa, song nếu bốn giác chưa cao mà bị bắt buộc làm những việc cao cả, thì thế nào làm được.

Ai tu đến hạnh nào, chúng ta cứ vui để cho người ấy tuân tự tiến lên, thế nào cho "một đức trở hơn một phẩm cao" là được. Chúng ta chẳng nên bó buộc người khác làm những việc không thể làm được.

Một người còn mền vật chất mà bảo họ tự khắc bỏ đi để trau dồi tinh thần đạo đức, không khỏi bị họ trề môi khinh bỉ. Phải do thị hiếu của người mà dẫn lần đến chỗ cao hơn, một ngày một ít, thì mới hóa độ người được.

Biết được bốn giác của người, chúng ta mới biết khoan dung, rồi lòng tự kiêu sẽ nhờ đức khoan dung ấy mà tắt đi.

Ghi chú:

(1) *Tiếng Phạn gọi Dharma, nhà Phật dịch là Pháp.*

(2) *Đức giáo chủ Pythagore có dạy môn đệ của Ngài như vậy: "Người hãy tự biết người, rồi Người sẽ biết được Võ trụ và các vị Thần linh".*

"Người tự biết Người", tức là biết cái bốn giác của người vậy.

QUAN NIỆM THIỆN VÀ ÁC

Luật nhờn quả vốn căn cứ vào cái nguyên tắc "Thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo".

Vậy, thế nào là thiện? là ác?

Thiệt ra, thiện với ác khó mà phân biệt, là vì chẳng có điều thiện và điều ác nào tuyệt đối cả. Thiện và ác chỉ tương đối thôi, nói cho dễ hiểu, điều này sở dĩ gọi thiện là nhờ đối với một điều khác mà người ta cho là ác. Điều nọ sở dĩ gọi ác là bởi đối với một điều khác mà người ta cho là thiện. Chớ riêng biệt ra, một điều gọi thiện chưa hẳn là toàn thiện, cũng như một điều gọi ác chưa ắt là toàn ác đâu. Do đó, chúng ta có thể suy diễn ra rằng: cái gì đối với chúng ta là ác, có thể đối với người khác là thiện và trái lại.

Vài cái thí dụ cho dễ hiểu:

Nhiều người bảo cần ăn thịt cá mới đủ chất bổ dưỡng thân thể. Ăn thịt cá, đối với họ, là một điều tốt, điều thiện.

Song đối với bực chơn tu, ăn cá thịt là không trọng mạng con sanh vật, tức là thiếu lòng nhờn.

Hơn nữa, tiếp dưỡng bằng thú chất là dùng chất ô trược mà bồi bổ bổn thể, làm cho nó phải nặng nề ô trược.

Vậy đối với bực chơn tu, ăn cá thịt là điều xấu, điều ác.

Lại như các giống mọi dã man còn ăn thịt người; nếu họ biết hối ngộ và để chút lòng thương đồng loại mà bỏ thói ăn ghê tợn ấy đi, rồi sẵn con thịt thể vào thịt người, thì ắt họ sẽ bước được một bước

khá dài trên đường tấn hóa.

Vậy ăn thịt thú vật, đối với họ, là một điều thiện đó.

Thế thì làm sao định nghĩa hai chữ thiện, ác?

Theo chúng tôi thấy thì:

a).- Gọi ác là những việc làm, những lời nói và những tư tưởng nào có thể làm trở ngại sự tấn hóa của một người hay một sanh vật nào chẳng hạn, hoặc làm cho người hay vật bị thiệt hại, khổ sở, buồn rầu.

b).- Gọi thiện là những việc, những lời nói và những tư tưởng nào giúp cho sự tấn hóa của một người hay một sanh vật nào chẳng hạn, hoặc làm cho người hay vật được lợi, hoặc được sung sướng, vui mừng.

Hành thiện là hành động theo chủ nghĩa vị tha.

Hành ác là hành động theo chủ nghĩa vị kỷ. Vị kỷ là ngã chấp, nghĩa là chấp cái bản ngã.

BẢN NGÃ

Phàm làm việc gì mà trông mong ở tư kỷ, tư lợi, như làm phước đặng mong gặp phước, làm phải để cầu khen, như vậy là tư về bản ngã, nghĩa là ngã chấp, chấp cái Ta. Cái Ta là cội rễ các việc tư, cho nên việc gì chẳng lợi cho mình mà nếu buộc phải làm, thì làm lấy có. Còn việc gì có lợi thì lại tính thiệt so hơn, cân phân từng chút, mệch nhọc không nài. Vậy cái Ta thường sanh ra những tánh vị thân vị kỷ, chứa đầy tư tưởng thiên lệch theo ngã kiến, nói tóm lại, nó là nguồn gốc của các tánh xấu xa đê tiện. Tưởng chấp có

Ta thì chẳng biết có người. Ta và người mà phân biệt, thì bao nhiêu hành động thiên về vị kỷ mà mất lễ công, có khi còn phải thất nhơn thất đức.

Diệt được cái Ta là tiết chế được tình dục, đoạn trừ tư tâm ngã kiến, rồi nhứt cử nhứt động đều quay về vị tha, quên cả mình để mưu lợi cho người. Đã quên cả mình thì còn việc gì làm lụy cho mình được?

Thử kiểm trong hình hài ta, coi có cái gì thiệt là của ta đâu?

Thân thể con người là "tứ đại giả hiệp". Khi hồn lìa khỏi xác, bốn nguyên tố cấu tạo thân thể thủy đều tan rã, rồi hiệp thành một bản thể khác, để rồi tan nữa hiệp nữa, thoạt có thoạt không, rõ ràng là một giả tướng. Đã là giả tướng, tội gì bo bo chấp lấy cái Ta?

Cho nên, bực tu hành nếu không lo trừ bản ngã, thì chẳng thế nào bỏ vọng về chơn, bỏ mê theo giác mà thoát ra vòng luân hồi quả báo. Là vì, hễ còn ôm ấp cái Ta, là còn cố chấp ngã kiến, nên không thể nào tìm ra Chơn lý.

Chơn lý với bản ngã không bao giờ lưỡng lập.

CHƠN NGÃ

Vấn biết Hồn có ba bực; tuy ba mà một. Ba ấy là:

Linh hồn (*Âme divine*), Anh hồn (*Âme spirituelle*) và Nhơn hồn (*Âme humaine*). Tiếng Phạn gọi cái Một ấy là *Jivatma*, còn ba bực ấy là: *Atma - Bouddhis -*

Manas.

Linh hồn mới thiệt là cái ta, tức là Chơn ngã vậy. Nhơn hồn chuyển sanh từ kiếp này sang kiếp khác. Vì vô minh vọng chấp cái thân tứ đại làm bản ngã, cho nên ích kỷ mà sanh dục vọng, rồi tạo nhơn mà phải trả quả.

Nếu con người biết tu, dùng qui giới mà lọc cho Nhơn hồn trong sạch, dùng thiên định mà làm nó yên tịnh, như nước biển yên lặng không sóng dợn, thì Nhơn hồn sẽ đắc giác mà chứng quả Nhơn Tiên, hoặc cao hơn một bực là Địa Tiên.

Nhơn Tiên và Địa Tiên là bực sáng suốt, dứt sạch vô minh mê muội, biết rõ quá khứ vị lai, phân biệt được vọng với chơn nên không còn duyên theo ngoại cảnh. Tuy nhiên phần thô tướng (1) đã dứt, nhưng phần tế tướng (2) chưa đoạn tuyệt.

Vì vậy mà sau khi hưởng tận Tiên vị trong một thời gian mấy ngàn, mấy muôn năm ở cõi Tiên rồi, còn phải chuyển kiếp đặng tấn hóa thêm lên và diệt trừ cho tuyệt tế tướng.

Người có Tiên căn giáng thế là bực đại thông minh, học ít hiểu nhiều, có khi trực giác mà hiểu biết. Người ấy bao giờ cũng hành động phi phạm cao thượng, độ thế cứu đời bằng cách dìu dẫn chúng sanh trên đường đạo đức. Vừa lập công bồi đức, vừa tu luyện cho Trí huệ của mình phát triển hoàn toàn mà chứng quả Bồ đề (*Bodhi*), Phật giáo gọi Bồ Tát, Đạo giáo gọi Thiên Tiên, hưởng quả tại cõi Bồ đề hay cõi Thiên Tiên (*Monde boudhique ou spirituel*).

Bồ Tát hay Thiên Tiên là bực hoàn toàn tự giác, biết rõ quá khứ vị lai, hiểu thấu cơ màu nhiệm

của Trời Đất, không còn gì học hỏi nữa. Song tự giác chỉ là giác ngộ cho mình thôi, nên vẫn còn tự kỷ mà chấp trước vẫn còn. Muốn cầu chánh giác, Bồ Tát phải chuyển sanh một kiếp chót, giáng thế làm một vị chưởng giáo lập đạo cứu đời, hóa độ chúng sanh bỏ mê theo giác mà vượt qua biển khổ.

Đó là giác tha, nghĩa là đem cái giác ngộ của mình mà giác ngộ chúng sanh; sự giác ngộ của mình đã hoàn toàn, sự giác ngộ của chúng sanh đã viên mãn, tức là tự giác và giác tha đầy đủ, nên được chánh quả Chánh giác (3). Phật giáo gọi thành Phật, Đạo giáo gọi thành Đại giác Kim Tiên.

Chúng quả Phật, thì Anh hồn (Bồ đề) được hoàn toàn giải thoát, hết phiền não, hết chướng ngại, hết nghiệp báo luân hồi, hết trì trệ theo giả tướng mà trở lại bản thể Chơn tâm, tức là Chơn ngã mà vào cõi Niết Bàn.

Ghi chú:

(1) *Thô tưởng là những tư tưởng thô siển về hữu tình (Pensées concrètes).*

(2) *Tế tưởng là những tư tưởng tế vi, vô tình (Pensées abstraites).*

(3) *Đắc chánh giác cũng gọi là đắc Tam bồ đề (Sambodhi), trên quả bồ đề (Bodhi) một bậc. Nhưng đắc quả Tam bồ đề rồi còn có thể tu luyện nữa mà đắc quả Tam diệu Tam bồ đề (Samya sambodhi), hoặc đắc quả A nậu đa la tam diệu tam bồ đề (Anuttara- samya- sambodhi), tức là bậc Vô thượng chánh đẳng chánh giác, như đức Phật Thích Ca.*

CHƯƠNG THỨ TƯ

SỰ SỐNG Ở CÔI HỮU HÌNH tức là THẾ GIAN

PHƯƠNG PHÁP TU HÀNH

Chúng ta ở vào thế hệ văn minh khoa học. Phàm những điều kiện sanh tồn về vật chất phải phù hợp với khoa học để mưu cầu những tiện nghi cần thiết thì đã đành, đến như sự sanh hoạt về tinh thần trí thức cũng không ngoài phạm vi khoa học.

Thời đại mới, thì tinh thần mới, tư tưởng mới, quan niệm mới, cho theo nhịp trình độ trí thức của chúng sanh hiện đại.

Ngày nay, nói đến việc tu hành, vị tất phải tưởng tượng một vị ẩn tăng lim dim luyện phép trường sanh, không biết đến những điều kiện sanh tồn vật chất?

Là vì chữ Tu, hiểu theo nghĩa rộng, là trau sửa. Trau là trau lòng trong sạch thanh cao, sửa là sửa tánh xấu ra tốt đẹp, rồi chế ngự dục tình, đoạn trừ ích kỷ, dọn mình chơn chánh, giữ kỷ luật Trời.

Thế thì ở đâu cũng là tu được. Tu tại gia mà giữ vẹn công phu còn hơn ẩn non ẩn núi, vì chung ở chốn phồn ba náo nhiệt là chỗ dễ kích thích dục tình đê tiện, mà đạo tâm bền vững không nhiễm bợn nhơ, tỷ như hoa sen sanh chốn bùn lầy mà vượt lên tốt tươi trong sạch. Tu ở thị thành mà không trầm nhiễm mới thiệt là đại ẩn. (1)

Thuở xưa, bậc chơn tu cần lánh xa trần tục,

xả thân cầu đạo, xả phú cầu bần, để sống nhờ lòng hi cúng của chúng sanh.

Nay thì không thể được. Sự kinh nghiệm đã chứng rằng tu hành cần phải có đoàn thể, có tổ chức có trật tự đặng để cho chúng ta điu dắt lẫn nhau anh trước em sau, trên đường đạo đức.

Tu để ăn nhờ sống gởi ở lòng hi cúng không phải là phương trường cứu. Cần phải sống bằng tự lực, tự cung, tự cấp mới được. Vì lẽ đó, trong đạo cần tổ chức đủ ngành hoạt động kinh tế để nuôi sống lẫn nhau, giúp nhau cho có chánh nghiệp và phương thế lập công quả với đạo, với đời.

Quan niệm "yếm thế", không hạp thời nữa.

Ngoài những bực hiến thân vào cửa đạo cần phé hết phàm trần tục sự thì chẳng nói, kỳ dư những người tu tại gia vẫn làm ăn chất phác như thường, và cũng kè vai gánh vác một phần trong công việc xây đắp nền thanh vượng về kinh tế cho quốc gia xã hội; có điều khác hơn người thường là, ngoài giờ làm lụng thay vì rong chơi vô ích, họ nhơn lúc rảnh rang mà lập công bồi đức, hoặc dạy dỗ lẫn nhau cùng trau sửa tánh tình bằng cách quan sát hành động mỗi ngày.

Lại trong giờ rảnh việc, nhứt là ban đêm thanh vắng là lúc tâm hồn tỉnh táo thơ thới, người đạo còn phải di dưỡng tinh thần cùng tưởng Trời tưởng Phật, tức là dùng tư tưởng mà thông cảm với Trời Phật, hầu tiếp điển lành mà tắm tưới tâm hồn ngày được thanh cao, minh mẫn. Trí thức (2) phải xua đuổi những tà niệm và ác ý cho tư tưởng mình được nhơn lành, trong sạch.

Người đạo cần phải giữ bốn hạnh cho chánh

đáng thì tinh thần mới mau tấn hóa. Cần phải có những đức tánh: từ bi, hỉ xả, nhẫn nhục, tinh tấn, bình đẳng, bác ái, nhu hòa, tự tại, chí thành.

1.- Trọng mạng sống tất cả loài tứ sanh, xót thương người đói khó, cô đơn mà trợ giúp; buồn thấy người làm dữ, vui xem kẻ làm lành. Đó là từ bi.

2.- Ai chê không giận, ai ghét chẳng hờn; đại lượng với người thù nghịch; dĩ ân báo ân mà không dĩ oán báo oán; hơn nữa, dĩ oán vi ân. Đó là hỉ xả.

3.- Vui chịu đủ phương thử thách; gặp biến cảnh thế nào cũng biết chiều theo thế ấy mà không phiền muộn trách than, không ngã lòng thối chí. Đó là nhẫn nhục.

4.- Cố tâm tiến trên con đường công đức, trong không nhiễm một mảy vọng niệm để tâm hồn được hư không thơ thới; ngoài không biếng nhác tháo lui, một mực hăm hở lo tròn bốn phận. Đó là tinh tấn.

5.- Xem vạn vật vốn đồng nguyên, xem các loài máy động vẫn đồng tánh. Đối đãi với người không phân giai cấp, không phân quốc tịch; chẳng so đo phú bần quý tiện; lấy đức làm trọng, lấy đạo làm cao; không cậy thế ỷ quyền, không xu phụ người thế lực; xem ta như người, xem người như ta. Đó là bình đẳng.

6.- Xem tất cả chúng sanh là con một Cha, thương người mền vật, trọng tất cả sanh mạng mà không phạm giới sát. Đó là bác ái.

7.- Dùng nhã lượng, lễ nghi ứng đối với người phỉ báng; mềm mỏng mà khuyên lơn; ôn hòa mà hóa độ; dầu gặp rối ren gay gắt thế nào cũng bình

tính điều đình ổn thỏa. Đó là nhu hòa.

8.- Phạm ở đời, bắt câu vào cảnh ngộ nào, hễ tri túc là toại, tùy phận là yên; lập công với đời là phi nguyện chớ không cần khen thưởng; thấy lợi sợ điều phi nghĩa; gặp may không đắc chí, gặp rủi chẳng nao lòng, lành dữ đều phú cơ báo ứng, cứ ung dung thờ thối, chẳng cho lưới trần lao lung câu thúc. Đó là tự tại.

9.- Thành thật với mọi người, dầu trong đạo hay ngoài đời cũng vậy, trong tất cả hành vi động tác, nhứt nhứt đều ngay thẳng thật thà; không một lời giả dối, không một ý tà tây; xử sự chẳng mưu mô lừa đảo. Đó là chí thành.

Tóm lại mà nói, ngoại trừ những phương pháp tu dưỡng cao siêu dành riêng cho bậc thượng thừa, còn thì những qui tắc vừa kể ra đây rất hợp với người ta tu tại gia không điều chi bó buộc khó khăn, và cũng không mấy may nào gọi là yếm thế, là dị đoan, là mê tín.

Đành rằng người tu cần phải giữ giới luật của tôn giáo mình. Khoản này sẽ giải trong phần thứ hai là Phần Giáo lý.

Ghi chú:

(1) Có câu: "Đại ẩn ẩn thành thị". Nghĩa là: "Người ở giữa thành thị mà vẫn lánh được tục trần mới đáng gọi là đại ẩn."

(2) Trí thức tức là Thánh thể.

THẮT TÌNH

Trong con người, có hai phần động tác: động tác về vật thể và động tác về tinh thần.

Động tác về vật thể là: hô hấp, tiêu hóa, tuần hoàn, vận động, vân vân.

Động tác về tinh thần là: mừng, giận, buồn, vui, sợ, thương, ghét, gọi chung là thất tình.

Tâm (Nhơn hồn) vốn là chủ lục căn. Do lục căn, Tâm cảm xúc ngoại vật mà sanh tình. Khi cái Tâm bình tịnh là lúc thất tình chưa vọng động, cái Tâm còn giữ bốn thể chơn tánh của nó. Ví dụ Tâm là cái ao, Tánh là nước ao còn phẳng lặng. Tình là sóng dợn sau khi bị gió xao. (1)

Lục căn là: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Tình cảm phát doan từ mắt, tai, mũi, lưỡi, bị ngoại vật cảm xúc mà điều động ý thức (Chơn thân). Ý thức in hình ảnh của cảm xúc vào Trí thức (Thánh thể), rồi Trí thức truyền nó vào Tâm thức mới có thể cảm giác mà sanh tình.

Có người mới vào cửa đạo, trong khi đạo tâm phấn khởi lại muốn sớm diệt thất tình, nhưng họ chỉ cố đè nén nó không cho phát khởi, thành thử nó chỉ bị chôn giấu trong tiềm thức mà thôi, có dịp là tung ra dữ dội. (2)

Ngày xưa, các bậc chơn tu đắc đạo phát nguyện hóa độ chúng sanh, há không phải vì thương mà hóa độ sao?

Nay Đức Chí Tôn lập đạo đặng phổ độ chúng sanh cũng chỉ vì thương. Song sự thương của các Đấng trên đây không phải là dục ái của kẻ phạm phu mà là pháp ái, là chơn ái vô thượng, của bậc cao siêu.

Thay vì diệt thất tình là việc mà người còn ở thế chưa có thể làm, tưởng nên chuyển nó lên chỗ cảm giác cao thượng để áp dụng trong việc cư xử hàng ngày.

- Mừng! Thay vì mừng ích kỷ về tư danh tư lợi, chúng ta nên mừng thấy người nào biết giác ngộ, biết hồi đầu hướng thiện, và tránh đặng tai ương.

- Buồn! Thay vì buồn cho thân phận gặp nhiều khỏo đảo mà phải điêu linh điên bái; thay vì buồn cho gia đạo đa đoan nguy khốn, chúng ta nên buồn cho kẻ nào không biết sợ tội tình nghiệt chướng còn chấp mê bất ngộ, cứ khur khur theo chủ nghĩa thấp hèn vị kỷ.

- Giận! Thay vì giận kẻ chê bai phỉ báng cùng cố tâm ngăn trở bước đường tu, chúng ta chỉ nên giận mình không đủ tài đức đặng cảm hóa được người. Có vậy chúng ta mới ráng lo học hỏi và trau dồi đạo hạnh thêm lên.

- Vui! Thay vì vui sống với những khoái lạc về nhục dục thấp hèn, chúng ta chỉ nên vui sống một đời tinh thần cao khiết, không chi làm cho tâm hồn chúng ta phải nôn nao bận rộn.

- Sợ! Thay vì sợ quyền sợ thế, sợ mưu qui chức tã, chúng ta chỉ nên sợ cho mình không lo tròn thiên chức, và sợ Thiên điều không dám làm chi trái đạo.

- Thương! Thay vì hạn chế tình thương ích kỷ trong vòng thân nhơn quyến thuộc và trong cuộc ái ân, chúng ta nên thiệt lòng thương tất cả chúng sanh mà thiệt hành chủ nghĩa bác ái, đại đồng.

- Ghét! Thay vì ghét trò đời giả dối, chúng ta

nên ghét việc phi nhơn mà chẳng khứng làm, ghét của phi nghĩa mà không chịu giữ.

Đó là chuyển được thất tình lên đến chỗ cao siêu vô ngã vậy.

Ghi chú:

(1) *Gió này là ngoại vật cảm xúc vào ý thức; nhà Phật gọi là bát phong, tám điều cảm xúc từ ngoại vật đưa vào điều động ý thức mà sanh sóng thức, tức thất tình.*

(2) *Chúng ta thấy có người tu hành chín chắn mà đột nhiên phá giới, rồi gây tội lỗi còn hơn người thường, là vì thất tình sau một thời gian bị đè nén (refoulement) bỗng nhiên nổ bùng ra quá mạnh, không sao ngăn được.*

THAM DỤC

Con người vì vô minh (*avidya*) không biết mình tự đâu mà ra; sanh ra để làm gì, và thác rồi sẽ ra sao, nên lầm tưởng chỉ sống trên cõi tạm này trong một thời gian là cùng tận. Vì vậy mới thiên về chủ nghĩa duy kỷ, ngày đêm cứ bo bo theo những điều cận lợi nhĩn tiền, miễn sao thỏa mãn được lòng khát khao ham muốn, những vui thích về giác quan, trối kệ kiếp tương lai mà họ không tin là có. Mà người ta khát khao ham muốn những gì?

- Danh vọng, tài lợi, sắc đẹp, cường dũng, sung sướng, vân vân....

Danh vọng vốn không phải muốn mà có, tìm mà được. Người đáng có danh vọng tự nhiên danh vọng đến cho. Nếu cố tâm tìm kiếm, như vác tiền mua phẩm tước, hoặc làm việc chi để cầu danh, thì cái

danh vọng ấy chỉ là danh vọng hão, tức là hư danh vậy.

Nhiều người cứ bo bo đeo đuổi theo tài lợi, lấy đó làm hạnh phúc cho mình, chớ không dè mình phải đem cả xác thịt tinh thần làm nô lệ cho tài lợi mà một ngày kia, sau khi hồn lìa khỏi xác, cũng không thể đem theo. Có khi lòng ham muốn làm cho mình u ám mà quên cả nghĩa nhơn đạo đức.

Bóng sắc tuy có cái vẻ mỹ quan, nhưng nó chất chứa không biết bao nguy hiểm. Biết bao người phải tiêu mòn tinh lực vì sắc dục và để cho nó thâm ngăn đời sống của mình! Biết bao người làm điều can danh phạm nghĩa vì sắc dục! Biết bao người khuynh gia bại sản, hoặc gây nhiều tội lỗi vì sắc dục!

Cường đồng (mạnh bạo) là cái lợi khí của người này dùng xâm lấn quyền lợi của kẻ khác, nói rộng ra nữa là lợi khí của một nhóm người đàn áp một nhóm khác yếu hơn. Nhưng đáo đầu, mạnh bạo thế nào cũng không qua lẽ phải. (1)

Biết bao người, ở đời, ngày đêm, cứ lo sao cho mình sung sướng, tìm hoài kiếm mãi, nhưng chẳng thấy chi đáng gọi là chơn hạnh phúc. Thì chẳng khác nào một hành khách bơ vơ trong sa mạc. Đương hồi nắng nôi khao khát, thấy trước mặt một vũng nước, cố mau đến nơi mà giải khát. Song le, càng tiến tới, vũng nước càng cách xa. Thiệt vậy, trên cõi tạm này, có chi thiệt là sung sướng đâu? Như gọi giàu sang vinh hiển là sung sướng, chớ biết đâu những bực giàu sang vinh hiển ấy lại chẳng có cái khổ tâm lo lắng hơn người thường? Chơn hạnh phúc của chúng ta đâu phải ở thế gian này?

Sự ham muốn vốn có cái đặc tánh là không khi nào thỏa mãn. Được một, muốn mười, được mười, muốn trăm. Rồi được trăm, lại muốn ngàn. Ham muốn điều chi mà không được là khổ (Câu bất đắc khổ). Và sự ham muốn phải biến thành sầu khổ, khi nguyên nhơn sanh ra sự ham muốn ấy mất đi. Sự ham muốn mà không bỏ đặng, thì nó trở làm mối dây ràng buộc con người trong cảnh khổ. Ham muốn lợi danh, thì bị lợi danh ràng buộc. Ham muốn thân gia, thì bị thân gia ràng buộc...

Sự ham muốn vốn thiên hình vạn trạng, song rút lại là ở lòng tham sống (*Tanha*). Lòng tham sống thúc giục người đời quyền luyến hồng trần, quây cuồn trong vòng vật chất, tự mình tạo khổ cho mình mà không hay biết.

Người biết đạo sống được cuộc đời yên tịnh vô biên, vì tắt được lòng ham muốn, thả cái vọng tâm lại không cho nó phóng túng ra thiên hình vạn trạng, thì còn gì mà khổ?

Ghi chú:

(1) *Đồng bất quá Thiên, cường bất quá lý.*

ĂN CHAY

Ăn chay có ích về cả hai phương diện vật chất và tinh thần. Điều này sẽ nói sau. Trước hết, nên cần biết cách thức ăn chay mới không hại cho sức khỏe.

Ăn chay kỳ thì chẳng nói chi, ăn cách nào cũng được. Duy có ăn trường trai thì chẳng nên dùng

ròng tương, chao, muối mặn, ép xác để cầu khổ hạnh như có kẻ hiểu lầm.

Cần phải lựa thức ăn vừa miệng và bổ dưỡng. Có vừa miệng ăn mới ngon; có biết ngon ăn mới không chán. Có bổ dưỡng, thân thể mới khỏe mạnh.

Trước khi tập ăn chay, cần phải biết món ăn nào nên dùng, món ăn nào không nên dùng, rồi lượng sức mình mà tập trai kỳ; lần lần mới bắt qua trường trai. Có người mới tu, vì đạo tâm phấn khởi, bỗng nhiên vội ăn trường. Ăn không nổi cũng ráng, đến đôi ốm o gầy guộc, xanh xao vàng vố, thành ra một "quảng cáo" không hay cho thuyết ăn chay.

Trong trời đất, không có chi là tuyệt đối, thì sự ăn chay tất nhiên cũng không nên tuyệt đối. Cái nguyên tắc của sự ăn chay là ăn toàn những chất thuộc thảo mộc, thì năm thứ: hành, họ, tỏi, nén, kiệu, gọi "ngũ huân" vẫn là thảo mộc, có cử chẳng là những bực công cao quả dày, tham thiên nhập định, vì nó có tánh cách kích thích và thương tổn tinh thần. Người mới học đạo cần phải lao động trong trường công quả, thì chưa buộc phải kiêng cử, nhưng ai kiêng cử được cũng nên.

Lại như những người trường trai rủi lâm bệnh hoạn mà lương y buộc phải dùng sữa và trứng thì cũng nên tạm dùng trong lúc bệnh, đợi lành mạnh sẽ thôi, chẳng nên quá cầu chấp mà hại thân.

Có người câu chấp thái quá, cử kiêng từng chút, rốt cuộc phải từ thái cực này sang qua thái cực kia, nghĩa là bỏ hẳn trường trai mà ăn mặn.

Vậy, việc ăn chay cũng như việc tu hành,

không nên thái quá mà cũng không nên bất cập.

Người già yếu trường trai, thỉnh thoảng dùng sữa và trứng để giúp cho mình dễ ăn uống cũng là một phương tiện. Mấy nhà hiền triết Âu Tây, phần nhiều ăn chay theo cách tương đối này.

NƯỚC NÀO CŨNG TRỌNG SỰ ĂN CHAY

Bên Á châu là nơi phát khởi văn minh đạo đức và là nơi phát tích các tôn giáo, tất nhiên sự ăn chay thông truyền đã lâu đời.

Bên Âu châu, tuy là nguồn gốc văn minh vật chất, nhưng các bực hiền triết, những hạng đạt nhơn quân tử, cũng biết chú trọng phép dưỡng sanh ấy từ xưa.

Ô Franklin, nhà phát minh cây thâu lôi, (*paratonnerre*), trọn đời dùng toàn bánh mì với trái cây mà sống.

Ông Pythagore, là bực đại hiền triết am hiểu đạo lý cao siêu và được Âu Mỹ tôn sùng học thuyết. Những người đến xin thọ giáo, ông buộc phải ăn chay.

Các dân tộc chuyên về nông nghiệp hồi thượng cổ là những dân tộc đã sáng tạo nên văn minh thế giới, họ cũng dưỡng sanh bằng rau trái, thỉnh thoảng họ mới ăn chút ít cá thịt. Mà họ vẫn được tráng kiện và ít hay bệnh hoạn.

Các tín đồ Thông thiên học (*Théosophie*), các tín đồ Thần linh học (*Spiritisme*), các nhà tu kín (*Trappistes*) và những nhà thông thái Âu Tây chuyên chú về đạo đức tinh thần, cũng ăn rau trái mà được

khương kiện và sống lâu.

ĂN CHAY ĐỐI VỚI KHOA HỌC

Có người công kích sự ăn chay, cho là không thích hợp khoa học, mà nếu hỏi không thích hợp thế nào, thì mười người như một đều đáp rằng ăn chay làm cho da thịt mét xanh và thân thể ốm o vì thiếu máu.

Đó là một quan niệm sai lầm, một thành kiến ăn sâu vào trí não nhiều người từ lâu lắm vậy. Đành rằng người mới tập trường trai, lúc đầu phải mất sức, là vì cơ quan tiêu hóa của mình thuở giờ quen chịu với cá thịt, mà nay bỗng nhiên đổi lại tiêu hóa đồ chay và rau đậu, tất nhiên sự tác dụng của nó phải đổi, làm cho cơ thể vì vậy mà mất sự điều hòa. Lại thêm các tế bào (*cellules*) trong châu thân cũng bị đổi thức ăn mà biến chuyển trong một lúc rồi lần lần quen đi, chẳng những bình phục như xưa, mà được còn bổ dưỡng hơn là khác.

Nhiều nhà bác học Âu châu như Flourens, Cuvier, Daubenton, Buffon đều công nhận ăn chay là phương bổ dưỡng nhất và chứng nhận rằng sự sống của các sanh vật trên cõi này, nhờ chất bổ của khí nóng mặt Trời, mà khí nóng ấy kết tinh lại ở các giống thực vật (Thảo mộc), rồi mới truyền sang cho các động vật (Thú vật).

Cho nên ăn trái cây và rau đậu là kiếp dưỡng trực tiếp bằng chất bổ của khí Thái dương, còn ăn cá thịt là kiếp dưỡng gián tiếp vậy.

Một kỹ nghệ gia nước Mỹ, muốn thí nghiệm

coi trong hai phái ăn chay và ăn mặn, phái nào làm lung giỏi hơn, nên chia cả dân thợ mình làm ba đoàn: một ăn ròng đồ chay, một ăn ròng cá thịt, còn một thì ăn nửa chay nửa mặn.

Không bao lâu thì thấy rõ đoàn ăn chay làm lung trôi nhất. Kế đó, ông đổi đoàn ăn cá thịt trở lại ăn chay, đoàn ăn chay trở ăn mặn, thì đoàn trước lại làm lung trôi hơn hội ăn mặn. Thí nghiệm đoàn ăn nửa chay nửa mặn, kết quả cũng đồng một thể.

Năm 1898, gần đô thành Bá linh (Berlin), nước Đức (Allemagne), ông bộ trưởng chiến tranh tổ chức một cuộc chạy đua, có 23 người dự thí, trong đó có 8 người ăn chay. Kết quả 8 người này toàn thắng cuộc đua.

Trong sách thuốc dạy cách chữa bệnh bằng các thứ rau đậu (*légumothérapeutique*) của y học Thái tây, thấy nói: "Rau tứ thể (*artichaut*) trị sốt rét và bệnh tiểu ra chất đường (*diabète*); củ nghệ tây (*carotte*) trộn dấm ăn xối rất mát; cải bắp (*chou*) trị những bệnh hư phổi và ngoài da; cà vó (*tomate*) trị bệnh xót ruột, xà lách son (*cresson*) rửa tạng phủ; hạt cải (*moutarde*) tẩy trường, măng tây (*asperge*) trị bệnh trái tim hồi hộp".

Y học cũng chứng nhận cá thịt truyền độc cho thân thể hơn là bổ dưỡng, và làm cho con người phải đau ruột là bệnh hằng xảy ra trong thời đại này. Ăn nhiều thịt và nhiều trứng quá, thì những chất ấy thối ra biến thành chất độc trong ruột mà sanh bệnh. Thịt cá giúp cho sức tiêu hóa rất mạnh, làm cho người ta ăn uống quá độ, chuyển động kích thích cả phần huyết nhục trong châu thân mà chiêu tập những tình dục xấu xa, lôi cuốn con người vào vòng tội lỗi.

May mà những người ăn mặn, tuy dùng cá thịt và trứng làm món ăn chánh, song cũng ăn rau đậu phụ vào, thì cái lượng về thịt cá và trứng cũng bớt đi.

Xét về cơ thể, nhà khoa học chứng nhận con người vốn sẵn có tánh cách ăn rau đậu và trái cây hơn ăn cá thịt. Dưới đây là luận thuyết về lẽ đó của y khoa bác sĩ Georges Duville:

"NGƯỜI TA KHÔNG PHẢI SANH RA ĐẶNG ĂN THỊT"

Người ta ngày nay sở dĩ hạp dùng nhục thực là vì buổi trước đã lắm công phu mới tập thành thói quen ấy, thế mà phải chịu lắm nỗi gay go mới được vậy.

Thuở ban sơ, người ta không phải là giống ăn thịt; cơ thể cùng tạng phủ loài người đủ chứng rõ điều ấy và làm cho chúng ta nhận thức rằng vật thực phù hạp với tì vị chúng ta là cỏ rau cây trái.

A.- Răng loài người không phải răng dùng để ăn thịt.

Phái ăn thịt cho rằng loài người cần phải ăn thịt vì loài người có thứ răng chó (*canines*), mà chó là loài ăn thịt.

Nói vậy là lầm, vì răng của loài chó cùng các giống thú ăn thịt thì dài, tức để dùng xé thịt; còn răng của người ta, tuy gọi răng chó kỳ thiết nó cụt giống như răng khỉ, mà khỉ thì ăn trái cây.

B.- Bao tử và ruột của loài người không phải dùng để ăn thịt.

Răng cấm của các loài ăn thịt đều nhọn, nhai thịt không được nát, song lại nhờ bao tử dày và

manh, vận động giúp cho thịt ăn vào dễ tiêu hóa. Bao tử của người ta thì mỏng và yếu, bởi không cần nặng công về việc tiêu hóa, là vì răng cấm của người ta dày và đẹp đủ sức nhai nát vật thực rồi mới nuốt, mà răng cấm của loài người lại giống răng cấm của các loài vật ăn cây trái.

Ruột của loài ăn thịt thì cụt, còn thịt thì mau tiêu. Ruột của người ta thì dài hơn mấy thước; ấy đủ chứng rằng ruột của người ta rất cần ích cho vật thực lâu tiêu, mà các nhà sanh lý học đều công nhận thảo mộc lâu tiêu hơn thịt.

C.- Phàm nhục thực nào thừa, không cần yếu cho sự bổ dưỡng thì cơ thể của loài vật ăn thịt lại có thể đổi thành chất diêm cường (*ammoniaque*) mà tiết ra theo đường tiểu tiện.

Cơ thể con người lại không phải vậy. Thế thì Tạo Hóa sanh ra loài người vốn không chủ định cho loài người ăn những vật nào chứa nhiều chất thịt.

Thú cầm vốn có bốn năng đói biết kiếm ăn, khát biết kiếm uống. Con người linh hơn cầm thú, không những vì đói mà ăn, vì khát mà uống, lại còn vì ngon miệng mà ăn, tất biết chọn lựa miếng ăn ngon béo, ngọt bùi. Nhưng nếu không biết phân biệt món ăn nào bổ dưỡng món ăn nào độc hại, thì nguy cho cơ thể biết bao! Cho nên các nhà thông thái mới phát minh khoa vệ sanh ẩm thực phù hạp với sanh lý học (*physiologie*) và hóa học (*chimie*) để bảo tồn sức khỏe và sự sanh hoạt cho nhơn thân.

Cơ thể con người là một bộ máy hoạt động

không ngừng. Sự động tác làm cho cơ thể phải hao mòn, thì một phần sanh vật trong châu thân, tức là tế bào (*cellules*), phải hao mòn tiêu tụy. Vật thực vốn là món để bổ vào tế bào tiêu tụy ấy.

Chẳng những vậy, cơ thể cũng là một động cơ (*moteur*) để sản xuất năng lực (*énergie*). Muốn cho động cơ ấy chạy, phải có than củi chụm vào. Vật thực tức là than củi vậy.

Thế thì vật thực có hai công dụng:

1.- Một phần để thế vào tế bào của cơ thể mà đã hao mòn tiêu tụy.

2.- Một phần để giúp cho cơ thể có năng lực.

Hóa học đã chứng minh rằng vật thực giúp phần năng lực là vật chứa nhiều thủy thán chất (*hydrate de carbone*), mà vật thực có thủy thán chất phần nhiều thuộc loại thảo mộc. Còn vật thực thuộc thú chất, thì chỉ có trứng là có thủy thán chất mà thôi.

Về phần vật thực thế vào tế bào, thì hóa học cũng có phân chất từng món ăn chay và ăn mặn, mà so sánh thì cũng chứng nhận đồ chay chứa nhiều chất bổ hơn đồ mặn.

ĂN CHAY ĐỐI VỚI LUÂN LÝ

Cổ nhơn có câu: "Người khéo nuôi thân không cần phải dụng cao lương", và cũng có câu "Người mà chịu khổ ăn rau cho là ngon thì việc gì mà làm chẳng nổi?" Phương chi, con người mà biết giữ cách ăn uống theo luật tự nhiên, biết chọn thức ăn thanh đạm, nghĩa là ăn chay, thì khỏi phải khổ tâm lo nghĩ về cái sống của mình trong lúc nguy nan; và

bình thường, chẳng những tỏ lòng nhơn thiện mà còn treo một tấm gương thanh đạm trong gia đình.

Công chúng mà biết vui dùng những món ăn thanh đạm, thì những cái tình dục xấu xa cũng dẹp đi được, mà lại vừa tăng thêm sức khỏe, vừa mở rộng khiếu lành ra nữa.

Trong xã hội, chẳng những người nọ phải nhờ người kia mà thôi, mà lại phải nhờ cả những giống súc vật giúp đỡ chúng ta làm những việc nặng nề, khó nhọc như trâu cày, bò ngựa kéo xe, vùn vùn... Song than ôi! Đến lúc già, trâu hết sức cày, bò ngựa hết sức kéo, người ta lại đoạn tình giết chóc mà ăn thịt! Sao lại nỡ quên công phu khó nhọc khi xưa?

Một nhà luân lý và sử ký trú danh nước Hy Lạp (Grèce) là ông Plutarque, nhơn giảng vấn đề ăn chay đã hạ câu lý thú này:

"... Các anh nói beo, sư tử là thú dữ, mà các anh không thua gì mấy con ấy, bởi vì chúng nó giết đặng ăn mà sống; chỉ ư các anh giết đặng ăn cho ngon miệng, mà các anh còn dùng mỗi miếng đặng giấu sự ghê gớm ấy đi".

Trong một miếng thịt, hình như in rõ nổi thống khổ của con vật trước khi bị giết, đã chịu cái cảnh phân ly bầy lũ giống nòi, lại bị nhốt bị cầm, nhịn đói, nhịn khát. Đến khi bị giết, thịt xương chặt xẻ ra từng miếng, tay dơ mồ mả vào, máu hôi dính theo lưỡi dao cạnh thớt..

Một con bò vừa mới bị sả làm tư treo trên móc sắt; máu đỏ chảy ròng ròng mà thịt tươi còn mấp máy. Cái thảm cảnh ấy, hỏi ai mục kích mà chẳng thương tâm?

Mạnh Tử nói: "Thấy con vật sống, không đành thấy nó chết; nghe tiếng kêu la thảm thiết, không nỡ ăn thịt nó. Vì vậy, người quân tử xa lò sát sanh, lánh chỗ trù phong".

Kinh "Tam Giáo qui nguyên" có đoạn này:

"Người ăn cá thịt đều phạm lý ngũ thường:

- 1.- Giết hại con vật, đặng ăn ngon béo miệng mình, là bất nhơn.
- 2.- Giết hại con vật làm cho nó phân chia bầy lũ mà đãi bà con mình là bất nghĩa.
- 3.- Đem thịt hôi tanh dung cúng Quỷ Thần, là bất lễ.
- 4.- Khen ăn con vật cho là lộc Trời ban mà hại nó phải chịu dao thớt là bất trí.
- 5.- Lập mưu nhử mồi, gạt nó sa vào hàm lưới, là bất tín.

Người ở thế phải giữ năm hằng; biết mà cố phạm là lỗi đạo luân lý đó vậy".

Tóm lại, Thánh Hiền xưa, dầu ở phương Đông hay phương Tây, cũng đều răn việc sát sanh mà trọng sự ăn chay.

ĂN CHAY ĐỐI VỚI TÔN GIÁO

Các tôn giáo, từ xưa đến nay, đều trọng sự ăn chay, lấy đó làm căn bản cho việc làm lành lánh dữ, lại lập thành một giới luật rất nghiêm; phàm người tu hành, dầu ở bậc nào, cũng phải giữ kỹ.

Nhà tôn giáo cấm sát sanh, đại khái là vì những lẽ sau này:

Phàm các loài tứ sanh (1) là những giống biết

cảm giác, biết thương yêu, đương chịu luật tấn hóa của Trời Đất. Chính chúng ta xưa kia đã từng trải qua làm con vật rồi mới tiếp làm người. Cho nên, đối với động vật, chúng ta phải tỏ lòng nhơn ái là hạp với đức hạo sanh của Tạo hóa.

Giết hại giống vật là giết hại đồng loại với chúng ta, lại còn cản bước đường tấn hóa của chúng nữa.

Vả lại, giết một con vật chẳng phải là chỉ giết cái cơ thể không hiểu biết chi hết mà thôi đâu, mà còn phạm tội với điểm linh quang đương tấn hóa trong cơ thể ấy.

Người ta đối với động vật là giống trình độ tấn hóa thấp hơn mình, mà còn giữ tánh sát hại, thì là tạo một ác quả cho mình, không tránh khỏi cơ báo ứng.

Người tu hành mà ăn thịt là thiếu đức từ bi đã đành, mà chư Thần Thánh cũng không thể thân cận đặng quyền niệm hộ trì, vì cái hơi tanh hôi xông lên xúc phạm.

Kinh "Dhammika Sutta" có câu: "Người chủ nhà chẳng nên tự mình giết, không nên bằng lòng cho người khác giết và cũng chẳng nên xúi ai giết một con sanh vật nào".

Thánh kinh "Cựu ước" của Thiên Chúa giáo, nơi khoản nói về việc tạo lập Trời Đất, có câu Đức Chúa Trời lại phán:

"Này Ta sẽ cho các người mỗi thứ cỏ kết hạt mọc khắp mặt đất, và các loài cây sanh trái có hạt; giống ấy sẽ là đồ ăn của các người".

Kinh "Cảm ứng" có câu: "Loài vật cũng của

Trời sanh ra; nó cũng có tánh mạng, biết ham sống sợ chết, biết đau biết ngứa như người. Nếu sát sanh hạ bạc là tổn đức hạnh".

Kinh "Xung hư" nói: "Con người muốn ăn thịt thú vật thì ăn, chớ Trời Đất chẳng phải sanh nó ra cho người ăn đâu. Vậy sao không nói luôn rằng Trời Đất sanh con người để cho muỗi mòng hút máu, cho cọp sói ăn thịt?".

Kinh "Lăng già" lại có câu: "Ăn thịt vào bụng một lát, thịt ấy hóa ra vật dơ dáy, thân thể ta hấp thụ vật ô ứ ấy mà to lớn: vậy thì cái thân thể hôi tanh, có chi là thanh tịnh?".

Tổng luận, ăn chay chẳng những là giới luật riêng của tôn giáo, mà cũng cần ích chung cho mọi người, nhứt là cho các nhà có tư tưởng tinh thần đạo đức.

Ghi chú:

(1) Loài tứ sanh là: *noãn sanh*, *thai sanh*, *thấp sanh*, *hóa sanh* (loài *sanh* *trùng*, *sanh* *thai*, *sanh* *chỗ* *ướt* và *loài* *biến* *hóa*).

Luôn tiện xin hiến ra đây những kinh nghiệm trong hai chục năm trường để giúp chư vị mới tập trai giới:

1.- Khi ăn phải giữ tinh thần vui vẻ, đừng giúp cho sự tiêu hóa dễ dãi và điều hòa. Các nhà y học Thái tây đã nghiệm chứng người ta tiêu hóa đồ ăn bằng trí tưởng hơn bằng dạ dày (bao tử). Cho nên người Âu tây có tục lệ đặt một bình bông trên bàn ăn

cốt giúp cho người ăn xem thấy màu hoa đẹp mà cảm xúc, rồi bắt khiến ăn ngon.

Đức Khổng Tử trong buổi ăn dầu có ai đến phỏng vấn điều chi Ngài cũng không chịu luận đàm là vì muốn để trọn trí tưởng vào việc ăn.

2.- Bát đĩa tốt sạch cũng giúp cho người ta ăn ngon miệng.

3.- Ăn nên lựa đồ tươi; đồ khô héo mất chất bổ.

4.- Nên ăn ít đồ chiên xào vì nó nóng thường làm cho người ta bị bón và rát lưỡi.

5.- Nên ăn ít canh, uống ít nước, vì món ăn vào vị trường sẵn có tiêu hóa dịch (*suc digestif*) nhĩ ra tiếp đón; nước uống vào nhiều quá làm lỏng chất tiêu hóa dịch ấy đi mà phải kém công dụng.

6.- Ngoài buổi ăn, không nên ăn dặm bánh hàng.

7.- Khi sốt rét, nên ăn ít ít; không ăn lại càng tốt.

8.- Mỗi tháng nên xổ một lần cho khỏi bón.

9.- Phải sửa đổi, chế giảm món ăn, tùy sức khỏe, tùy vị và thời tiết. Nhứt là phải thăm coi trong mình có điều chi khó chịu không. Nếu đau bụng hay sôi ruột, phải nhớ lại coi mình đã ăn món chi mà tì vị không hợp, rồi giảm bỏ món ấy đi.

10.- Nên thường ăn đồ chua như: chanh, khế, bưởi và dấm trộn xà lách (*salade*) hoặc xà lách xon (*cresson*), vì nó tẩy trường.

Ăn chay được lâu rồi, nghe trong mình nhẹ nhàng, dễ chịu, và nhiều bệnh khó chữa chỉ nhờ ăn chay mà dứt tuyệt.

CHƯƠNG THỨ NĂM

ĐỨC TIN SÁNG SUỐT

ĐỨC TIN SÁNG SUỐT

Phàm theo một đạo nào, là chúng ta đã tin ở giáo lý và chỗ cao siêu của đạo ấy. Chúng ta đã có một đức tin. Rồi ngày qua ngày, chúng ta lo tưởng tới đạo và hành động theo lẽ đạo, đức tin ấy càng thêm mạnh mẽ. Đức tin đã mạnh mẽ, thì không một việc gì ở thế gian này long lay nó được. Là vì, đã tin chắc ở đạo, chúng ta đem trí lực hăng hái, cả tinh thần cứng rắn mà làm đạo, thế nào chúng ta lại không đủ nghị lực chống chọi bất kỳ một biến cố nào "Đức tin, theo phương ngôn Âu tây, dời cả núi non" (*La foi transporte les montagnes*).

Ngày xưa, muốn cho mấy cao đồ phải dùng trí sáng suốt mà xét suy phán đoán, đặng có đức tin vững chắc, Đức Thế Tôn (Thích Ca) bảo:

"Bất luận điều gì có ghi chép trong sách vở, hoặc từ cửa miệng của chư hiền triết nói ra, hay của tiền nonh truyền lại, đều không được nhắm mắt tin càn mà trước phải xét suy phán đoán coi có đúng lý hay không?".

Đó là một lẽ trọng quyền phán đoán và tự do tín ngưỡng cá nhân.

Tất phải tin theo mấy bực đạo trưởng mình, vì mấy vị ấy đã làm cái việc Thế Tôn dặn bảo trước kia, cho nên tôn giáo nào cũng có tín điều (*dogmes*) là những giáo lý mà giáo hội đã dùng trí sáng suốt xét

suy phán đoán và nhận là chơn lý; chư tín đồ chỉ tin theo là khỏi sai lầm.

Vả, huyền vi màu nhiệm Thiên đạo vốn có nhiều chỗ trí phàm chúng ta dầu tấn hóa đến đâu, cũng không thể nào thấu được, các nhà khoa học trí danh khắp hoàn cầu cũng đành bó tay mà chịu.

Ngày nay, đặng rõ chút ít cơ màu nhiệm ấy, là cũng nhờ Ông Trên chỉ bảo. Những Thánh huấn góp thành một giáo lý bất di bất dịch là những điều đáng tin, không thể nào cãi được.

Ví dụ như Đức Chí Tôn dạy rằng ngoài Tam Thiên Thế Giới, có Thất Thập Nhị Địa Cầu mà Địa Cầu chúng ta ở thuộc vào hạng 68.

Điều này, chúng ta làm sao xét đoán cho biết đúng lý hay không? Trừ ai không tin thôi, còn chúng ta đã tin ở đạo lẽ nào lại mơ hồ nghi hoặc?

Đức Chí Tôn đã nói:

"... Ngày nay các con chẳng thấy đặng hành vi màu nhiệm, mà chính mình Thầy đã đến nói, các con cũng nên tin nơi Thầy mà cho lời dạy của Thầy là chơn thật.

Nếu các con đợi đến buổi chung qui, hồn ra khỏi xác mới thấy đặng cơ màu nhiệm, thì chừng ấy đã muộn rồi".

Hễ chúng ta tin tưởng Trời Phật, thì Trời Phật cảm ứng với chúng ta. Đức tin tỷ như một vật chứa nước, cơ cảm ứng đối với đức tin ví như nước đem đựng vào. Vật lớn chứa được nhiều nước, vật nhỏ tất chứa ít nước. Đức tin lớn được nhiều cảm ứng, và trái lại; chỉ ư vật chứa bể đi (là khi mất đức tin), thế nào

đựng được nước nữa? (mắt cơ cảm ứng).

Vậy, đức tin rất cần yếu cho người giữ đạo. Mạnh đức tin, làm đạo vững bền. Yếu đức tin, chóng chầy phải "ngã".

Chúng ta chẳng những cần có đức tin, mà còn phải un đúc đức tin cho trọn cả gia đình, nhứt là trẻ thơ. Trẻ thơ chưa biết tội lỗi, chưa biết dị đoan. Đó là lúc nên bắt đầu un đúc đức tin của chúng về đường chánh tín. Một phương hay để ngăn ngừa oan nghiệt cho trẻ thơ. Bằng chẳng sớm toan, đợi cho trẻ con lớn khôn gây nên nghiệp báo rồi mới lo ngăn đón, thì chẳng khác nào đợi mất của rồi mới lo phòng trộm cướp.

Nếu con người từ nhỏ chí lớn có sẵn đức tin chánh đáng; ngày giờ un đúc đã lâu, thì đức tin đặng mạnh. Đức tin mạnh tất đủ nghị lực cự đương với tục tình tội ác.

Phải làm cách nào un đúc đức tin của trẻ em về chánh tín?

Trước nhứt, người làm cha mẹ phải có một đức tin chơn chánh, cứng rắn và vững vàng. Đức tin ấy phải biểu lộ cho con cái thấy mà noi theo. Phàm con cái hay tiêm nhiễm theo cha mẹ trong cử chỉ hành vi. Nếu cha mẹ bảo con phải kính tin Trời Phật mà tự mình không tỏ ra điều gì để cụ thể hóa sự kính tin, thì con cái biết dựa vào đâu mà tin? Làm như thế chẳng khác nào mấy tấm bảng chỉ đường (*poteau indicateur*) dựng mấy ngã tư, ngã ba kia vậy. Bảng cứ chỉ đường này đi... đường kia đi... mà bảng cứ ở yên một chỗ. Hành khách do theo bảng chỉ có khi cũng lạc đường, sao bằng có người dẫn dắt.

Việc lễ bái nơi nhà, đối với bậc đạo hạnh cao siêu tuy không cần yếu, nhưng đối với phụ nữ và trẻ em, vốn có ảnh hưởng sâu xa về tín ngưỡng.

CƠ KHẢO THÍ

Có trường thi "công quả", tất có cơ "khảo thí" theo phép công bình Thiên đạo. Phàm muốn đoạt thủ ngôi vị nơi trường thi ấy, người hành đạo phải có công lao xứng đáng và phẩm hạnh hoàn toàn. Chịu thử thách mà không sa ngã, mới đáng đăng tên vào Tiên tịch.

Vì lẽ công bình, Đức Chí Tôn buộc phải để cho Ma vương (1) (*Mara*) cám dỗ. Kẻ nào kém đạo hạnh phải sa vào chạm bẫy.

Thường thường chánh tà tương khắc. Hễ đạo khai thì tà khởi. Đạo không ma khảo, đạo khó thành. Ma không Đạo khai, ma không được dịp mở cơ thịnh vượng.

Ma khảo có nhiều cách, đại khái như:

- 1.- Mạo danh Tiên Phật, dối ban huyền diệu cốt mê hoặc người phải xa chánh giáo.
- 2.- Giục người thấy sắc đẹp mê sa, thấy tài vật ham muốn.
- 3.- Hóa việc lạ lùng quái gở cho người sợ bỏ dở công phu.
- 4.- Chiều theo sở dục con người mà cám dỗ, tức là đánh ngay chỗ yếu của người.
- 5.- Bài bố những khó khăn gay cấn cho người thối chí ngã lòng.

Đức Chí Tôn cho biết trước:

"Chung quanh các con, dầu xa dầu gần, Thầy đã thả một lũ hổ lang ở lộn với các con. Thầy hằng xúi chúng nó thù dịp mà cắn xé các con, song trước, Thầy đã cho các con một bộ thiết giáp chúng nó chẳng hề thấy đặng, là đạo đức của các con.

Ấy vậy, ráng gìn giữ bộ thiết giáp đó hoài cho đến ngày các con hội hiệp cùng Thầy.

Nghe và ráng tuân theo".

Đường đã trải qua, chúng ta thấy rõ tu hành gặp không biết bao trở lực. Nào là người hữu ý hay vô tình kích bác, cho đến bà con cật ruột cùng bạn thân yêu buổi trước, mà nay thấy chúng ta tu hành, họ cũng đem lòng nhạo báng (2). Nào là kẻ gây điều khó dễ, mong phá hoại việc tu.

Lại thêm nào là kẻ xinh lịch, nào là cao lương mỹ vị, phú quý lợi quyền, toàn là cạm bẫy mà chúng ta phải cẩn thận tránh từng bước trên con đường hành đạo.

Trong khi lập công bồi đức, chúng ta thường bị gia đạo rối ren, hao tài thốn thiếu hoặc lâm tật bệnh (3) làm cho chúng ta ngã lòng thối chí nếu không nhẫn nại và vững đức tin.

Những chương ngại trên đây là sự trạng của cơ "Khảo thí" vậy.

Muốn chống lại, chúng ta ráng giữ bộ thiết giáp y nguyên, nghĩa là giữ sao cho đạo đức vẹn toàn và nhẫn nhục cố gắng với đức tin bền vững mà sấn bước, dầu gặp phải "nhơn khảo" hay "ma khảo" luôn luôn phần thắng cũng về chúng ta.

Tự tín và bền chí là bí quyết thành công vậy.

Ghi chú:

- (1) Nhà Phật gọi Ba tuần quý lợi.
- (2) Chính họ không cố tâm ganh ghét, nhưng Ma Vương xúi giục mà tự họ không ngờ.
- (3) Có hai thứ bệnh: bệnh về cơ thể hay tinh thần, và bệnh về căn quả (maladies karmiques).

CƠ THỬ THÁCH

Cách Thần Tiên huấn luyện Người học Đạo

a).- Lúc dạy dỗ. - Trong lúc dạy dỗ, Thần Tiên dùng ba cách: 1. Dạy, 2. Khuyên, 3. Răn.

Những cách dạy dỗ, các Ngài không dùng giống nhau vì phải tùy theo trình độ và khí chất của mỗi người. Hỏi chi thì cắt nghĩa rõ rồi đó. Nếu người học đạo biếng nhác, các Ngài nhắc nhở khuyên lơn, năm mười lần, mà cũng còn biếng nhác, không chăm học, không lo lắng, sửa mình, thì các Ngài lại răn. Răn ấy là làm cho mình bị đau ốm, người ngoài khinh rẻ, các việc đời dồn dập tới, rối loạn tinh thần, phải tự hối trở về lần Đạo lại, mới được yên tịnh tu hành.

b).- Cơ khảo hay thử thách. - Sau khi dạy dỗ một ít lâu sẽ có một cơ khảo thí nghĩa là "giám khảo" hạch hỏi. Những điều ấy là cơ thử thách do Ông Trên cho lệnh các vị Thiên Liêng khảo duyệt. Chẳng những thử thách là một cuộc khảo duyệt mà nó cũng là sự oan nghiệt của người tạo khi xưa. Mấy cuộc khảo duyệt ấy như cuộc thi lên lớp, nhưng sau khi lên lớp này rồi, còn phải thi lên lớp khác nữa; một lần qua khỏi một cơn thử thách, ấy là một lần lên được con đường tấn hóa. Nên sự thử thách rất hữu ích cho

nhơn sanh, vì nó un đúc tinh thần người học đạo rất mạnh mẽ. Ấy là "phương luyện thần".

Sự thử thách cũng như luồng giông tố. Ai đã trải qua mà cái "Tâm" chẳng đổi, "Ý" chẳng dời, thì mới mong đạt đường Đạo được.

Trong cuộc khảo và thử thách, có nhiều cách, như là khảo: Tham, Sân, Si, Ái, Dục.

"Tham" là tham muốn điều phú quý danh lợi, ăn ngon, mặc tốt, ở đẹp.

"Sân" là hờn giận, oán thù.

"Si" là mê tín những chuyện thần kỳ quái.

"Ái" là thương yêu thể tử, lưu luyến sắc đẹp.

"Dục" là muốn thúc hối con người toại hưởng những điều khoái lạc.

Khảo là khảo cho biết chơn giả, thử là thử cho biết tà chánh, cho biết vàng đá. Vàng là loài kim quý báu nhất, dùng lâu năm mà chẳng phai màu, nhiều thử lửa đốt mà vẫn tự nhiên.

Gỗ là vật trên rừng, chạm thành vật quý báu nhờ sự đục đẽo, trau dồi, chạm trổ của thợ. Sự đục đẽo, trau dồi, chạm trổ, lửa luyện đó là những sự khổ não, phiền hà, cay đắng của Thần Tiên sắp đặt đặng un đúc tinh thần người học Đạo cho lâu luyện, mai sau có gặp cảnh ngộ như vậy, không nao lòng, nản chí. Vì hễ người đạt được cái "Đạo thuật" rồi, thì đối với cảnh ngộ nào, dầu cho khổ tâm cách mấy, vẫn xem thường. Mỗi thời kỳ khảo là mỗi lần nâng cao người lên trình độ là mỗi lần đặt người vào một địa vị. Cái địa vị nhiệm mầu thiêng liêng không vì chức tước, áo mũ mà cân nhắc lên được. Người ta khi đã tăng tiến thì không còn ai chăm chú ở sức mạnh, ở giá

trị của mình đã lập tâm tạo sẵn ra, mà chính vì cái tài đức tự nhiên. Đã biết mình có cái thanh tịnh đối với xã hội nhơn quần của mình thì nên kêu gào cho người biết theo, cũng như mình coi danh lợi là bọt bóng, chóng chầy tan rã, không lấy sự mạnh được yếu thua mà chỉ cốt lấy lòng bác ái đầy tràn vậy.

Một vị Tiên Trưởng có khuyên dạy về cơ khảo như vậy:

"Các em hãy dẫn bớt nộ khí; cái giận có hại cho các em. Vì nếu "Tâm" phát hỏa thì phải trái nan phân. Trí khôn các em, lúc bấy giờ sẽ bị lòng giận dữ nó choán hết, thành ra có khi xử sự quấy, nói năng quấy, mà phải tổn âm đức.

Đạo do ở Nhẫn mà Nhẫn mới phải Đạo. Nóng như Trương Dục Đức là cái nóng "Giết mình" nguội như Trương Lương là cái nguội "Nên Danh" đó.

Các em chẳng nhớ Ôn-Nhu Hòa-Mục, quân tử lập thân, Âm Á Cường Can, tiểu nhơn đoạt lợi hay sao?

Nóng này làm chi hỏi các em!

Hạnh Tiên, nét Thánh ráng công rèn.

Tánh tình thô lỗ khuyên chừa hẳn,

Có vậy chơn tâm mới chẳng hèn.

Cũng như sắt, sắt vô lửa phải mềm, chớ yếu là như nước, nước bao giờ ai chặt đứt, bút rời?

Các em quên lời Từ Phụ dạy rồi hay sao? Ngày gần thành Đạo là ngày Tà mị nó khởi động để xô sập lật giữa các em, ai yếu chỗ nào, nó nương chỗ đó mà phá khuấy. Ấy vậy, khi nào có gặp sự trở đương khổ khí, tức lòng, các em nên nhớ đến lời Từ Phụ mà cười cho qua cơn sóng gió. Chi chi đều có Từ Phụ và chư Phật Tiên phò trợ ủng hộ. Các em nên để trọn lòng thành thoi mà hành Đạo

là điều quý hơn hết.”

CƠ BÚT PHỔ THÔNG

(Sự tiếp xúc của cảnh vô hình với cảnh hữu vi)

Cơ là vật dùng để thỉnh Tiên, làm bằng tre đan như cái giỏ dài; ngoài phát giấy vàng, có cán; trước cán thường khắc đầu chim loan; một cây cọ bằng mây hoặc bằng tre cắm trước cán để viết trên ván hay trên cát.

Người chấp cơ, gọi theo danh từ thông thường là đồng tử (*médiums*). Đại Đạo "T.K.P.Đ." gọi chức sắc Hiệp Thiên Đài (*Corqs des médiums*).

Đồng tử là người có đặc khiếu xuất Chơn thần ra khỏi phách, đến hầu Thần Tiên mà nghe dạy bảo bằng cách chuyển di tư tưởng (*transmission de la pensée*), rồi nhờ linh điển Thần Tiên giảng hiệp với nhơn điển đồng làm cho cánh tay cử động mà diễn giải tư tưởng ra bằng văn tự.

Có hai thứ đồng tử: đồng mê và đồng tỉnh.

Chấp cơ mà mê Chơn thần xuất trọn (1) khỏi phách, tiếp được rõ ràng tư tưởng của Thần Tiên, nên diễn ra nhiều thi phú văn chương tuyệt diệu, hoặc nhiều bài đạo lý cao thâm, nhưng mãi đàn, Chơn thần phải mệt mỏi.

Ngày xưa, các nhà văn nho hay lập đàn Tiên trên non cao thanh vắng, và dùng đồng mê. Tiên thường giảng cho nhiều bài thi tuyệt bút với khí vị Thần Tiên hoặc có tánh cách tiên tri, song ý nghĩa ẩn vi khó hiểu, đợi việc xảy ra rồi mới thấy rõ. Có khi

giảng cho toa chữa bệnh thiệt là linh nghiệm. Nhưng cách cầu cơ ấy rất khó: đàn nội phải thanh tịnh, một tiếng gà gáy, chó sủa, một khua động bất thường đủ làm cho Chơn thần hoảng hốt nhập về phách. Thế là đàn cơ lỡ dở.

Chấp cơ mà tỉnh, chỉ có một phần Chơn thần xuất ra nên tiếp tư tưởng không được rõ ràng: bài chấp cơ thường khuyết điểm, nhưng được tiện lợi là không buộc phải thiết đàn chốn non cao thanh vắng, và khi mãi đàn, Chơn thần đồng tử ít mệt.

Thần Tiên lại tùy đặc khiếu của đồng tỉnh mà truyền tư tưởng bằng cách giảng tâm (*médiums intuitifs*) hay giảng thủ (*médiums mécaniques*).

Đồng tử giảng tâm tuy chưa viết ra mà thần trí biết trước mang máng những lời sắp viết ra, tựa như tự mình đặt để ra. Đồng tử giảng thủ tựa như bộ máy, tay cứ chịu theo điện lực cử động viết ra, không hay biết chi hết.

Lập đạo kỳ ba này, Đức Thượng Đế dùng đồng tỉnh mới tiện cơ phổ độ. Nếu dùng đồng mê, người chấp cơ đâu đủ lực lượng tinh thần đặng chịu nổi đêm này sang đêm khác, và luôn luôn như vậy mấy năm trường.

Lại mỗi đàn cơ, Đức Chí Tôn dùng hai người phò loan cho đủ Âm Dương hiệp nhứt, là cơ sanh hóa của đạo. Người chấp cơ bên hữu (2) (thuộc Âm) tiếp tư tưởng rồi truyền qua người bên tả (thuộc Dương) tiếp điển viết ra.

Còn chấp bút thì đồng tử, song bút pháp chỉ dùng tiếp mật lệnh và bí truyền, chớ không dùng về cơ phổ độ.

Thủ cơ và chấp bút là cách thông công gián tiếp với các Đấng Thiêng Liêng. Lần lần người tu đến cao siêu đặc nhân thông và nhĩ thông, thì sẽ trực tiếp thông công, khỏi phải nhờ trung gian là cơ bút nữa.

Vả chăng, cơ bút là việc tối quan trọng, vì lẽ tà chánh khó phân, nên chi Đức Chí Tôn có dạy:

Cơ bút là việc tối quan trọng. Nếu không có Chơn linh quý trọng thủ cơ, thì tà quái xen vào khuấy rối các con, làm cho phải thất nhơn tâm.

"Thầy nói cho các con biết bực Chơn Thánh mà phải đọa trần, nếu không đủ tánh chất đìu dẫn nhơn sanh, cũng chưa đáng cầm bút cho Thầy truyền đạo".

Trung giới có nhiều hạng Âm linh (3) mà hạng nào, thanh hay trược, thiện hay ác cũng phụ cơ được hết. Vậy, tránh sao khỏi chánh tà lẫn lộn? Vẫn biết pháp đàn (người chứng đàn) phải biết biện phân, phán đoán thiệt hư, nhưng với trí phàm hữu hạn, để gì tránh khỏi sai lầm?

Đồng tử chưa minh chỉ tiếp xúc với Âm linh hạ đẳng mà thôi. Một điều quan trọng nữa là người thủ cơ hay chấp bút mà không đại tịnh để dứt vọng niệm, thì chỉ viết ra những tư tưởng chứa sẵn trong thần trí, kỳ thiệt không Âm linh nào giáng.

Chúng ta biết tư tưởng vốn biến thành hình (*forme pensée*) và sống một thời gian lâu hay mau tùy sức tư tưởng mạnh hay yếu. Đồng tử cần phải diệt hết tư tưởng thấp hèn về bản ngã và cá nhân; lúc nào cũng phải giữ cho cõi Tâm an tịnh chớ chẳng đợi tới khi chấp cơ.

Ví dụ đồng tử có một dục vọng gì. Dục vọng ấy chưa thỏa mãn thì nó vẫn còn nuôi nấng trong

Chơn thần; nó tượng nên hình như cái thai trong thai bào, càng lâu càng lớn, đợi đến ngày tháng (đến khi có dịp) là sanh ra.

Đến khi đồng tử chấp cơ, dẫu rằng lúc này ráng giữ đại tịnh không sanh vọng niệm mới, nhưng cái vọng niệm cũ kia đã tượng nên hình, bấy giờ có dịp sanh ra (4).

Ở trường hợp này, đồng tử tự bị tư tưởng mình ám thị, nên gọi "tự kỷ ám thị" (*autosuggestion*).

Chẳng những vậy thôi, mà những người hầu đàn nếu họ có tư tưởng mạnh, tư tưởng ấy có thể chuyển đi qua Chơn thần đồng tử, nếu đồng tử có "cảm thụ tánh" (*suggestibilité*) nghĩa là cái tánh dễ bị ám thị (*suggestion*).

Duy có đồng tử tiên định (*mediums prédestinés*), mới thông công được với các Đấng Thượng đẳng Thiêng liêng, thì cơ bút mới huyền diệu. Tuy nhiên cũng không khỏi "tự kỷ ám thị", chẳng nhiều thì ít.

Ghi chú:

- (1) Chơn thần vốn còn dính với phách bởi sợi tơ khí.
- (2) Bất ngoài ngó vô.
- (3) Các bực Âm binh ấy đại loại là: các vị Thánh, Chánh thần, Tà thần, Bát bộ quỷ loại, vong linh của thường nhơn, nhơn phách và thú phách ly trần.
- (4) Vì vậy mà, cũng một đồng tử chấp cơ, có bài "Thánh huấn" làm cho chúng ta kính phục vô cùng mà cũng có bài làm cho chúng ta chán nản.

BIỆT PHÂN TÀ CHÁNH

Một Chơn linh giảng xưng Đại Tiên.

Chúng ta nên tin chăng?

Tay phàm mắt tục dễ gì phân biệt giả chơn.

Nhưng, biết chắc chánh danh không mấy cần yếu. Là vì, chúng ta chỉ căn cứ ở bài giảng cơ mà định giá trị Chơn linh ấy. Nếu Chơn linh chỉ dạy những việc tầm thường, hoặc trái chơn lý, tất nhiên chúng ta đâu tin là bực Đại Tiên. Trái lại, nếu giảng cho đạo lý cao siêu, có tánh cách Tiên gia, không bằng có cụ thể, song chúng ta có thể thừa nhận Chơn linh ấy không phải giả danh. Giả danh chẳng là các Chơn linh hạ đẳng (tà thần tinh quái) giảng cơ, mượn danh hiệu lớn lao đặng để gạt kẻ hầu đàn nhẹ tánh.

Sự này thường xảy ra, đến đổi cơ bút dạy những việc hoang đường nhảm nhí mà vẫn có người tin, mặc dầu Đức Chí Tôn có để lời ngừa trước:

"Buổi Bạch Ngọc Kinh và Lôi Âm Tự lập pháp Tam Kỳ Phổ Độ, Quỷ vương đã phá khuấy chơn đạo, đến danh Ta nó còn mượn, duy ngại Ta nó chẳng dám ngồi. (1)

Nó lại biết Ta đến với cơ mâu nhiệm này nên mượn Tam thập lục Động giả làm Tam thập lục Thiên. Các tên Thần Thánh Tiên Phật đều bị mạo nhận mà lập nên Tả Đạo".

Những nguyên tắc sau đây, ai thành thật do theo có thể khỏi sai lầm, ít ra cũng đỡ.

1.- Cần phải đủ trí thông minh phán đoán và không nên có thành kiến, mới có thể nhận rõ chơn giá trị một bài giảng cơ.

2.- Thần Tiên bao giờ cũng dạy những việc chánh lý, đạo đức, từ bi, tuyệt nhiên không dạy

những việc mờ hồ, huyền hoặc.

3.- Thần Tiên chẳng khi nào khoe khoang và miệt thị ai. Lời giảng dạy bao giờ cũng thấm đậm bác ái và khí vị thanh cao. Trái lại, bài cơ bút nào có vẻ sân si, khoác nạt có giọng bông lơn cao ngạo, bài ấy đâu có phủ một lớp văn chương tuyệt diệu đi nữa, quyết không phải của Thần Tiên.

4.- Chẳng nên chú trọng ở văn chương mà nên chú trọng ở lý và ý. Về văn chương, một bài của Thần Tiên giảng cơ có khi khuyết điểm là tại chỗ sơ sót của Chơn thần đồng tử, vì Thần Tiên chỉ truyền tư tưởng cho Chơn thần diễn ra văn chương, chớ không dùng ngôn ngữ như người phàm.

5.- Thần Tiên không thích khen ai, tặng ai. Nếu cần khuyến lệ người có công hành đạo, Thần Tiên vẫn dè dặt từng chút, thế nào cho người được khuyến lệ khỏi áy náy nếu có đức khiêm cung, hoặc không tăng vẻ tự đắc nếu có tánh kiêu căng.

6.- Thần Tiên dạy bảo chúng ta điều chi không bao giờ tỏ vẻ hâm he sai khiến, chỉ để cho chúng ta tự do suy liệu, nghe không tùy ý.

Nếu thấy chúng ta chẳng biết phục thiện, và chẳng nghe lời khuyên bảo. Thần Tiên không giảng nữa. Chừng đó tha hồ cho Tà quái xen vào mạo danh mà gạt đủ điều.

7.- Thần Tiên chỉ dìu dẫn chúng ta trên đường đạo đức, chớ không giúp về tư danh, tư lợi...

8.- Phàm Thần Tiên cho biết trước việc chi, thì việc ấy sớm muộn gì cũng phải xảy ra, vì Thần Tiên không hề hí ngôn.

9.- Thần Tiên không phải giảng đặng thỏa

mãn tánh hảo kỳ của người phàm tục, hoặc yêu cầu ai tin. Cầu hỏi những điều vô vị, hoặc muốn Thần Tiên làm việc chi linh nghiệm cho mình thấy chắc mới chịu tin, đó là không biết mây may gì về diệu tánh bút cơ.

Ghi chú:

(1) "Ngài Ta nó chẳng dám ngồi" nghĩa là Quỷ vương không dám truyền điển vào các đồng tử tiền định là những người mà Đức Chí Tôn đã chọn riêng cho Ngài giảng cơ.

CƠ BÚT HUYỀN BÍ

(Mật pháp bí truyền)

Phương pháp của Thần Tiên dùng kỳ này đặng un đúc các vị Truyền giáo vốn khác hơn các kỳ khai Đạo trước là vì các Ngài dùng huyền diệu cơ bút mà dạy dỗ nhơn sanh, thành thử các sự sắp đặt Chánh Thể Đạo mà các vị Truyền giáo đem ra thực hành, đều do cơ bút dạy bảo hết.

Đạo Cao Đài chỉ khác các Đạo khác là chỗ dụng cơ bút mà học hỏi.

Cũng có mượn sách Thánh Hiền nghiên cứu, nhưng đó chẳng qua là để phục hưng Chơn Truyền đã thất, chỉnh đốn lại Giáo Điều và dung hòa Giáo Lý thích hợp với thời thế hiện tại.

"Tam Giáo xum thất vì siêu việt quá.

Người tâm chẳng thấu: hiểu lầm Ta".

(Đ.T.C.G.)

Mục đích là để Sửa thể mà Cứu Thế và muốn Cứu Thế ắt phải "Tu Tánh Luyện Mạng" mà Phán bốn hườn nguyên hiệp Một cùng Đức Thượng Đế.

Sự huấn luyện người Truyền Giáo là Cảm Thế Tình mà phải làm "chủ" Thất Tình Lục Dục để "Cứu Thế Tình".

CƠ BÚT LÀ CHI?

(Là cuộc giao thông giữa người với Thần Tiên)

Cơ màu nhiệm của Trời và của Người

Trong võ trụ, tất cả mọi vật, đều có thể phát ra những luồng điển mạnh yếu, dài ngắn khác nhau. Những luồng điển ấy, có khi thấy được, nhiều khi không thấy, xin gọi là Linh Điển cho dễ hiểu. Từ loài nhỏ vô cùng như vi trùng cho đến vi tinh tú to vô hạn, đều có đặc tính phát điển. Thế mà người không biết là vì không có "linh giác" tiếp xúc được những Linh điển ấy. Ấy là luận theo khoa học về võ trụ điển ba (*radiations cosmiques*) và người.

Luận theo Đạo thì càng rõ rệt hơn nữa. Do theo Đơn kinh thì thuở khí hỗn độn sơ khai Càn Khôn chưa phân phán vẫn đã có một khí hư vô gọi là "Vô cực Lão Mẫu" là "Vô cực linh căn chơn tánh" bao gồm cả âm dương. "Vô cực" nhứt động mới sanh ra "Thái Cực", tức là Ngôi của Thượng Đế.

"Thái Cực" vận chuyển cơ "Động Tĩnh" mà phân ra "Âm Dương". Khí nhẹ là Dương nổi lên, mở mang Ngôi Trời có Nhứt Nguyệt Tinh. Khí nặng đục là Âm đọng lại lặn xuống làm ngôi Đất; có nước, có lửa, có núi, có đất gọi là "Ngũ hành". Khí âm dương hiệp lại thì hóa sanh người ta và muôn vật, phân ra có Trời, Đất và Người gọi "Tam Tài".

Trong "khí Thanh" đó, có "diệu hữu" của Trời.

"Diệu hữu" là chi? Ấy là cái năng lực vô hình bắt từ khối âm dương, lúc ban sơ, tỏa ra khắp Càn khôn Thế giới, mắt thịt ta không thể nào thấy được nhưng mà "diệu hữu" ở đâu cũng có. Nhờ vậy mà vật từ nhỏ vô cùng tận, từ con chim bay, con cá lội, đến con thú chạy, không có giống nào mà "diệu hữu" của Đức Thượng Đế không rọi đến, soi thấu. Nhờ "diệu hữu", vạn loại được "Sống", sanh sanh hóa hóa, luân chuyển không ngừng.

"Diệu hữu" ấy kêu là hạo nhiên khí hay là thuần dương chi khí ấy là diệu hữu của Trời.

"Diệu hữu" bắt từ võ trụ nhập vào thân thể con người, lúc mới vừa lọt lòng mẹ, cả buồng tiếng khóc. Lúc thai vừa tượng thì đã có một phần Thái cực trí nơi mạng môn. Đến khi con người bước chơn vào trần thế, tuy chưa đủ cảm giác chớ ngủ tạng lục phủ đã sẵn chứa rồi. Hạo nhiên chi khí do nơi Nê hườn cung chuyển lần xuống gom tại Tâm; từ khiếu huyền quan rồi từ nơi não, khí ấy do máy đàng Thần kinh mà chuyển vận trong thân thể. Từ nơi quả Tâm nó lại theo mạch lạc châu lưu trong ngũ tạng để bảo tồn sanh mạng của tạng phủ. Bắt đầu nơi khiếu huyền quan nó vận động ra ngoài, biến thành sanh lực của con người.

Khi rút điện lực mặt Nhật vào Tỳ rồi châu lưu khắp thần phách, diệu hữu của Trời, tức là Tiên thiên khí vì thế mà hóa ra Hậu thiên khí.

Hậu thiên khí của Trời, theo kim đơn là pháp thân của chơn tánh, thuộc Dương, còn điện sanh lực

của con người chưa tu, là khí Hậu thiên thuộc Âm.

VỀ VIỆC THÔNG CÔNG VỚI THẦN TIÊN

Muốn giao thông với Thần Tiên thì phải có kẻ trung gian. Kẻ trung gian ấy là các người phò loan, cũng như cái máy tiếp điện của Phật, Tiên, Thánh.

Thần Tiên giao thông với người bằng Thiên điển cũng như nhơn loại giao thông với nhau bằng máy vô tuyến điện vậy, cho nên Tiên phàm hai nẻo, song có thể thông công với nhau được. Nhưng muốn giao thông, tất nhiên người phải đồng điển (*harmonie de fluide*) với Thần, Tiên, Thánh, Phật. Người trung gian lại phải có đủ đặc khiếu đặng Thần Tiên nương theo khiếu đó mà truyền tư tưởng đạo đức cho nhơn loại.

CƠ THỂ VÀ HUYỀN KHIẾU CỦA ĐỒNG TỬ

Cơ thể con người cũng như cái máy vô tuyến điện. Máy này có hai bộ phận: một phần để thu điện vào, còn một phần để phát điện ra. Phàm hễ muốn thu điện của một máy khác phát ra thì máy thu và máy xuất cần phải có một năng lực thuần điện cùng nhau (*même longueur d'ondes*).

Đồng tử như một thứ máy để thu điện. Nếu máy tốt thì thu được điện báu. Nếu máy xấu thì khó bề thu điện báu được.

"Diệu hữu" là một thứ điện quang linh động. Sự rung động (*vibration*) của nó vô cùng vô tận. Muốn

thâu được "diệu hữu" của các Đấng Thiêng Liêng, đồng tử phải là một thứ máy cho tinh anh và phải đồng điệu với Thần Tiên.

"Vô tuyến điện" thường ở xa đánh tới, phải qua một khoảng không gian rộng hay hẹp tùy theo đường đi nếu khoảng không gian ấy được bình tịnh, không bảo tố thì diễn ban ra không bị loạn (*brouillage*). Diệu hữu cũng vậy. Thần Tiên ban nó ra bắt từ khoảng tịch mịch không trung; nếu được thanh tịnh thì sẽ tiếp được những bài văn cao siêu lưu loát, ý nghĩa thâm trầm, ẩn vi, màu nhiệm.

Tóm lại: bốn tánh diệu hữu thường là "Thanh Tịnh" ấy là của Thần, Tiên, Thánh, Phật. Nếu người được "Tinh Khiết Thanh Tịnh" thì hiệp với Trời, thông công với Thần Tiên được. Trái lại, thì Tà Thần xen vào, gặt gặm làm cho người học đạo phải mất đức tin mà sa ngã, nếu chưa có đủ trí biệt phân. Nếu người dùng cơ bút mà tâm đạo, hay là học đạo nên dè dặt, cẩn thận mới khỏi sa lưới rập của "Quỉ vương."

CƠ QUAN ĐỒNG TỬ

Thánh giáo có dạy:

Giờ này, Thầy biện phân về cơ quan đồng tử cho các con hàn tàng tự sự.

Cơ là gì? Cơ thật nghĩa là máy.

Quan là gì? Quan là một trong các bộ phận của cái máy Thiên cơ là mỗi phần cốt yếu của luật tuần hoàn xây chuyển đó.

Vậy hai chữ "Cơ quan" ứng hiện chia ra làm 3 cách. Thứ nhất: Tiên cơ dùng huyền vi Chơn lý, thứ hai

là: Tà cơ dùng mê tín dị đoan, thứ ba: Nhơn cơ, dùng hữu hình thể cách.

Thầy sẽ luận giải cho rõ ràng, kéo các con còn nghi nghi ngại ngại.

TIÊN CƠ: dùng luật huyền vi chơn lý, là lấy sự chánh đáng, để điều dắt các con bước lên theo đường sáng suốt tấn hóa mãi lên.

TÀ CƠ: dùng mê tín dị đoan, là lấy sự chẳng đúng chơn thật, kiểm thế cho các con quá mê theo những sự dị đoan mà phải sai lầm.

NHƠN CƠ: dùng hữu hình thể cách, là sự chi có hình dạng. Đây là do các con làm ra.

Các con khá nhớ: trong 3 cách đều phải thọ điển cả, chớ chẳng phải không đâu. Các con nghe Thầy giải lý:

TIÊN CƠ. - Luật tiếp điển như vậy: "Hễ đồng tử định chơn thần rồi thì tâm tịnh. Mà hễ tâm tịnh thì minh khiếu sẽ phát lộ ra, kế tiếp với chơn thần xuất hiện lên trên, rồi nói với Tiên Thiên điển, mới rọi ra thành Thánh giáo. Nên khi lập đàn các con cần nhứt trước hết phải cho thanh tịnh, đừng khua động. Nếu động thì tâm đồng tử động, cái minh khiếu liền tiếp với Tiên Thiên điển, bỗng rọi ra thành thử phải dứt điển đó.

TÀ CƠ là vậy: Cũng phải tiếp điển nữa. Nhưng vì điển Hậu Thiên quá nhiều, có một tí Tiên Thiên mà thôi. Tiên Thiên điển là dương điển, còn Hậu Thiên là âm điển. Tà thuộc âm, nên hễ âm điển nhiều thành TÀ CƠ đó.

NHƠN CƠ. - cũng có điển; lúc mới tạo nên vật kiện là vậy: khi các con muốn làm ra một cái món chi, thì cái ý muốn ấy tự trong tâm các con phát hiện ra, óc của các con nó khiến các con cử động tứ chi, mà tạo thành vật ấy. Đó cũng gọi là điển, song thật là nhơn điển, phàm điển.

Vậy Thầy đã minh giải tận tường, các con lấy đó mà suy nghiệm chớ đừng để lòng nghi ngại như từ bấy lâu nay.

CƠ BÚT CÓ MẤY BỰC VÀ ĐỒNG TỬ CÓ MẤY HẠNG?

Cơ bút có bảy bực và đồng tử có ba hạng. Ba hạng là: huệ tâm, huệ nhĩ, huệ nhân. Huệ tâm là được giảng tâm viết ra, nghĩa là Ôn Trên ứng ra tư tưởng, còn đồng tử thì tả ra. Huệ nhĩ được nghe mà viết ra. Huệ nhân được thấy mà viết ra.

Hễ huệ được cách nào thì Thần Tiên nương theo đó mà giảng cơ hạ bút. Trong lúc phò loan thì đồng tử vẫn còn cầm chủ quyền cái "Tâm", cái "Nhĩ", cái "Nhĩ" của mình. Phút nào đồng tử cũng tỉnh táo như thường, "tâm thần" càng thêm minh mẫn nữa. Cũng có đồng tử đủ năng lực hoặc thiết thuận điển với Thần Tiên thì cũng có một hai khi mê, cho đến xuất chơn thần đi lên cõi trên mà chầu các Đấng Thiêng Liêng nghe dạy Đạo. Hễ nghe dạy thế nào thì xác phàm của đồng tử cũng động mà dạy đạo y như thế nấy. Dầu mê cách nào cũng vẫn "tự tri, tự giác", không đến nỗi muội tâm quá lẽ mà quên luôn Chơn tánh của mình. Điển đồng tử thuộc về 7 bực:

- 1). Điển Địa Thần,
- 2). Thiên Thần,
- 3). Địa Thánh,
- 4). Nhơn Thánh,
- 5). Thiên Thánh,
- 6). Địa Tiên,

7). Thiên Tiên.

Bảy bực điển ấy vốn của các vì tinh tú và các "Đấng Thiêng Liêng" ban xuống trần để lập công bồi đức, coi nhơn sanh xu hướng theo đâu thì lần lựa dựa theo lòng nhơn sanh mà dìu dắt từ nấc thang tinh thần, đem cho đến chỗ "hư vô, diệu huyền."

SỰ LỢI HẠI CỦA CƠ BÚT

Cơ bút có lợi mà cũng có hại. Cái lợi của cơ bút là chỉ dạy người tầm "Chơn lý" biết lẽ Trời đặng nghiên cứu phương pháp tu hành thoát vòng lục đạo, đặng mau hồi quê xưa vị cũ.

Cái hại của cơ bút là: tư tâm, tư phân, tư kiến, bài bác, chỉ trích, nuôi mối ác cảm, chia phe, lập phái.

Tóm lại, cơ bút thật là tối cao, tối trọng. Người biết cơ bút càng dùng càng cao thượng, còn kẻ không biết đạo mà dùng cơ bút chẳng khác người không biết lội mà bơi thuyền vượt bể, có ngày thuyền sẽ bị đắm.

Đức Chí Tôn có dạy rằng:

"Nền Đạo sáng khai, Thầy tạm dùng cơ bút làm khuôn mẫu. Các con phải lãnh ảnh hưởng bên Hiệp Thiên Đài mà hành Đạo. Nhưng sự lợi hại của cơ bút có hai đàng là:

1/- Chánh đại quang minh giáo đạo, ấy là Thầy các con (Tiên cơ đó),

2/- là chỗ mê muội hữu vi hữu tướng, để cho ác quỷ hung thần truyền thình giáo đạo cho những đứa con không đủ đạo đức tức là Tà cơ và Nhơn cơ vậy".

PHƯƠNG PHÁP DUY TRÌ CƠ BÚT

Cái duyên có ngựa nghiêng, rắc rối của Đạo ngày nay là tại Chấp có cái Ta. Vì cái Ngã chấp ấy mà sanh ra dục vọng về mặt tinh thần lẫn vật chất, rồi cơ bút cũng chịu ảnh hưởng đó mà tả các chân tướng (hình thức) tùy theo sở thích của nhơn sanh để dắt lẫn vào đường đạo.

Biết cái nguyên nhơn là cái bản ngã, không thể trừ diệt cấp kỳ cho được, vì Đạo còn đang ở trong thời kỳ Đạo Thế, Đạo Dung nghĩa là thời kỳ Đạo phải thể ra hình sắc, rồi lợi dụng hình sắc ấy mà đem lại Đạo Nguyên là nguyên lý của võ trụ, là nơi tuyệt đối, vậy thì phải dùng cái trí phán đoán mà khảo duyệt cơ bút, dẫn lẫn lẫn nhơn sanh biết lẽ thiệt hư, tự nhiên tiêu lẫn cái dục vọng. Hết dục vọng tức không còn bản ngã nữa, thì lo gì không đến đường đạo?

Phán đoán là phân biệt chơn giả. Chúng tôi xin trích lục Thánh giáo của Ông Trên dạy chúng tôi về sự phán đoán nên lấy đó làm chuẩn thẳng vì đó là Chân lý.

a).- Thế nào gọi là phán đoán:

THI:

*"Ngọc Hoàng mở rộng Đạo kỳ ba,
Thượng Đế Long Hoa biện chánh tà.
Khuyến trẻ gìn lòng tu chí thiện,
Trường thi kíp tới gặp Trời cha.*

Thầy các con,

Đồng tử có nhiều hạng, song trong nhiều hạng đó nên phân biệt trước hết là cái Giả với cái Thiệt. Lấy về phương diện vô hình, thì các con không

có thể rõ đâu là Ma hay là Phật, nhưng theo phương pháp hữu hình, thì các con có thể rõ đặng, vì nhờ cái lý tự nhiên ở trong sự giao thiệp Thần Tiên này, Đạo phải hồi ròi rã là vì người học đạo chưa biết dụng đồng tử, cứ tưởng cho huyền diệu là Tiên, Phật còn không huyền diệu là Ma, Quỷ. Điều đó rất mê tín, các con nên tránh xa. Cái huyền diệu nơi cõi vô hình là trả lời "theo số, đáp trúng lời nguyện thầm", việc ấy chẳng những Tiên, Phật có mà thôi quỷ ma còn cơ huyền diệu hơn nữa. Nhiều huyền diệu để mà chi? Để mà hoặc chúng, mê nhơn, lợi dụng. Phần nhiều các con lại tưởng lầm rằng: Cơ huyền diệu là Tiên Phật, nên chi các đứa ấy hễ nghe cơ bút nào huyền diệu như đã nói trên, thì nó cứ tin mà làm lui thiệt hành, đó là điều mê tín. Thầy bảo các con chẳng nên bắt chước. Các con hãy tìm cái chân lý ở trong mỗi sự hành động của Thần linh thì các con mới biết chắc Thiệt hay Giả.

Trong sự tập cơ, luyện bút, thì Tiên Phật không hơn Ma Quỷ cái huyền diệu mà chỉ hơn chúng nó cái Chân lý tự nhiên mà thôi. Bởi vậy cho nên, Thầy thường nhắc cho các con nhớ rằng: Sau khi học hỏi, nơi đàn Tiên, các con phải cần trình diện với lương tâm và trí phán xét cho kỹ. Chẳng phải nghe nói lời của Trời Phật mà sợ, không phán xét, vì càng có danh hiệu cao chùng nào thì cái giả danh càng cao chùng nấy. Mọi việc đều có Chánh, có Tà, các con là Thầy mà Thầy là các con, nhưng chỉ có khác với chúng con là ngôi chánh trị của Thầy ở nơi cõi hư vô mà thôi".

b).- Lưới rập của Quỷ vương.

Vả chẳng người Tu là miếng mồi ngon mà lũ quỉ là đám người chực sẵn vậy. Người chực sẵn bao giờ thấy mồi ngon mà bỏ đâu, nhưng con mồi nào khỏi dạng cũng nhờ cái hay riêng của nó. Ví dụ con thỏ: cái hay của nó là sức chạy, nếu nó cụt mất một cẳng thì sẽ không còn hay nữa. Các con cũng vậy, cái hay của các con là cái trí khôn, để phân biệt sự chơn giả cho khỏi lầm lạc. Mà nếu các con để mất trí khôn thì mất cái hay đó không sai. Hễ mất cái hay thì có ngày sa vào bẫy rập của lũ Quỷ vương (Đàn Tu)".

c).- Huyền diệu và Thiên cơ.

Mất phạm nếu con có thấy huyền diệu là thấy giả mà thôi, cũng như vật ánh trước mắt. Vật ấy dời đổi tùy cơ thể, tùy theo ngày giờ, nên tu phải gỡ vật ấy rồi mới được đắc huệ tâm, huệ nhãn. Cái đó mới là thiệt." (Đàn Chiếu Minh).

Về máy Thiên cơ thì Thầy không định cho các con hiểu được. Nếu Thầy lộ máy Thiên cơ cho các con thì Thầy cũng chẳng khỏi luật Thiên điều vậy, hưởng chi là Tiên, Phật. Thầy cho các con hiểu chút ít mà lần theo mỗi Đạo, chớ nên trông huyền diệu và nhụt kỳ khoa hội thì các con có ngày rời rã.

Các con có ngày cũng phải chui vào cảnh khổ nguy, tai ách vậy. Vay trả, trả vay, nhưng tự lòng con, chớ Thầy cũng không bình mà không vị. Vậy các con đã rõ lời Thầy dạy đàn chót, các con khá suy nghiệm, chớ nên dục vọng thì sẽ rõ ngày linh quang phát hiện". (Dạy tại Bồng Lai, năm Quý Dậu, mùng ba tháng 8).

d).- Điểm linh quang phát hiện.

Thầy khuyên các con, ráng nhớ hai chữ "Chí

Thành", để dạ không không, đừng tính điều chi khác với hai chữ "Chí Thành", vì hễ "Tâm Chí Thành" thì mới có Cảm Giác dạng. Mà Cảm Giác dạng thì mới có Ứng Hóa. Hễ Ứng Hóa thì các con mỗi đứa đều dạng rõ thông mọi việc, ấy là rõ dạng Thiên Cơ phú thác cho một điểm linh quang. Điểm linh quang ấy vốn có tánh lương tri lương năng, chứng rõ dạng Thiên Cơ, ấy mới gọi rằng: "Chơn Thật". Các con đừng thàm tính rằng nên cầu Thầy cùng chư Phật Thánh Tiên mà nghe Thánh giáo dạy bảo cho rõ Thiên Cơ, ấy là ở trong đó, có một cái lẽ Đại hại ẩn vi, nó diu dắt các con đi sai đường, lạc ngõ. Có phải vậy không các con? Vì cơ bút là cơ quan rất tối cao, tối trọng. Vả lại cơ bút là cơ vận chuyển, theo thời thế mà tấn hóa, diu dắt các con chung hòa như một sợi dây để buộc đàng liên ái, đúng với luật thiên nhiên đó thôi".

(Đàn Cao Tân, ngày 23 tháng giêng năm 1934)

Tóm lại: Người biết dùng cơ bút là biết phán đoán. Người biết phán đoán tức là người không chịu làm nô lệ cho tư dục, thì cơ bút không còn tư tâm, tư phân, tư kiến, bài bác, chỉ trích, nuôi nấng ác cảm, chia phe, lập phái.

Người ấy sẽ là người sáng suốt rọi được quang minh, mà diu dẫn nhơn sanh đi từ bến Mê qua bến Giác. Chừng đó cơ bút sẽ là cái chìa khóa mở kho báu vô tận cho chúng sanh lạc hưởng. Cơ bút là một cái chìa khóa mở cửa Bạch Ngọc Kinh, một cái chìa khóa mở kho bí mật của Trời Đất.

Thí dụ: Chúng ta nay là người đứng trước

muôn ngàn cái hình vẽ, có nên nhìn miếng giấy rằn rọc mà quên cái tinh thần, nét họa tuyệt sắc, cái màu thuốc sắc sảo của anh thợ khéo sao?

Người hành đạo cũng thế, có nên vì cái hình thức mà quên cái lý thâm uyên của Đại Đạo sao?

PHẦN GIÁO LÝ (Partie doctrinale)

1. Chương Thứ nhất:
Tôn Chỉ Của Đại Đạo
(Tam giáo qui nguyên
Ngũ chi phục nhất)
2. Chương Thứ Hai
Chánh Thể Của Đại Đạo
3. Chương Thứ Ba
Lễ Nghi - Tế Tự
4. Chương Thứ Tư
Giới Luật
5. Chương Thứ Năm
Mười Hai Điều Tín Ngưỡng
Căn Bản Của Đại Đạo

CHƯƠNG THỨ NHỨT

TÔN CHỈ CỦA ĐẠI ĐẠO

TÔN CHỈ CỦA ĐẠI ĐẠO

(Tam giáo qui nguyên, Ngũ chi phục nhứt).

Một vòng luân chuyển của Võ trụ, gọi một "Đại khai tịch" hay một cuộc tuần hườn. Một cuộc tuần hườn có ba Ngươn (1): Thượng ngươn, Trung ngươn và Hạ ngươn.

Thượng ngươn là ngươn Tạo hóa, ngươn gây dựng Kiền Khôn Võ Trụ. Nhơn loại bấy giờ còn giữ Thánh đức của Thượng đế ban cho, nên còn thuần chất phác thiện lương, cứ thuận tòng Thiên Lý mà hòa hiệp dưới trên, tương thân tương ái. Đó là thời đại thái bình, tức là ngươn Thánh đức.

Lần lần con người vì nhiễm hồng trần phải lu mờ Thánh đức, bỏ Thiên lý mà sa vào Nhơn dục.

Vì vậy, Thượng Đế mới khai Tam Giáo phổ độ chúng sanh bỏ dữ về lành, tức là "Nhứt Kỳ Phổ Độ".

Các vì Giáo chủ là:

* Nhơn đạo: Phục Hy Thánh Đế.

* Tiên đạo: Hồng quân Lão Tổ.

* Phật đạo: A Di Đà Phật.

Được tạo hóa, nhơn loại tất phải tấn hóa. Tấn hóa tất phải tranh đấu. Tranh đấu tất phải tự diệt. Đó là thời kỳ Trung ngươn, tức là ngươn Tấn hóa, ngươn Tranh đấu, ngươn Tự diệt.

Cho nên Thượng Đế thiết "Nhị Kỳ Phổ Độ".

* Nhơn đạo có Khổng Tử cảnh tỉnh nhơn tâm đặng duy trì đạo đức.

* Tiên đạo có Lão Tử diu dẫn nhơn sanh ra khỏi vòng thấp hèn vật chất mà xu hướng về chỗ tinh thần cao thượng.

* Phật đạo có Thích Ca truyền bá chủ nghĩa từ bi tránh cho nhơn sanh cái nạn tự diệt.

Không tự diệt, tức bảo tồn. Hạ ngươn tức là Ngươn Bảo Tồn vậy.

Vì lẽ bảo tồn, nên ngày nay Hạ ngươn hầu mãn, Thượng Đế dùng huyền diệu cơ bút lập "Tam Kỳ Phổ Độ"(2). Lại cũng bởi Hạ ngươn là ngươn cuối cùng Đại Đạo phải qui nguyên phục nhứt theo lẽ Tuần hườn (3). Vậy mới có cái tôn chỉ "Tam Giáo, Ngũ Chi hiệp Nhứt".

Đức Chí Tôn có dạy:

"Vốn từ trước, Thầy lập ra Ngũ Chi Đại Đạo (4) là Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo, tùy theo phong hóa của nhơn loại mỗi nơi mà gây Chánh giáo, là vì khi trước Càn vô đức Khán, Khôn vô đức Duyệt, thì nhơn loại duy có hành đạo nội tu phương mình mà thôi.

Còn nay thì nhơn loại đã hiệp đồng, Càn Khôn dĩ tận thức thì lại bị phần nhiều đạo ấy mà nhơn loại nghịch lẫn nhau, nên Thầy nhứt định qui nguyên phục nhứt.

Lại nữa, trước Thầy giao Chánh giáo cho tay phàm, càng ngày càng xa Thánh giáo mà hóa ra phàm giáo. Nay Thầy nhứt định đến chính mình Thầy độ rồi các con, chẳng giao Chánh giáo cho tay phàm nữa; nhưng buộc phải lập chánh thể, có lớn nhỏ đặng để cho các con diu dắt lẫn nhau anh trước em sau, mà đến nơi Bồng đảo".

Đành rằng Đại Đạo có giáo lý cùng mật

truyền riêng, nhưng tôn chỉ là "Qui Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi", nên lý thuyết có một phần rút trong tinh ba của lý thuyết các tôn giáo, cốt để thiết hành cái tôn chỉ ấy. Vì vậy mà nạp dụng những giáo lý chẳng hạn của đạo nào đã được công nhận là Chơn lý. Đồng thời, Đại Đạo có trách nhiệm thuyết minh những lý thuyết đã bị người đời, hoặc vì thời gian, hoặc vì hiểu lầm mà sai biệt.

Thiết hành tôn chỉ "Qui nguyên phục nhứt" là thừa nhận các tôn giáo đều một gốc mà ra, đều tôn sùng một đấng Chúa tể, tức là ông Cha chung, mặc dầu mỗi nước xưng tụng bằng danh hiệu khác nhau.

Các sắc dân trên địa cầu này, nhơn nuôi nấng một tín ngưỡng chung, sẽ nhìn nhau là anh em và biết tương thân tương ái. Nước này nhơn đó mà liên hiệp với nước kia, người xứ kia nhơn đó mà đoàn kết với người xứ nọ, thành ra năm Châu chung chợ, bốn Biển một nhà, hết phân biệt màu da sắc tóc, hết nghi kỵ lẫn nhau, hết xâu xé lẫn nhau, rồi đời mới được hòa bình, lần bước đến Đại Đồng, Bác ái.

Đại Đạo sẵn sàng hoan nghinh tất cả anh em trong các giáo, lấy câu "Đại đồng Bác ái" làm dây thiêng liêng buộc nhau cho ngày một khắng khít để chung thờ một lý tưởng cao siêu.

Đức Chí Tôn đã nói:

"Nhiều đạo cũng như một cái nhà. Phải có nào là cột cái, cột con, đòn tay, kèo, ruồi. Ruồi là nhỏ, mỏng mảnh hơn hết, mà cũng phải nhờ nó. Tuy kể cho nhiều tên, chó cất nhà rồi, thì có một ông chủ mà thôi".

Một mỗi đạo có cái tôn chỉ dung hòa và chiết trung như Đại Đạo "Tam Kỳ Phổ Độ", mới thể theo

đức hạo sanh của Thượng Đế.

Có người cho rằng các tôn giáo có nhiều chỗ tương phản và bất đồng rõ rệt, nên khó mà dung hòa. Vậy thử xét qua chủ trương và lập thuyết của các giáo xem sao.

Chủ trương việc hành thiện, Đạo Khổng dạy Trung Thứ (5). Phàm việc chi mình không muốn, thì đừng đem làm cho ai (Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhơn). Giống Chúa Giê Giu (Jésus) dạy: "Đừng làm cho kẻ khác điều gì mà các người không muốn người ta làm cho mình" (*Ne faites pas aux autres ce que vous ne voudriez pas qu'on fit*).

Khổng Thánh lại dạy: "Mình nên, cũng muốn người nên; mình thanh đạt, cũng muốn người thanh đạt. (Kỷ dục lập, nhi lập nhơn; Kỷ dục đạt, nhi đạt nhơn).

Đó là cách hành động của Đạo Khổng để thiết hành chủ nghĩa nhơn ái hay bác ái.

Đạo Lão dạy Cảm ứng. Phàm các hành động con người đều có cơ cảm ứng, cho nên phải sửa lòng giữ nết theo lẽ đạo cho trọn lành. Đó là phù hợp với thuyết nhơn quả nhà Phật. Thì cũng như Chúa Giê Giu nói: Ai xử dụng đao kiếm sẽ chết về đao kiếm (*Qui manie l'épée périra par l'épée*). Và cũng như câu của Khổng giáo: Trồng đậu được đậu, trồng dưa được dưa. (Chường đậu đắc đậu, chường qua đắc qua).

Đạo Phật dạy Từ bi, là lòng lành thương tất cả chúng sanh mà độ hết.

Mấy chủ trương ấy, có chỗ nào tương phản đâu? Về tâm pháp, Khổng giáo dạy Tồn Tâm Dưỡng Tánh; Lão giáo dạy Tu Tâm Luyện Tánh. Phật Giáo

dạy Minh Tâm Kiến Tánh. Thế thì Tam giáo dạy không ngoài Tâm với Tánh.

Về giáo lý, Khổng giáo nói: "Tất cả loài hàm linh đều có một điểm Thái Cực" (Nhứt thiết hàm linh các cụ nhứt Thái Cực).

Đạo Lão thì: "Đạo sanh Một, Một sanh Hai, Hai sanh Ba, Ba sanh vạn vật" (Đạo sanh Nhứt, Nhứt sanh Nhị, Nhị sanh Tam, Tam sanh vạn vật).

Còn Đạo Phật thì: "Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật" (Nhứt thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh).

Phật tánh vốn có cái Chơn thể bất di bất dịch, nên gọi là Chơn Như.

Tóm lại, Khổng giáo có thuyết "Thái Cực". Lão giáo có "Đạo", Phật giáo có "Chơn Như". Thái Cực, Đạo, Chơn Như, danh từ tuy khác, tựu trung đều chỉ chỗ nguồn gốc của Võ trụ, tức là cái Chơn thể độc nhứt vô nhị của Tạo Hóa vậy.

Xét về lịch sử, Lão Tử giảng phàm tại Trung Hoa, nhằm đời nhà Châu, 604 trước Tây lịch Kỷ nguyên.

Cũng tại Trung Hoa và cũng trong đời Châu, Khổng Tử giảng sanh sau Lão Tử 53 năm.

Khổng Tử thường đến hỏi lễ với Lão Tử.

Hai nhà Giáo chủ không hề nghịch lẫn nhau. Sau rồi, hai giáo có chỗ xung đột là bởi tông đồ đôi bên vì muốn làm sáng đạo mình mà xuyên tạc đạo khác.

Cũng trong đời Châu, Phật Thích Ca giảng sanh bên Ấn độ, 560 năm trước Thiên Chúa kỷ nguyên. Lần lần Đạo Phật truyền sang Trung Hoa mà

được thịnh hành là từ khi Trần Huyền Trang (Tam Tạng) qua Thiên Trúc (Ấn độ) thỉnh kinh đem về nước mình.

Lúc Đạo Phật bắt đầu truyền sang Trung hoa, nhà Phật cũng nương theo Đạo Lão mà truyền bá tôn chỉ đạo mình. Lại cũng nhờ tư tưởng và triết lý hai đạo có nhiều chỗ phù hợp nhau, nên các nhà truyền giáo Đạo Phật mượn những danh từ triết lý sẵn có của Lão giáo để biện giải tư tưởng mới của mình. Nhờ vậy, Đạo Phật mới được người Tàu hoan nghinh, và cái tôn chỉ "Tam Giáo hiệp Nhứt" đã khởi điểm ở Trung hoa ngay từ lúc ấy.

Ghi chú:

(1) Triết học Trung hoa chia một Nguyên làm 12 Hội, một Hội 30 Vận, một Vận 12 Thế, một Thế 30 Năm, tổng cộng, một Nguyên là 129.600 năm. Cổ nhơn chia một cuộc Tuần hườn, hay nói theo danh từ triết học, lịch sử nhơn loại làm bốn Nguyên (Yuga) hay bốn Thời đại:

1. Huỳnh kim Thời đại (Krita yuga = Âge d'Or)
2. Bạch ngân Thời đại (Treta yuga = Âge d'Argent)
3. Chơn đồng Thời đại (Dvapara - yuga = Âge d'Airain ou de Bronze)
4. Thiết khí Thời đại (Kali yuga = Âge de Fer)

Huỳnh kim Thời đại là cảnh tượng một mùa Xuân niên niên tồn tại; thời ấy nhơn loại giữ vẹn Thánh đức và được thuần phong mỹ tục.

Bạch ngân Thời đại đánh dấu một giai đoạn mà nhơn loại khởi đầu lu lờ Thánh đức.

Chơn đồng Thời đại chứng kiến sức bành trướng của các điều ác.

Thiết khí Thời đại, tức như chúng ta gọi Hạ nguơn mặt kiếp, là thời kỳ của những sự thái quá và những cuộc tàn bạo tràn khắp địa cầu.

(2) "Tam Kỳ Phổ Độ" là phổ độ kỳ ba bên cõi Á Đông.

(3) Nho, Thích, Đạo, là ba Chánh giáo đã khai đời Thượng cổ, nhưng việc chi cũng hữu thi hữu chung. Cái tận tức là cái cuối cùng mà hễ cuối cùng chẳng dứt, thì phải qui nguyên theo lẽ Tuần hườn "Retour à L'Origine".

(4) - Thế nào gọi là Đại Đạo? Ôn Trên có dạy về chữ Đại Đạo thế này: "Thầy là các con, các con cũng là Thầy. Có Thầy rồi mới có các con mà có các con rồi mới có chư Phật, Tiên, Thánh, Thần. Nên chi cái yếu điểm của chữ Đại là chữ Nhơn! Nhơn là người. Bất đầu viết Nhơn là phết một phết, ngụ ý là Chơn Dương, kế phết một phết nữa, tức là Chơn Âm, thành thử con người là bán âm, bán dương nên mới đứng vào hạng "Tam Tài". Thế là, con người nếu biết cách tu hành tất nhiên phải thành Tiên Phật. Mà Nhơn cướp đặng chữ nhứt là Nhơn "đắc nhứt" thành chữ Đại. Nhứt là chi? Là cái tâm mật pháp mật truyền của Đại Đạo có một không hai, thời là Lớn, chớ có chi Lớn nữa? Nó bao trùm tất cả Võ trụ Càn khôn, ấy mới gọi là Đại, thì vĩnh kiếp trường tồn diên niên bất hoại.

- Còn chữ Đạo các con cũng nghe thấy, hiểu biết rồi, nên không cần phải giải, nhưng cũng lược qua đôi chút chữ Đạo. Bất đầu đạo chám hai chám là điểm âm dương nhị khí, kế dưới một ngang tức là âm dương hiệp nhứt nên chi một sanh hai, hai sanh ba, ba sanh vạn vật rồi vạn vật cũng quay về hiệp một. Kế dưới chữ Tự nghĩa là tự nhiên mà có. Nên chi Thầy hằng dạy các con phải tự lập, lo tu hành, cần phải tự đạt cơ huyền bí đạo mâu thì trí huệ mới phát minh. Chữ tự là tự tri, tự giác chớ chẳng ai làm các con giác,

minh, huệ, đặng.

Trên dưới ráp thành chữ Thủ. Chữ Thủ tất là ban sơ, đầu mối của Càn Khôn Võ trụ. Kế là chữ Tẩu, Tẩu nghĩa là chạy, nên kêu là pháp luân thường chuyển. Đó là chánh nghĩa hai chữ Đại Đạo".

(5) Hết lòng thành thật của mình là Trung, đem lòng thành thật ấy mà xét lòng người và muôn vật là Thứ.

CHỦ NGHĨA CỦA ĐẠI ĐẠO

Chủ nghĩa của Đại Đạo là điều dẫn nhơn sanh trên hai con đường tương đối xử thế và xuất thế.

Xử thế có hai yếu tố: luân lý và triết lý.

Về luân lý, Đại Đạo dạy người đời những nghĩa vụ đối với mình, đối với gia quyến, đối với xã hội là cái gia quyến rộng lớn, đối với tất cả chúng sanh là cái gia quyến đại đồng.

Về triết lý, Đại Đạo dạy người đời nên khinh thường cái vinh hoa phú quý, xa lánh những sự xa hoa, tóm lại là phải thoát ly những ràng buộc không cần yếu về đời sống vật chất để cần yên ổn tâm thần.

Xuất thế cũng có hai yếu tố: tín ngưỡng và tu hành.

Về tín ngưỡng, Đại Đạo dạy tin có Trời là Chúa tế vạn vật; có Thần, Thánh, Tiên, Phật là các Đấng Thiêng liêng cao khiết, có Linh hồn là thiêng liêng bất diệt, có luân hồi và cơ tán hóa của chư Hồn, có Nhơn quả là Luật công bình thường phạt (1).

Về tu hành, Đại Đạo dạy tất cả bốn đạo từ Tín đồ đến Chức sắc lương phái, phải tùy địa vị mình mà phổ độ (2) chúng sanh, đặng lập công quả là nấc

thang bước lên phẩm vị thiêng liêng, và phải tuân theo luật Đạo (3) mà trau dồi đức hạnh, thủ giới trì trai, hàm dưỡng tinh thần, tu tâm luyện tánh.

Yếu điểm của chủ nghĩa Đại Đạo, đầu xử thế hay xuất thế, là Bác ái và Chí thành.

Đức Chí Tôn có dạy:

"Đạo gốc tại lòng bác ái và chí thành.

Bác ái là lòng đại từ đại bi, thương xót sanh linh hơn thân mình. Cho nên kẻ có lòng bác ái coi mình như mây lông, mà coi thiên hạ trọng bằng Trời Đất.

Còn chí thành là lòng thành thật đem đến cực điểm mà đối đãi ngoài đời và trong đạo".

Trên đây là lời dạy đại lược, chúng tôi xin phụ giải thêm cho rộng hiểu.

Ghi chú:

(1) Xem bài *"Những điều tin tưởng chọn chánh của Đại Đạo"* đăng ở sau rồi.

(2) Xem bài *"Phổ độ"* giải riêng.

(3) Xem *Tân luật của Đại Đạo*.

I- Bác Ái

Nhơn loại phần nhiều cũng bởi cái lòng vị kỷ mà hành động bất công. Kẻ tham trộm là bởi quý trọng tài lợi mình mà không quý trọng của thiên hạ, vì vậy mới tính lấy của người bồi bổ thêm của mình; yếu thế, thì gạt lường trộm cắp; mạnh thế lại ép đê, bóc lột, có khi còn hại đến mạng người là khác.

Phàm ăn thịt một con vật là đem huyết nhục nó bồi bổ cho huyết nhục mình, tức là trọng sanh

mạng mình mà không trọng sanh mạng con vật.

Như hai đảng chiến đấu, bên nào cũng đem hết lực lượng, tìm hết cách tiêu diệt đối phương thì đảng nào cũng trọng mạng mình mà không trọng mạng bên nghịch.

Lòng vị kỷ gia hại cho nhơn quần xã hội sở dĩ là vậy.

Nay muốn tiêu trừ cái hại ấy, cần nhứt phải làm thế nào cho thiên hạ, ai ai cũng có cái lòng bác ái. Chẳng những chúng ta thương ông bà cha mẹ, cùng họ hàng quyến thuộc, mà còn phải thương rộng ra đến cả mọi người chẳng luận người nước nào, dân tộc nào.

Lại chẳng những chúng ta thương cả nhân loại, mà còn phải để lòng thương lan rộng ra cho tất cả loài sanh vật khác.

Nhà triết lý Fichte người Đức và nhà văn hào Tolstoi người Nga, cũng đồng khuyên chúng sanh thương người như thương mình và hơn nữa, thương người hơn cả mình.

Ở Chúa Giê Giu, lòng bác ái lại bông bột hơn. Lòng bác ái của Chúa không phải hạn chế ở chỗ giúp đỡ, ban phước và giải nạn, mà còn tự đem mình chịu khổ tử hình để cứu chuộc tội lỗi cho cả chúng sanh.

Lòng bác ái của Phật Thích Ca vốn vô lượng vô biên, đến nỗi tự thí thân đặng giúp món ăn cho con hổ cái mới đẻ, vừa đói vừa mệt, trong cơn túng cùng, sắp sửa ăn thịt con.

Lòng bác ái của đức Khổng Tử gốc ở điều Nhân, mà đạo Nhân là đạo lấy sự thương người làm trọng. Theo Đức Thánh, Trời vốn có đức háo sanh,

gây dựng muôn loài cho đặng tốt đẹp, đồng đức nhau. Con người vốn ở trong muôn loài tất phải thể theo ý Trời mà thương đều muôn vật.

Một hôm, vua nước Sở đi săn, dọc đường đánh mất cây cung. Quần thần theo hầu cố xin tìm lại cho được. Nhà vua phán: "Người nước Sở đánh mất cung, một người khác nước Sở sẽ được, có thiệt chi đâu?"

Việc này thấu tai Đức Thánh, Ngài than: "Rất tiếc cho chí vua Sở còn hẹp. Cần gì phải nói là người nước Sở? Giá nói: "Người này đánh mất cung, người khác sẽ được", thì có hơn không?"

Theo Đức Thánh lòng bác ái phải lan rộng khắp cả người thiên hạ trong bốn biển năm châu, chớ không nên hạn định trong một xứ, một nước nào cả.

Lòng bác ái, cũng như tôn giáo không quốc giới.

1- Tại sao chúng ta thương cả nhơn loại?

Trên mặt địa cầu nhơn loại sở dĩ chia ra nhiều giống, là tại phong thổ cùng khí hậu mỗi xứ khác nhau, song chẳng qua khác nhau về hình thể bề ngoài; về thiêng liêng thì ai cũng đồng thọ của Đấng Tạo Hóa mỗi điểm linh quang tức là Hồn nhờ đó mà sanh sống mà tri giác.

Đức Chí Tôn đã dạy:

"Thầy thường nói với các con rằng Thầy là Cha của sự thương yêu. Do bởi thương yêu, Thầy mới tạo thành thế giới và sanh dưỡng các con.

Vậy thì các con sản xuất nơi sự thương yêu. Sản xuất nơi sự thương yêu, các con tức là cơ thể của sự thương

yêu.

Ấy vậy sự thương yêu là giếng bảo sanh của Càn Khôn Thế Giới. Bởi thương yêu mà vạn loại hòa bình, Càn Khôn an tịnh, mới không thù nghịch nhau. Không thù nghịch nhau, mới không tàn hại nhau. Không tàn hại nhau mới giữ bền cơ sanh hóa.

Còn kẻ nghịch cơ sanh hóa là ai?

- Là Quỷ vương đó. Quỷ vương vốn là tay diệt hóa. Cũng như có sống của Thầy, ắt phải có chết của Quỷ vương.

Quỷ vương lấy cơ thể nào mà tàn hại các con?

- Ấy là sự ghét.

Vì ghét nhau, vạn loại mới nghịch lẫn nhau. Nghịch lẫn nhau, mới tàn hại lẫn nhau. Mà tàn hại lẫn nhau, là cơ diệt thế.

Vậy, Thầy cấm các con từ đây, nếu không đủ sức thương yêu nhau, thì cũng chẳng đặng ghét nhau".

Tóm tắt bài Thánh huấn này, chúng ta có thể nói:

"Thương người, thương vật là gần Trời.

Ghét người, ghét vật là gần Quỷ".

2- Tại sao chúng ta thương cả sanh vật?

Cầm thú, tuy không biết nói, chớ cũng biết đau đớn, thương yêu, đoàn thể và tình nghĩa như người. Và, kiếp này chúng ta được sanh làm người, chớ trước kia, chúng ta cũng trải qua nhiều kiếp làm con vật. Thế thì người và vật vốn đồng nguyên chỉ khác nhau ở chỗ tấn hóa trước sau mà thôi. Sanh vật tức là đàn em của chúng ta đương còn tuân tự theo chơn nối gót chúng ta trên đường tấn hóa.

Vì bác ái, nhà tôn giáo cấm sát sanh. (1)
 Vì bác ái, nhà luân lý khuyên người không
 nên hủy hoại con vật.

Ghi chú:

(1) Xem bài "Giới sát" đăng ở sau.

II - Chí Thành

Ở đời, có nhiều kẻ vì lợi quyền, vì danh vọng mà cố đặt mình lên địa vị cao cả hơn người. Vậy mới tính trăm mưu ngàn kế để riêng giành hạnh phúc cho mình. Cái lòng tham muốn đã lên đến cực điểm, thì còn kể chi đến công bình? Thành ra, trong việc cư xử với đời thường mất tín thành. Làm người mà không tín thành, là mất hẳn nhơn cách; mình đã tự dối mình dối lương tâm mình, mà còn tự đặt mình xuống thấp hơn những người bị mình lừa dối.

Đức chí thành là nguồn gốc tất cả đức tánh, cho nên con người mà chẳng lo un đức được chí thành là nguồn gốc, thì mong chi trau dồi đức hạnh khác là nhánh nhóc?

Đức chí thành tỷ như một khối vàng ròng dùng chế tạo ra lắm đồ trang sức tốt xinh cao giá. Chí ư khối vàng ấy phải pha trộn cho mất nguyên chất đi, bảo sao những trang sức do đó làm ra chẳng xấu hèn thấp giá?

Lão Tử có câu: "Người có tín thành như xe có bánh, người quân tử thốt ra một lời như ngựa hay bị chạm một roi; một lời đã nói ra, bốn ngựa cũng khó theo kịp".

(Nhơn nhi hữu tín như xa hữu luân, quân tử nhứt ngôn, khoái mã nhứt tiên; nhứt ngôn ký xuất, tứ mã nan truy).

Người xưa tuy quê hèn, nhưng giữ được tín thành, đối đãi nhau không bao giờ giả dối. Một tiếng ừ cam đáng giá ngàn vàng, một lời hứa khư khư năm giữ.

Người nay tuy văn minh tấn bộ, song kém tín thành, đến nỗi việc làm mà có nhiều kẻ chung lo, thường hóa ra hư hỏng.

Đức chí thành rất cần yếu cho sự thành công. Không thành thật, thì không phát hiện được sự gì thiết thực (Bất thành, vô vật).

Theo đường đời, đức chí thành còn rất cần yếu cho cuộc xử thế tiếp vật đường ấy, hướng chỉ đường đạo là chỗ phải nêu cao tấm gương đạo đức?

Người hành đạo mà chí thành, không bao giờ hành động riêng tư, chỉ lo chung cho sanh chúng, tuyệt nhiên chẳng quản lợi danh; chỉ biết đem cả hình hài trí thức hy sinh cho tôn chỉ, cho danh thể Đạo; cứ một lòng cúc cung tận tụy với chủ nghĩa mình luôn luôn theo đuổi, chẳng vì tư tâm, ngã kiến mà dặt đồng đạo qua con đường tà ám.

Khi tụng nguyện, nếu không chí thành, tụng nguyện luống công vô ích. Phải có thành mới có cảm, có cảm mới có ứng, có ứng mới có nghiệm (Hữu thành tắc hữu thần).

Phàm muốn chí thành, trước phải thành thật với mình sau mới thành thật với người khác. Thành thật với mình là lấy công tâm xét đoán mình: từng lời nói, từng ý tưởng, từng hành vi của mình, nhứt nhứt

phải xét xem gặt gao kỹ lưỡng, để nhận thấy chỗ hay chỗ dở. Phải đủ can đảm nhìn nhận lỗi mình và phải biết phục thiện mới đến được chỗ hay.

Thành thật với người là tránh xa vọng ngữ, xảo trá, tham lam đua mị, là những tánh xấu xa, thô bỉ thường làm cho đức tánh con người phải tối tăm mà che lấp lẽ công minh.

Tuân Tử có câu: "Công bình sanh sáng tỏ, thiên lịch sanh tối tăm; làm việc đức sanh thông suốt làm việc giả dối sanh ngăn lấp; thành tín sanh linh nghiệm còn khoe khoang xảo trá thì sanh lầm lạc".

(Công sanh minh, thiên sanh ám, tác đức sanh thông, tác ngụy sanh tắc, thành tín sanh thần, đoán khoa sanh hoặc).

Tóm lại, hoàn toàn thành thật với mình, hoàn toàn thành thật với người, đó là Chí thành, cái đức tốt trên tất cả đức tánh mà mọi người, dầu ngoài đời hay trong đạo, cần phải trau dồi un đức đặng bước lên đến chỗ chí thiện.

CỨU CÁNH CỦA ĐẠI ĐẠO

Tu hành cốt để tìm phương cứu cánh là thoát nạn luân hồi, đặng trở về bốn nguyên, tức là tấn hóa đến chỗ duy nhất.

I - Tấn Hóa

Luật thiên nhiên chi phối vạn vật trong Càn khôn Võ trụ là luật hoạt động. Trong trời đất, từ tinh thần đến vật chất, từ cái bốn thể tế vi thuần túy đến cái bốn thể thô sơ phức tạp, thấy thấy đều hoạt động

tuân theo luật ấy.

Một vật mất phạm chúng ta cho là bất động, như hòn đá chẳng hạn, thế mà mỗi nguyên tử (*atome*) trong những thành phần kết làm khối đá, vẫn luôn luôn vận chuyển.

Cái hình hài chúng ta bữa nay đối với vài ngày trước, tuy bề ngoài không thấy đổi thay, kỳ trung những tế bào cấu tạo cơ thể đã vì vận động mà đổi mới.

Thinh âm, ánh sáng, hơi nóng, điện khí, điện quang tuyến, vân vân đều là cách thức ba động (*modes de vibration*) của tinh lực và vật thể trong trời đất phát biểu ra, biến thành cái năng lực vận động vô cùng vô tận.

Trong trời đất, không một vật nào bất động. Bất động là chết.

Trái lại hoạt động là tấn hóa.

II- Duy Nhất

Vạn vật sở dĩ khác nhau ở hình thể cùng ở chỗ thanh trước, tinh thô, song kỳ thiết vốn đồng một thể, vì một gốc mà ra. Muốn đi đến nguồn gốc vạn loại tức là chỗ "Duy nhất", chúng ta phải luôn luôn hoạt động không phân nhĩ ngã, nghĩa là không chấp cái nào là của ta, cái nào không phải của ta. Vậy là không ích kỷ. Không ích kỷ, là không chấp trước (1). Không chấp trước, thì Tâm (Hồn) không duyên theo ngoại cảnh.

Những bậc cao siêu minh triết đều dứt được lòng tham muốn mọi điều vui sướng thấp hèn ích kỷ, và luôn luôn hành động với chủ nghĩa vị tha, nên

sống được cái đời tinh thần cao thượng, tự tại an nhàn.

Tóm lại, tánh ích kỷ sanh lòng dục vọng, lòng dục vọng là nguồn gốc của mọi điều thống khổ. Mà tánh ích kỷ phát sanh là bởi vô minh, không nhận thức cái chơn thể vạn vật là ở chỗ "Duy nhất".

Vậy các phương pháp dùng đi đến chỗ hoàn toàn chí thiện là chỗ "Duy nhất" cần phải căn cứ ở nguyên tắc:

Tuần tự tấn hóa bằng cách hoạt động không ích kỷ.

Do theo nguyên tắc ấy, Đại Đạo "T.K.P.Đ." vạch ra hai con đường cứu cánh:

1- Con đường "Công quả" (*Sentier de l'Action: Karma marga*) là con đường chung cho tất cả bốn đạo phải trải qua đặng lập công quả (2) bằng cách quên mình phổ độ chúng sanh.

2- Con đường "Tự giác" (*Sentier de la Connaissance: Jnâna marga*) riêng cho bậc thượng thừa cùng trí thức, sau khi công viên quả mãn.

Con đường "Công quả" là dễ đi hơn hết. Người hành đạo không buộc phải thông minh trí thức, không buộc lâu thông kinh điển, miễn là chí thành với đạo sẵn lòng phụng sự chúng sanh mà không cầu danh cầu lợi. Chỉ cần có đức tin và kiên tâm trì chí là chắc được đến nơi cứu cánh, khỏi sợ lầm đường lạc nẻo.

Những bậc cao minh trí thức, tất nhiên chuyên chú về đường "Tự giác", sưu tầm học hỏi nhiều kinh nhiều điển, để tìm chơn lý. Nhưng bao giờ cũng phải lấy công quả làm nền tảng cho việc tu

hành, nhất là phải trừ bản ngã là cái vô cùng chướng ngại cho đường tấn hóa. Còn chấp ngã, thì dầu lâu thông muôn kinh ngàn điển cũng khó mong thành đạo, kết cuộc không bằng một người thuở nay chưa từng xem kinh điển mà chỉ biết một lòng cúng, tận tụy với chủ nghĩa vị tha bác ái.

Cuộc tấn hóa của điểm linh quang khởi từ kiếp vật chất này chuyển qua vật chất khác, luân chuyển ngàn ngàn muôn muôn kiếp như vật rời mới thoát kiếp vật chất mà tấn hóa lên kiếp thảo mộc. Đoạn thoát muôn ngàn kiếp thảo mộc mà tấn hóa lên ngàn muôn kiếp thú cầm, rời mới chuyển qua kiếp nhơn loại. Đến kiếp người, Nhơn hồn còn phải luân chuyển ngàn muôn kiếp nữa mới tấn hóa lên đến tột bậc nhơn phẩm (3).

Nhơn phẩm nơi địa cầu lại chia ra nhiều hạng. Thượng đẳng nhơn sanh nơi địa cầu 68 của chúng ta ở, kể luôn về vật chất với tinh thần, vẫn chưa bằng bậc chót nhơn phẩm ở địa cầu 67. Đệ nhất nhơn phẩm địa cầu 67 cũng chưa bằng bậc chót nhơn phẩm địa cầu 66.

Giá trị mỗi địa cầu cứ tăng lên cho tới đệ nhất cầu. Đó là kể về thế giới hữu hình.

Thoát khỏi thế giới hữu hình, Nhơn hồn bỏ xác phàm tấn hóa lên cõi siêu hình nhiều kiếp nữa cho đến khi trọn lành mới lên được Bạch Ngọc Kinh mà Phật giáo gọi Niết bàn.

Xem đó thì biết phẩm trật con người nhiều là dường nào. Nhơn hồn phải trải qua biết bao nhiêu kiếp mới được về nguyên bản. Nếu kẻ không tu làm đủ phận sự công bình chánh trực, khi Hồn lìa khỏi

xác, thì cứ theo đẳng cấp gần trên mà chuyển kiếp lại nữa, thì biết chừng nào thoát nạn luân hồi?

Đức Chí Tôn lập Đạo, cứu cánh là mở ra cho nhơn loại một con đường giải thoát, lại còn ban ân huệ (4) rất lớn lao đặc biệt cho cả Càn Khôn Thế Giới là "Ai ngộ được một đời tu cũng đủ trở về cựu vị".

Thánh huấn có câu: "Người dưới thế này muốn giàu có phải kiếm phương thế làm ra tiền của; ấy là phần xác thịt. Còn muốn đắc đạo, phải có công quả".

Ấy vậy, điều kiện tối yếu của sự cứu cánh là "lập công quả".

Lập công quả vốn có nhiều cách, mà trọng yếu nhất là phổ độ chúng sanh.

Ghi chú:

(1) Chấp trước là đeo đuổi một sự gì, và cứ khư khư giữ lấy cho mình, chớ không chịu buông ra.

(2) Xem bài "Phổ Độ".

(3) Trong mỗi kiếp luân hồi, sự hành động của con người tạo ra nghiệp nhơn; vì vậy mà tự buộc trói trong vòng vay trả. Nếu không tu thì khó mà dứt nghiệp duyên.

(4) Xem bài "Đại ân xá".

PHỔ ĐỘ

Trong sáu pháp Ba la mật (*Paramita*), tức là pháp lục độ của nhà Phật, đầu hết là pháp bố thí (*Dana*).

Bố thí đại để có hai cách dễ làm hơn hết là: tài thí và pháp thí.

Tài thí là xuất tiền của làm việc phước thiện,

như tán trợ người khốn cùng túng ngặt được no cơm ấm áo, hoặc giúp đỡ kẻ bệnh nghèo được lành mạnh bình yên, hoặc cứu người hoạn nạn, vân vân... Ấy là cứu độ về phần xác.

Pháp thí là dùng lời đạo đức giảng giải cho người, chẳng luận bực nào, nghe mà giác ngộ; khuyên lơn kẻ hung tàn bạo ngược, xảo quyệt tham lam biết hồi tâm hướng thiện cho khỏi đọa lạc luân trầm. Ấy là cứu độ về phần Hồn.

Sự bố thí là đầu mối việc của chủ nghĩa từ bi bác ái. Đức Chí Tôn lập "trường công quả" dạy chúng ta phổ độ chúng sanh, tức là dạy chúng ta phải thí tài và thí pháp đó.

Mỗi vị trong Đại Đạo "Tam Kỳ Phổ Độ" từ Tín đồ đến Chức sắc lương phái, phải độ cho được ít nhất là 12 người nhập môn (Thánh huấn ngày 27- 8- 26).

Tùy sức mình mà phổ độ. Dở thì nói đạo cho bực thấp nghe, hoặc lựa trong bà con thân thuộc, trong bạn yêu đương mà khuyên người mộ đạo. Giỏi thì giảng giải đạo lý cho hàng trí thức hiểu thông.

Mắc việc nhà ràng buộc, thì phổ độ trong lúc rảnh rang. Được rảnh rang, thì châu du thuyết đạo.

Chẳng nên hẹp tưởng chỉ có bực Thiên phong Chức sắc mới có cái sứ mạng phổ độ chúng sanh. Thiên phong phổ độ với tư cách Thiên phong; Tín đồ phổ độ với tư cách Tín đồ. Ai lo công quả theo phận nấy. Lập công nhiều, đắc quả cao; lập công ít đắc quả thấp, đòn cân thăng thưởng thiêng liêng chẳng khi nào thiên lịch.

Nên biết rằng mình đi phổ độ, tức là mình tự

lập quả vị cho mình, nghĩa là tự mình đoạt thủ đẳng cấp thiêng liêng của Đức Chí Tôn sắp đặt nơi trường "công quả."

Nếu sứt sè biếng nhác, chẳng chịu ra công nhọc sức, thì chẳng khác nào cử tử đến trường thi mà không làm bài nạp vớ.

Đi phổ độ thường bị lằm khó khăn, trắc trở, và gặp nhiều nghịch cảnh dễ thối chí ngã lòng, cho nên cần có hai đức tánh sau này làm lá bùa hộ thân: nhẫn nhục và tinh tấn. (1)

Người đi phổ độ còn phải thận trọng; lời luận giải của mình sao cho chánh đại quang minh. Chẳng nên vì một ý riêng mà bịa đặt điều dị đoan mê hoặc, làm sai Thánh giáo, thất chơn truyền, trái ngược tôn chỉ và lý thuyết của Thiên đạo.

Cũng chẳng nên xu phụ theo phe, theo phái mà binh vực riêng tư, làm cho chúng sanh chẳng biết đầu mà nhận thức lẽ phải, rồi đâm chán nản vì không biết tín nhiệm vào đâu.

Dùng ngụy biện để qua mặt người, bày tà thuyết để mê hoặc chúng, phao yêu ngôn cho nhơn tâm xao xuyên, đó là những điều mà người đi phổ độ phải xa lánh. Bày âm phù thần chú cho người lầm tưởng mình có huyền diệu, đó là bước đầu vào nẻo dị đoan mê tín.

Phàm muốn độ người mình phải hành động cho mình chánh. Khi thuyết đạo, lời nói phải cân phân dè dặt, không khoe khoang tự phụ, nhứt là đừng xuyên tạc đạo nào khác mà phạm quyền tự do tín ngưỡng.

Đạo Trời là đạo chung, vì Trời chẳng riêng

che, Đất không riêng chở. Các sắc dân trên mặt địa cầu toàn là con một Cha, đồng thọ một điểm linh quang của đấng Chí Thiêng, cho nên chẳng luận màu da sắc tóc, không phân cao hạ sang hèn, phàm gần được người nào, bổn phận mình phải lo độ người ấy, dầu được hay không cũng vậy, miễn mình làm trọn thiên chức của mình là đủ.

Chẳng nên vì kẻ giàu sang mà lân la bợ đỡ, cũng chẳng nên thấy kẻ nghèo mà ít tới lui. Người đi phổ độ phải có cái lòng bình đẳng, nhứt là đối với kẻ nghèo hèn là hạng người chịu nhiều thống khổ, mình lại càng nên chiếu cố hơn. Nghèo nàn thiếu trước hụt sau, khổ tâm làm lụng, đem bát mồ hôi đổi lấy bát cơm, hạng người xấu số ấy cần có sự an ủi của mình. Chúng ta phải lân la họ; khi đem tiền giúp đỡ khi đem đạo lý giải bày, đem lẽ huyền vi báo ứng mà phủ ury, tức là chúng ta dùng linh đơn cứu chữa người trong những thống khổ về vật chất lẫn tinh thần.

Phải tùy trình độ trí thức người mà nói đạo. Với người quê dốt, nên lựa lời lẽ giản dị và thiển cận mà giải bày; đem đạo lý cao siêu mà nói, thì không bổ ích vào đâu.

Thuở xưa, các vị Giáo chủ mỗi lần thuyết pháp, đều tùy trình độ học thức của thính giả. Cũng thời một lý thuyết, song đối với hạng thấp thì các Ngài giải khác hơn đối với hạng thông minh, cao kiến.

Người ta đương an nhàn thỏa thích với sự giàu sang, hoặc giả đương khổ tâm cực trí với sự bần hàn túng thiếu chúng ta cần phải chiều theo hoàn cảnh tùy phương tiện mà phổ thông Thiên đạo.

Với người sẵn có đạo tâm, thì phổ độ dễ dàng; đến như gặp kẻ cương ngạnh, không đạo tâm, không tín ngưỡng, thì rất khó khăn, chúng ta cần phải kiên tâm trì chí. Nếu may mà độ được, thì công đức rất lớn, là vì chẳng những chúng ta cứu vớt linh hồn người ấy khỏi luân trầm, đọa lạc, mà xã hội cũng bớt một phần tử xấu xa.

Tóm lại, phải tùy phương tiện, tùy hoàn cảnh, tùy tâm lý người mà nói đạo. Phải nhẫn nhục, tinh tấn và minh chánh mới mong độ được người.

Ghi chú:

(1) Xem lại bài "Phương pháp tu hành" trong "Phần giáo điều".

ĐẠI ÂN XÁ

Nơi tòa Phán xét (*Conseil des Lipikas ou Seigneurs du Karma*), từ những hành vi cho đến những lời nói của chúng ta, nhứt nhứt điều ghi chép hẳn hoi. Cho nên một mảy không qua, dữ lành đều báo ứng.

Luật nợ quả rất mực công bình, mà sự hành luật lại là chặt chẽ. Thế thì con người ở cõi phàm gian, với những hành động hằng ngày, tránh sao khỏi tội tình, nghiệp báo?

Tạo nợ quả tất thọ quả, con người cứ hết trả rồi vay, thì thế nào thoát nạn luân hồi?

Nhưng mỗi kỳ khai đạo là mỗi lần Đức Chí Tôn đại ân xá, nghĩa là ban cho những người vào đạo một ân huệ lớn lao là bôi xóa tất cả tội lỗi của họ đã làm từ mấy kiếp trước. Nhờ vậy người tu mới được

rảnh nợ tiền khiên, ra khỏi vòng nợ quả, chỉ lo lập công bồi đức và trau dồi đạo hạnh cho hoàn toàn là đắc đạo trong một kiếp tu.

Hạ Ngươn này, Đức Chí Tôn khai đạo kỳ ba, nên mới có đại ân xá kỳ ba (*Troisième Amnistie de Dieu*).

Phép "giải oan" và phép "bí tích" của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được đem ứng dụng theo sự ban hành luật đại xá đó vậy.

CHƯƠNG THỨ HAI

CHÁNH THỂ CỦA ĐẠI ĐẠO

CHÁNH THỂ CỦA ĐẠI ĐẠO

Đại Đạo, tuy có cái bốn thể bình đẳng, nghĩa là tất cả bốn đạo đối đãi nhau với tình anh em một Cha, song phải có chánh thể.

Chánh thể là gì?

Là cách tổ chức đặng hành đạo cho có trật tự.

Đức Chí Tôn đã dạy:

"...Nay Thầy nhứt định chính mình Thầy đến độ rồi các con, chẳng giao Chánh giáo cho tay phàm nữa, nhưng buộc phải lập Chánh thể, có lớn nhỏ đặng để cho các con dều dắt lẫn nhau, anh trước em sau mà đến nơi Bồng đảo..."

HỘI THÁNH

Theo chánh thể của Đức Chí Tôn đã ấn định trong "Pháp Chánh Truyền" (1) Đại Đạo đại diện bởi một đoàn thể gọi là Hội Thánh (Sacerdoce). Hội Thánh là một nhóm lương sanh của Đức Chí Tôn tuyển hiệp làm một. Đức Chí Tôn đã dùng quyền thiêng liêng dạy dỗ, trước un đúc nơi lòng một khiếu từ bi, cho tâm địa có tình ái vật ưu sanh để làm lợi khí phạm tục mà độ rỗi người phạm tục.

Đức Chí Tôn đã dùng huyền diệu cơ bút dạy dỗ từng người cho có tư cách đứng ra hành đạo.

Hội Thánh có hai phần tại thế:

1.- Phần hữu hình là Cửu Trùng Đài, thuộc

Đài, tức là Xác của Đạo.

2.- Phần bán hữu hình (2) là Hiệp Thiên Đài nửa đời nửa đạo, tức là Chơn thần của Đạo.

Về vô vi, có Bát Quái Đài, thuộc Đạo, tức là Hồn của Đạo vậy.

Xác nhờ Chơn thần mà liên lạc với Hồn, thì Cửu Trùng Đài cũng nhờ Hiệp Thiên Đài mà thông công với Bát Quái Đài.

Ba Đài cần phải có đủ, thì Đạo mới được toàn thể.

Trên ba Đài ấy, còn có một Đài tuyệt cao, là Đài ngự của Đức Chí Tôn cầm quyền chưởng Đạo. Đài cao ấy, gọi theo Hán văn là "Cao Đài" mà Đức Chí Tôn dùng làm Thánh danh trong buổi Tam Kỳ Phổ Độ.

Ghi chú:

(1) Xem riêng "Pháp Chánh Truyền".

(2) Gọi Hiệp Thiên Đài là hữu hình vì Chức sắc H.T.Đ. có trách nhiệm hành sự về mặt pháp luật. Gọi vô hình là khi Chức sắc ấy tiếp diễn thông công với Bát Quái Đài, cùng chư Tiên Phật; Vừa hữu hình, vừa vô hình, nên gọi bán hữu hình như Chơn thần là thể chất bán hữu hình vậy.

I. CỬU TRÙNG ĐÀI

Cửu Trùng Đài là tòa ngự của chức sắc Thiên Phong, đối hàm với chư Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Cửu Trùng Đài là hình trạng Cửu Trùng Thiên (1). Cửu phẩm Thần Tiên vưng mạng lệnh cầm

quyền trị thế, thì Cửu Trùng Đài cũng vưng mạng linh cầm quyền quản trị Đạo nơi tay.

Tất cả Chơn linh trong Càn Khôn, Thế giới phải vào Cửu Trùng Đài đăng đoạt giả trạng sắp đặt nơi ấy, mới mong lập Thiên vị mình.

Chẳng vào cửa Đạo hiệp với Cửu Trùng Đài, thì chẳng đi đường nào khác mà vào Cửu Trùng Thiên choặng.

Cửu Trùng Đài do Giáo Tông chương quản dưới quyền có: ba Chương Pháp, ba Đầu Sư, ba mươi sáu Phối Sư (trong số này có ba Chánh Phối Sư), bảy mươi hai Giáo Sư và ba ngàn Giáo Hữu. (2)

Tỷ số này chiếu theo Thiên Thơ phải có Nhứt Phật, Tam Tiên, Tam thập lụcThánh, Thất thập nhị Hiền, Tam thiên đồ đệ chương quản cơ qui "Tam giáo Ngũ Chi" hiệp Nhứt.

Từ Chương Pháp đổ xuống, chức sắc Cửu Trùng Đài chia làm ba phái là:

1) Phái Thái, về Phật giáo, mặc Thiên phục màu vàng.

2) Phái Thượng, về Tiên giáo, mặc Thiên phục màu xanh.

3) Phái Ngọc, về Khổng giáo, mặc Thiên phục màu đỏ.

Chức sắc nữ phái chỉ tới bậc Đầu Sư. Chức sắc nữ phái mặc Thiên phục toàn màu trắng, và không chia làm ba phái như bên nam. Chức sắc nữ phái vốn có quyền tương đương đồng đẳng với nam phái, song phải dưới quyền chương quản của Giáo Tông.

Lễ Sanh (nam và nữ) là hạng Chức sắc để lo

việc lễ, chưa đứng vào Hội Thánh.

Nhiệm vụ của Chức sắc Hiệp Thiên Đài đều qui định trong "Pháp Chánh Truyền" và "Tân Luật".

Ghi chú:

(1) Xem bài giải riêng.

(2) Tổng số này, tính chung toàn thể Chức sắc khắp hoàn cầu, chẳng hạn người nước nào, dân tộc nào.

II. HIỆP THIÊN ĐÀI

Hiệp Thiên Đài là nơi chuyên về Đạo pháp, bảo hộ luật đời và luật đạo. Hiệp Thiên Đài nắm luật lệ như Ngọc Hư Cung nắm Thiên điều.

Hiệp Thiên Đài, tức là hình trạng Ngọc Hư Cung tại thế.

Hiệp Thiên Đài do Hộ Pháp chương quản, tả có Thượng Sanh, hữu có Thượng Phẩm. Hiệp Thiên Đài, gồm có ba chi: chi Pháp, chi Đạo, và chi Thế.

* Hộ Pháp là Tổng trưởng Hiệp Thiên Đài, kiêm chỉ huy chi Pháp; dưới có: Bảo Pháp, Hiến Pháp, Khai Pháp, và Tiếp Pháp.

Chi Pháp lo bảo hộ pháp luật trong đạo, chẳng ai hành động qua luật mà Hiệp Thiên Đài chẳng biết.

* Thượng Phẩm chỉ huy chi Đạo dưới có: Bảo Đạo, Hiến Đạo, Khai Đạo, và Tiếp Đạo.

Chi Đạo lo về phần Đạo nơi các tịnh thất, xem sóc và bình vực chư môn đệ Đức Chí Tôn nơi các Thánh Thất.

* Thượng Sanh chỉ huy chi Thế: dưới có; Bảo

Thế, Hiến Thế, Khai Thế, và Tiếp Thế.

Chi Thế lo bảo hộ chư môn đệ của Đức Chí Tôn về phần Đời.

Mười hai vị Bảo, Hiến, Khai, Tiếp gọi là "Thập nhị Thời Quân" đối hàm với "Thập nhị Thời Thần". (1)

Hiệp Thiên Đài còn có "Thập nhị Bảo Quân", tức là Hàn Lâm Viện của Đạo, cùng nhiều Chức sắc phụ thuộc khác như Sĩ Tải, Luật Sự, vân vân...

Trên đây là sở dụng phạm trần của Hiệp Thiên Đài.

Về sở dụng thiêng liêng, Hiệp Thiên Đài là nơi Đức Chí Tôn và chư Tiên Phật đến tiếp xúc với Hội Thánh. Hễ Đạo còn, Hiệp Thiên Đài vẫn còn. Điều hệ trọng là nếu không có Hiệp Thiên Đài, thì Đạo không cơ xuất hiện. Trời đất qua, chớ Đạo không qua, hơn loại tuyệt chớ Hiệp Thiên Đài chẳng tuyệt.

Hiệp Thiên Đài lại là nơi Giáo Tông đến thông công cùng "Tam thập lục Thiên", "Tam thiên Thế giới", "Lục thập thất địa cầu" và "Thập điện Diêm cung" mà cầu siêu cho hơn loại.

Ghi chú:

(1) Xem bài "Ý nghĩa sự lay".

III. BÁT QUÁI ĐÀI

Bát Quái Đài là nơi thờ phượng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, cùng Chức sắc và Tín đồ qui vị, cho trọn phép Trời Người hiệp nhất.

Các Đấng Thiêng Liêng thờ phượng nơi Bát Quái Đài là các vị Giáo chủ của Tam giáo, Ngũ chi,

cùng các vị thay mặt tôn giáo mà hành đạo trong buổi "Tam Kỳ Phổ Độ". Cho nên cách thờ phượng sắp đặt nơi đây phải chú về ý nghĩa Tam giáo, Ngũ chi hiệp nhất. Cách sắp đặt ngôi thứ ra sao, sẽ giải ở chương "Lễ nghi tế tự".

Đã nói Bát Quái Đài là Hồn Đạo, mà Đức Chí Tôn vẫn nắm phần Hồn và làm chủ Bát Quái Đài, thì Đạo chẳng khi nào còn chịu dưới quyền phàm nữa, cho nên Đức Chí Tôn đã nói: "Không chịu giao Chánh giáo cho tay phàm nữa" là vậy.

Cơ màu nhiệm của Đạo là do chỗ Đức Chí Tôn mở cửa Bát Quái Đài cho các Chơn linh đã tự mình lập vị nơi Cửu Trùng Đài vào tận Bát Quái Đài mà hiệp một cùng Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Cửu Trùng Đài chỉ cách Bát Quái Đài có một cánh cửa, như Niết Bàn cách phạm trần có một xác thân. Cánh cửa ấy nay đã mở, thì cơ đắc Đạo tại thế đã mở ra rồi vậy.

Cửu Trùng Đài lo phần độ rồi chúng sanh thì Bát Quái Đài lo phần siêu rồi.

Tóm lại, về sở dụng phạm trần:

- 1- Bát Quái Đài nắm Thiên điều làm cân thưởng phạt thiêng liêng.
- 2- Cửu Trùng Đài do pháp luật mà hành đạo đặng độ rồi chúng sanh.
- 3- Hiệp Thiên Đài lo bảo tồn pháp luật.

Về sở dụng thiêng liêng:

- 1- Cửu Trùng Đài là ngôi vị Thánh, Thần, Tiên, Phật của Đức Chí Tôn sắp sẵn tại thế, cho chức sắc Thiên phong cùng chư Tín đồ đoạt thủ. Cửu Trùng Đài tức là Cửu Trùng Thiên tại thế.

2- Hiệp Thiên Đài là Thiên môn mở rộng ra rước cả Nguyên nhơn trở về cựu vị, và giúp cho cả hóa sanh đến tranh đoạt phẩm vị thiêng liêng. Ấy là cái ngõ Hiệp các Chơn linh toàn trong Thế giới.

Hiệp Thiên Đài là Ngọc Hư Cung tại thế.

Bát Quái Đài là tòa ngự của Thần, Thánh, Tiên, Phật dưới quyền chưởng quản của Đức Chí Tôn, tức là Thiên triều, là Bạch Ngọc Kinh tại thế.

CỬU TRÙNG THIÊN

Thượng giới, cõi Tiên, chia làm 3 cõi là: cõi Thiên Tiên, cõi Địa Tiên, và cõi Nhơn Tiên.

Mỗi cõi lại phân làm ba tầng, cộng chung là chín tầng gọi Cửu Trùng Thiên.

Cõi Thiên Tiên	Hỗn Nguơn Thiên
	Hư Vô Thiên
	Tạo Hóa Thiên
Cõi Địa Tiên	Phi Tưởng Thiên
	Hạo Nhiên Thiên
	Kim Thiên
Cõi Nhơn Tiên	Xích Thiên
	Huỳnh Thiên Thanh Thiên

Hỗn Nguơn Thiên có Lôi Âm Tự
Hư Vô Thiên có Ngọc Hư Cung
Tạo Hóa Thiên có Diêu Trì Cung

CHƯƠNG THỨ BA

LỄ NGHI - TẾ TỰ

THỜ TRỜI

Vốn từ trước, Thánh giáo bị tay phàm mà hóa Phàm giáo; môn đồ mỗi Đạo vì chỗ bất đồng ý kiến mà xuyên tạc nhau.

Nay gặp hội "Tam Kỳ Phổ Độ", Đại Đạo ra đời truyền bá cho dân gian biết rằng các tôn giáo vốn một gốc mà ra, đều tôn sùng chung một vị Chúa tể mà vì khác tôn giáo, hoặc khác ngôn ngữ, người ta xưng tụng với danh hiệu khác nhau. (1)

Phàm muốn tỏ dấu tôn sùng Đức Thượng Đế, chúng ta phải thờ phượng Ngài.

Thoảng có người hỏi: "Thượng Đế là Đấng hóa sanh muôn loài, bông hoa cây trái, vật nào lại không phải của Ngài sanh ra. Như vậy, cần chi phải dùng những vật của Ngài sanh ra mà dâng cúng lại Ngài?"

Chúng tôi xin đáp: "Đức Thượng Đế tạo hóa chúng ta, chúng ta phải biết ơn Ngài. Và cũng bởi muốn tỏ dấu biết ơn mà chúng ta thờ phượng. Mà đặt ra lễ thờ phượng, tất phải dùng hương đăng trà quả cho có nghi lễ vậy thôi, chớ Ngài đâu dùng đến.

Phương chi, những tế vật và cúng phẩm đều hàm súc một ý nghĩa tượng trưng cơ màu nhiệm của Đạo."

Hoặc giả, người ta còn gạn hỏi: "Thượng Đế là Đấng tối cao, tối trọng, đại từ, đại bi, cần chi chúng

ta biết ơn? Mà dầu chúng ta không biết ơn đi nữa, tưởng lại lòng từ bi của Ngài cũng không nở chấp."

Xin đáp: "Đành rằng Đức Thượng Đế không cần chúng ta biết ơn, và Ngài cũng không nở chấp những kẻ chẳng biết ơn ngài, thậm chí lòng từ bi của Ngài cũng không chấp những kẻ chẳng tin có Ngài nữa kia. Song về phần chúng ta, lại cần phải biết ơn Ngài. Biết ơn Thượng Đế là biết tin tưởng ở quyền năng vô biên, vô lượng của Ngài. Có tin tưởng như vậy, chúng ta mới ráng giữ Thiên Đạo mà khỏi làm điều chi trái lẽ".

Nếu có người hỏi thêm: "Dầu biết ơn Thượng Đế đi nữa, tưởng lại một tấm lòng tín thành cũng đủ, hà tất phải bày ra lễ nghi tế tự là việc phô trương bề ngoài không thấy chi cần yếu?"

Chúng tôi lại trả lời: "Ở vào thế kỷ văn minh vật chất này, nhiều sự ồn ào náo nhiệt, dễ làm cho đạo tâm xao lãng. Nào là nỗi sớm lo chiều liệu trên đường sanh kế, nào là cuộc bi thương hoan lạc, mỗi mỗi dễ làm cho chúng ta phải xa lìa mối Đạo. Cho nên cần phải có phương pháp chi nhắc nhở và bó buộc chúng ta khỏi thất Đạo. Cái phương pháp thần diệu ấy, tức là sự cúng kiến thờ phượng Thượng Đế đó vậy.

Vả chẳng sự thờ cúng cần phải hiệp lại đông người và phô diễn ra một cách chí thành chí kính và có lễ nghi pháp mục oai nghiêm mới ra vẻ tôn giáo. Ấy chẳng những là một phương pháp gìn giữ đạo tâm và nuôi nấng đức tin của những người cùng chung một tín ngưỡng, mà cũng là một cách truyền bá tôn giáo rất đắc lực đó vậy. Xem như một Thánh

Thất trong khi hành lễ, cả bốn đạo quì trước Thiên bàn, miệng đương thành kính đọc kinh, tâm hồn đương tiếp xúc với khối Thiên quang. Đối với khối kính thành tín ngưỡng của đông người hiệp lại, dầu ai là kẻ trước muốn chê bai rẻ rúng, mà một khi đã mục kích cái cảnh tượng uy nghiêm ấy, tưởng lại tấm lòng khi ngạo cũng phải xiêu, rồi biết đâu đạo tâm của người ấy chẳng vì cảm xúc mà phát khởi?"

Trong khi hành lễ, Đức Chí Tôn cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật đều chứng giám tác lòng thành kính của chúng ta, và ban cho chúng ta điển lành bằng cố là khi mãn đàn, chúng ta luôn luôn cảm thấy trong người khoan khoái lạ thường, mặc dầu đã chịu nực nội giữa đông người với nhiều nghi thức.

Ghi chú:

(1) Người Do Thái gọi Ngài là *Jéhovah*, người Hồi Hồi gọi *Allah*, người Đạo Phật gọi *A di đà Phật*, người Ấn Độ gọi *Brahma*, người Ai Cập gọi *Osiris*, người Pháp gọi *Dieu*, người Việt Nam gọi *Thượng Đế* mà ngày nay "*Tam Kỳ Phổ Độ*" gọi *Cao Đài*.

Kỳ hội quốc tế Thần linh học (Congrès spirite international) nhóm tại thành Londres (Anh quốc) từ 7 đến 11 tháng 9 năm 1928, có 26 nước đến dự, đều công nhận có 1 vị Chúa tể là Đấng toàn tri và là Nguyên nhơn tối cao của vạn vật (Existence de Dieu, Intelligence et Cours suprême de toutes choses).

THỜ THIÊN NHÃN

VỀ "LỄ NGHI TẾ TỰ" của Đại Đạo và cách

thờ Thiên Nhân, vốn có ba thời kỳ: Từ Thánh Nhân đến Nguơn Thần, từ đệ nhất tới đệ tam kỳ, cách thờ phượng phải chuyển theo cơ tấn hóa của Đại Đạo. Người tín đồ Đạo Cao Đài cần phải tìm hiểu chỗ diệu lý cách thờ phượng của mỗi thời kỳ để thuận theo cơ tấn hóa.

I- THỜI KỲ PHỔ ĐỘ

Dùng sắc tướng âm thanh ăn về Tâm lý tức là Lý của Tâm Vật.

Thờ "Thiên Nhân" có Tam Giáo Ngũ Chi

Tôn chỉ của Đại Đạo vốn là Tam giáo qui nguyên, Ngũ chi hiệp nhất, cho nên cách thờ phượng nơi Bát Quái Đài phải biểu tượng sự qui hiệp ấy.

Trên hết, có một quả Càn Khôn, bề kính tâm đúng ba thước ba tấc (1) sơn màu xanh da trời. Cung Bắc Đẩu (2) cùng các vì tinh tú khác đều vẽ trên ấy. Trên sao Bắc Đẩu lại vẽ Thiên Nhân. Trong quả càn khôn, luôn luôn ngày lẫn đêm đều chong một ngọn đèn; đó là một sự cầu nguyện rất quý báu cho cả nhơn loại trong Càn khôn, Thế giới.

Dưới quả Càn Khôn là chỗ thờ các vị giáo chủ Tam giáo, Ngũ chi, cùng các vị đại diện Tam giáo trong buổi Tam Kỳ Phổ Độ.

Đền thờ có năm cấp. Ở cấp thứ nhất (từ dưới lên trên) có 7 cái ngai thể về Nhơn đạo, một ngai Giáo Tông, 3 ngai Chương Pháp, 3 ngai Đầu Sư.

Ở cấp nhì, ngai giữa thờ Đức Khương Thái Công, giáo chủ Thần đạo.

Ở cấp ba, ngai giữa thờ Đức Giê Giu, giáo chủ Thánh đạo.

Ở cấp tư, ngai giữa thờ Đức Lý Thái Bạch, chủ về Tiên đạo trong buổi "Tam Kỳ Phổ Độ."

Ở cấp năm, ngai thờ Đức Thích Ca, giáo chủ Phật đạo.

Đó là cách thờ phượng với biểu tượng "Ngũ Chi Hiệp Nhất". Về biểu tượng "Tam giáo hiệp nhất", cách sắp đặt như đây: Ở cấp năm phía hữu của ngai Thích Ca, có ngai Đức Thái Thượng Đạo Tổ, Giáo chủ Đạo Tiên; phía tả, có ngai Đức Khổng Thánh, Giáo chủ Đạo Nho. Còn ở cấp tư, phía hữu ngai Đức Lý Thái Bạch, có ngai Đức Quan Âm Bồ Tát, phía tả có ngai Đức Quan Thánh Đế Quân.

Ba vị sau này vốn là Tam Trấn, thay quyền Tam Giáo trong buổi Tam Kỳ Phổ Độ này.

Cách thờ nơi Tòa Thánh (Tổ đình) phải có đầy đủ nghi tiết như thế, còn tại mỗi thánh thất, thì chỉ thờ Thánh tượng "Thiên Nhân, Tam Giáo, Ngũ Chi và Tam Trấn."

Thái Thượng	Thích Ca	Khổng Thánh (3)
Quan Âm	Thái Bạch	Quan Thánh (4)
	Giê Giu	
	Khương Thượng	
	Giáo Tông (5)	

Ghi chú:

(1) 3 thước 3 tấc tức 33 tấc là con số biểu hiệu "Tam thập tam thiên". Quả càn khôn tạm thời phát vãi vì còn thiếu phương tiện về kỹ nghệ, chớ lẽ thì phải làm bằng chai cho tinh thanh mới phù hợp với tinh khí của Càn Khôn.

(2) Sao Bắc Đẩu (Étoile polaire) là vì sao lớn ở thẳng

về miền Bắc cực. Kế bên sao Bắc Đẩu, có hai chòm sao (mỗi chòm 6 cái) gọi là hai bánh lái (Grande Ourse et Petite Ourse). Hai chòm sao này hình như châu sao Bắc Đẩu, cho nên trong "Luận Ngữ" có câu: "Vi chánh dĩ đức thí như Bắc Đẩu cư kỳ sở nhi chúng tinh cung chi" (Lấy đức làm chánh, tỷ như sao Bắc Đẩu ở một nơi mà các vì sao khác đều châu chực).

Sao Bắc Đẩu vốn là ngôi của Thượng Đế khi Ngài ngự cõi phàm trần, cho nên trên quả cầu khôn Thiên Nhân vẽ tại sao Bắc Đẩu. Và cũng vì thế mà hướng Bắc rất quý trọng, bao nhiêu điển quang linh diệu đều do từ hướng ấy phát ra.

Nhà tu sĩ mỗi lần ngủ đều day đầu về hướng Bắc đặng tiếp linh điển.

Bực thường nhơn lay Trời cũng day về hướng Bắc. Bầy tôi trông vua đều day mặt về hướng ấy, gọi là "Bắc diện" vì nhà vua là Thiên Tử.

(3) Tam giáo: Thái Thượng, Thích Ca, Khổng Thánh.

(4) Tam Trấn: Quan Âm, Thái Bạch, Quan Thánh.

(5) Ngũ Chi: Thích Ca (Phật Đạo), Thái Bạch (Tiên Đạo), Giê Giu (Thánh Đạo), Khương Thượng (Thần Đạo), Giáo Tông (Nhơn Đạo).

CÁCH THỜ PHƯỢNG CỦA ĐẠO VÀ Ý NGHĨA SỰ THỜ PHƯỢNG

Nơi mỗi tư gia, bốn đạo thờ Thượng Đế bằng Thánh Tượng "Thiên Nhân" và lập vị Tam Trấn: giữa thờ Thái Bạch Kim Tinh, tả thờ Quan Thánh Đế Quân, hữu thờ Quan Âm Bồ Tát.

Vật dụng thờ phượng gồm có:

1).- Giữa Thiên Bàn chong một ngọn đèn luôn luôn chẳng cho tắt, gọi là "Thái Cực Đăng", để biểu tượng nguồn cội của Trời Đất, cũng gọi là Tâm Đăng. Ngọn đèn này soi sáng khắp Càn khôn Võ trụ, không lay, không chuyển. Vạn loại nhờ đó mà sanh ra, nhờ đó mà an vui. Trời Đất nhờ đó mà quang minh, trường cửu. Người tu hành nhờ đó mà tác Phật tác Tiên, siêu phàm nhập Thánh.

2).- Phía ngoài, đặt 2 đèn cầy hay đèn sáp, hoặc đèn dầu phộng, gọi Lưỡng nghi quang, tượng trưng cái lý Thái Cực sanh Lưỡng nghi (Âm Dương), vì Thái Cực động mà sanh Dương làm Hỏa mà Hỏa là Thần, tức là Đạo sanh Nhứt. Đoạn Thái cực tịnh mà sanh Âm làm Thủy, mà Thủy là Tinh, tức là Nhứt sanh Nhị.

3).- Giữa Lưỡng nghi quang, đặt một lư hương đốt năm cây nhang gọi là ngũ khí, vì Thủy Hỏa (Âm Dương hay Tinh Thần) hiệp lại kết thành căn bản cho ngưng khí.

Luận theo châu thân con người, ngũ khí tức là ngũ hành chi khí, ban ngày mỗi khí đều ở yên có chỗ. Như ban ngày kim khí ở mũi, thổ khí ở ngoài da. Còn ban đêm, kim khí trụ tại phổi, mộc khí trụ nơi gan, thủy khí trụ tại thận, hỏa khí tại tim, thổ khí nơi bao tử.

Vì ngũ tạng hoạt động mà ngũ khí phải hao mòn, suy kém. Nay gặp "Tam Kỳ Phổ Độ", nhờ Đức Chí Tôn chỉ phép hồi quang phản chiếu cho ngũ khí triều tụ nơi khiêu huyền quan mà siêu phàm nhập thánh. Đó là phép "Ngũ khí triều huyền" hay là "Triều Ngươn."

Luận về phép tu tĩnh, năm cây nhang ấy biểu tượng năm giai đoạn tu hành, tùy theo công đức mà nên đạo quả. Năm cây nhang ấy gọi ngũ phần hương là:

1)- Giới hương, nghĩa là giữ trọn giới cấm cho thân mình trong sạch.

2)- Định hương nghĩa là thiền định cho tâm thân an tịnh.

3)- Huệ hương, nghĩa là thiền định rồi thì phát huệ.

4)- Tri kiến hương, nghĩa là phát huệ rồi gia công thêm nữa thì sẽ biết cái mâu nhiệm của Tạo Hóa, tức là đắc lục thông.

5)- Giải thoát hương nghĩa là giải thoát luân hồi quả báo. Cúng phẩm thì có:

a. Một đĩa quả tử đựng 5 sắc trái cây, gọi là Hậu thiên ngũ vị đối với "Tiên thiên ngũ khí", là 5 cây nhang.

b. Bông, rượu, trà biểu tượng Tinh Khí Thần là Tam Bửu, tức là ba món báu trong châu thân cần phải tương hiệp, chẳng nên để chia lìa, tiêu tán mà phải sa đọa.

Nên biết vạn pháp đồng nhưt lý. Người với Trời là Một, nhưng bởi Người trụy lạc mà phải xa Thiên lý.

Người đạo biết sửa mình theo luật Đạo, hồi đầu hướng thiện, thì người ấy bước qua thời kỳ dọn mình.

Dưới đây xin chỉ rõ cách Thần Tiên un đức tinh thần của người đạo. Bắt từ chỗ dục vọng đi đến thất vọng, rồi mới trao cái đạo pháp linh diệu phát

hiện tại Tâm linh.

Trong thời kỳ "Dọn mình", tức là thời kỳ "Phá mê", Thần Tiên:

a)- Phải có Đức Tin.

b)- Mượn cái giả làm cái chơn.

VỀ ĐỨC TIN.- Phàm theo một Tôn giáo nào là chúng ta đã tin ở giáo lý và chỗ cao siêu của Tôn giáo ấy. Chúng ta đã có một đức tin, rồi ngày qua ngày, chúng ta lo tưởng tới đạo và hành động theo lẽ đạo, đức tin ấy càng thêm cứng rắn. Đức tin đã cứng rắn, thì không một việc gì ở thế gian này lay chuyển nó được. Là vì tin chắc ở đạo chúng ta đem cả tài lực hăng hái, cả tinh thần cứng rắn mà làm đạo, thế nào chúng ta lại không đủ nghị lực chống chỏi bất kỳ một biến cố nào? Đức tin, theo phương ngôn Âu Tây, dời cả núi non. Muốn cho người tin có Thần Thánh, Tiên Phật, tất phải có huyền diệu làm ấn chứng cho người tin tưởng mà làm lành, lánh dữ, nên các Ngài dùng nhiều cách phá mê, nhưt là tạo cho người một đức tin cho dễ bề độ rồi.

Với hạng người cần có tôn ti đẳng cấp mà hành sự, các Ngài đem áo mão, sắc tứ ân ban, phong Thánh, phong Hiền, dạy tạo lập đền này cảnh nọ, song các việc hành vi, không ngoài lẽ Đạo.

Với hạng trí thức, thích văn chương, các Ngài giảng cho những bài văn cao siêu lưu loát, ý nghĩa thâm trầm, ẩn vi mâu nhiệm, đặng độ dẫn. Với hạng thích huyền diệu, các Ngài giảng điển lành cho chữa bệnh mà dùng huyền diệu cơ bút để đem họ về cửa Đạo.

Với hạng người mộ Đạo, biết xét nét từng câu văn, phê bình từng lời nói, phán đoán từng hành động trong việc đạo để rõ thấu thiệt hư, thì các Ngài diu dắt một cách riêng, chỉ rõ hai lẽ chánh tà, dạy ăn năn sửa tánh, đem tinh thần họ lên cõi Đạo là cõi toàn thể. Các Ngài cũng cho biết công danh, phú quý là bào ảnh phù vân, dạy đem tình thương đến chỗ Bác ái, lấy võ trụ làm Nước Nhà, lấy Nhơn loại làm chủng tộc, thi hành chủ nghĩa Đại Đồng, phế cả quyền lợi, đến "Tánh mạng" cũng hy sanh.

Tóm lại mà nói, các Đấng Thiêng Liêng đều do tâm lý và trình độ trí thức mỗi người mà độ vào cửa Đạo. Các Ngài biết cách thỏa mãn sở thích và thị hiếu mỗi người, rồi áp dụng phương pháp phàm tục để độ dẫn người phàm tục.

Nhờ cơ bút cảm thông với Thần, Tiên, có ấn chứng, người mới tin có Trời, Thần, Thánh, Tiên, Phật. Biết rằng mọi việc làm, dầu thiện hay ác, dầu trong chỗ tối tăm thế nào cũng có Thiên tri, Địa tri, Quỷ Thần tri, thì không dám làm sai như trước nữa. Tạo được cái "tin tưởng" ấy cho chúng sanh rồi, các Ngài mượn cái "Giả" đem lại chỗ "Chơn".

VỀ GIẢ TƯỢNG.- Trong buổi làn sóng vật chất đương bủa âm âm lôi cuốn con người vào biển đục, các Ngài mượn cái hình thức "Cân Đại Đạo Đức" thay thế cho "Cân Đại Trần Gian", tập luyện người lần bước qua nẻo chánh đại quang minh, bỏ lần thế tình mà quay về cửa Đạo.

Lấy cái "Giả" là chỗ "Âm Thịnh sắc tướng" mà đem người về cửa Đạo, đó là dĩ "Huyễn" độ

"Chơn" vậy.

II. - THỜI KỲ "GIÁO HÓA"

Về cơ Lý là Triết Lý là Lý của "Tinh Thần" và Vật Chất tức là thời kỳ Lý và Sự

Thờ Thiên Nhân có ngôi Tam Bửu

Ở Trên có dạy:

"Tôn chỉ Đạo Cao Đài tỏ rõ,

Mượn hữu hình bày tỏ chỗ Vô,

Thiên bàn làm cái bản đồ,

Coi ngoài mà biết điểm tô trong mình.

Tuy là sự giả hình sắp đặt.

Trái xem sao thì mặt cũng in.

Người tu phải biết giữ gìn,

Chuẩn thẳng qui củ mà tìm Thiên cơ".

Tại sao thờ Thiên Nhân lại có Nhựt Nguyệt Tinh?

Tôn giáo nào cũng có hai phần: hình thức và tinh thần. Hình thức là phần hiển hiện ra ngoài, ai cũng thấy rõ hiểu được; tinh thần là phần linh hoạt bên trong, có nhiều chỗ thâm diệu ẩn vi, người ngoại cuộc dùng lý trí suy cầu, tưởng cũng khó mà thấu đáo.

Võ trụ sở dĩ có, là nhờ một Đấng Chí Tôn sáng tạo. Lấy nghĩa cùng tột, thì gọi Đấng ấy là Thái Cực. Lấy nghĩa bao quát khắp thế gian, thì gọi là Thiên; lấy nghĩa là Chúa vạn loại, thì gọi là Đế. Cho nên Đạo Cao Đài xưng tụng Trời là "Đại La Thiên Đế, Thái Cực Thánh Hoàng."

Song xét vì Trời là Đấng Chí Tôn siêu việt vô

cùng, trí phàm không thể tưởng tượng cái tịnh thể ra sao, nhưng chúng ta tin tưởng có Trời, thì chủ lấy cái động thể (1) của Trời mà căn cứ cho sự tin tưởng. Ấy là Đạo, Đạo tuy vô hình, nhưng tượng ra hữu vật để lập pháp trừ danh, phô bày cái thể mà thiết hành cái dụng. Về hình thức, bức tượng ấy chẳng qua là một biểu hiệu tôn kính, một tượng trưng về tôn giáo (*symbole religieux*), mà thôi.

Nhưng xét về tinh thần, thì lại có nhiều ý nghĩa cao xa, nhờ mặc khải mà biết, hoặc trực giác mới xướng minh ra được.

Trong Thánh Huấn ngày 26 tháng 2 năm 1926, Đức Chí Tôn giảng cơ dạy rằng: "Chưa phải hồi các con biết dạng tại sao vẽ Thánh Tượng" "Con Mắt" mà thờ Thầy, song Thầy nói sơ lược cho hiểu chút đỉnh.

*Nhãn thị chủ Tâm,
Lưỡng quang chủ Tế,
Quang thị Thần,
Thần thị Thiên,
Thiên giả ngã giả. (2)*

"Thần là khiếm khuyết của cơ màu nhiệm siêu phàm nhập Thánh từ ngày Đạo bị bế. Lập "Tam Kỳ Phổ Độ", Thầy cho Thần hiệp với Tinh Khí dạng đủ Tam Bửu.

Phẩm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật, từ ngày bế Đạo, thì luật lệ hồi còn nguyên, luyện pháp chẳng đổi, song Thiên đình mỗi phen đánh tẩn Thần, không cho hiệp cùng Tinh Khí. (3)

Thầy đến dạng hườn nguyên Chơn thân cho các con đắc đạo. Các con hiểu thần cư tại Nhãn, bố trí

cho chư đạo hữu các con hiểu với. Nguồn cội Tiên, Phật, yếu nhiệm là tại đó. Thầy khuyên các con mỗi phen nói Đạo, hằng nhớ đến danh Thầy".

Vả chẳng, con mắt là chủ thị quan, tức là biểu hiệu sư quan sát cái tâm thức của mình cho thiết tinh vi, đặng lo đoạn tuyệt tam nghiệp, lục căn mà trở về nguyên bản.

Lại nữa, hồi Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn giảng sinh lập Đạo lại mang lấy xác phàm, nên phải thờ Ngài bằng cốt tượng. Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn chỉ dùng huyền cơ diệu bút mà dựng nền chánh giáo; ấy là một cuộc bán hữu hình, nên thờ Đức Chí Tôn bằng Thiên Nhãn, cũng là cách thờ phượng bán hữu hình đó vậy.

Phàm sự hành động, nhứt thiết cần phải có cái chi làm giám đốc mới có phương nghiệm sát mà sửa mình. Như con cái đặng hiếu thuận, là nhờ cha mẹ giám đốc cho con. Còn chúng ta thờ Trời, và cố giữ luật Trời, tức là tin nhận có Trời làm giám đốc sự hành động của chúng ta. Thiên Nhãn vốn là biểu hiệu cho sự giám đốc đó vậy. Lại qua ngày 20 tháng 9 Bính Dần (năm 1926). Ôn Trên có dạy thêm ở trong "Đại Thừa Chơn Giáo" vẽ cái Lý sự thờ phượng như sau:

Đầy Thầy giải sơ về cách thức thờ phượng của Cao Đài Đại Đạo.

Tại sao Thầy dạy các con tạo ra Thiên Nhãn mà thờ; không dạy thờ hình tượng như các Tôn giáo khác? Các con phải biết rằng:

Trời là lý, thì Lý ấy rất thông minh bao quát Càn Khôn Thế Giới. Thầy đâu phải có xác phàm như các con, tạo hình thể như các con, nên chi thờ Thiên Nhãn là thờ

Thầy.

Tại sao "Thiên Nhân" là Thầy? Thầy có dạy trước: "Nhân thị chủ Tâm, Lương quang chủ Tể. Quang thị Thân, Thần thị Thiên, Thiên giả ngã giả". Nhân là chủ Trái Tim của con người. Trái tim ấy là Tạo Hóa tức là Thần, mà Thân là cái lý hư vô. Lý hư vô ấy là Trời vậy.

Người tu hành chừng nào luyện Tinh hóa Khí, luyện Khí hóa Thần, luyện Thần hườn Hư, luyện Hư hườn Vô, thì huyền quan nhứt khiếu ấy mở hoát ra.

Huyền quan nhứt khiếu ấy là chi? Là Thiên Nhân vậy. Nó ở ngay nê hườn cung, gom trọn chơn dương chánh đạo. Hai con mắt của các con là Nhục Nhân, tức là Âm với Dương, thì cũng như Thái Cực là Thiên Nhân, còn lưỡng quang là Nhật Nguyệt hằng soi khắp Càn Khôn cứ tuần hườn mãi hết ngày đến đêm, hết đêm kế ngày, không bao giờ dứt sự hành tàng của Tạo Hóa".

THI:

"Luyện thuốc kim đơn rõ Đạo mâu,

Thành Tiên tác Phật tại song Mâu.

Âm Dương tàng ẩn cơ tại Mực,

Thần khí thông linh tại Thượng Đầu".

Đại ý về bài thứ nhứt: Thần khiếm khuyết, nên Ở trên dạy khi cúng phải nhìn ngay Thiên Nhân, để luyện Thần vì bấy lâu mình để Thần tản mát, nên rất hại cho sự sống thiêng liêng.

Bài thứ nhì dạy người với Trời có Một. Trời có ba báu là: Nhật, Nguyệt, Tinh, Đất có ba báu là: Thủy, Hỏa, Phong. Người có ba báu là: Tinh, Khí, Thần.

Trời nhờ ba báu ấy mà dưỡng dục muôn loài hóa sanh vạn vật luân chuyển Càn Khôn, chia ra ngày

đêm, sáng tối.

Đất nhờ ba báu đó mà phong vũ điều hòa, cỏ cây tươi thuận, phân ra thời tiết: Xuân, Hạ, Thu, Đông.

Người nhờ ba báu đó mà tạo Tiên, tác Phật.

Khi Tâm người đi đến chỗ Hư không rồi thì "Huyền quan nhứt khiếu" được mở hoát ra, tức là Thiên Nhân đó; ấy là Ngõ Thái Cực. Chừng ấy, sự hiểu biết không lo nghĩ mà biết, không học tập mà hay. Cái biết đó vốn có sẵn từ mấy kiếp trước, nay nhờ tu tĩnh mà được xuất hiện ở kiếp này, nhà tôn giáo gọi là: "Pháp huệ".

Còn hai cái nhục nhân vốn là "Âm Dương", không khác nào Mặt Trời với Mặt Trăng.

Người Đạo đi đến Tinh thần ấy là bước đến thời kỳ "Khắc Kỷ" ấy là thời kỳ khử trừ lưu thanh. Thế nào là khử trừ lưu thanh? Tức là đem các thứ ô trược ở trong bốn thân mình tự bấy lâu ra hết, từ xác thịt đến tư tưởng, từ nghiệp duyên đến quả duyên, rồi đắp nền lại trên nền tảng "Đạo Đức".

Thời Kỳ này phải:

- a).- Nhon đạo cho tròn,
- b).- Trả quả.
- c).- Lập công bồi đức.

Làm trọn nhơn đạo, tức là nhơn phẩm được hoàn toàn. Khi hành nhơn đạo, phải lo trả quả và lập công bồi đức. Trả quả là nhận chịu nợ tiền khiên đã kết tập nhiều kiếp. Vì cái lẽ phải trả, nên gặp nhiều đau đớn xảy ra cho Tinh Thần hay Thân Thể, nhưng đành cam chịu, không than Trời trách Đất, không oán người, quyết chí trả xong không vay thêm nữa.

Lập công bồi đức là dùng Đạo Đức khuyến chúng sanh cải tà qui chánh, cứu khổ phò nguy, tế nhơn, lợi vật. Muốn được vậy phải có ba Đại Đức là: Trí, Nhơn, Dũng. Trí là sự khôn ngoan, biết phân biệt điều phải lẽ quấy. Nhơn là người từ thiện bác ái, biết thương người mến vật; Dũng là hăng hái không rụt rè, thối trí trong việc phải mà mình định làm, mặc dầu gặp nhiều nỗi khó khăn, trở ngại. Trí, Nhơn, Dũng là ba đức lớn trong thiên hạ, nhưng muốn thực hành, cần phải có lòng "Thành Tín".

Thời kỳ Qui nguyên là trở về Nguồn gốc, tức là về với Thượng Đế.

Ghi chú:

(1) Có người bảo vạn vật sanh ra bởi ngẫu nhiên; đó là một điều lầm to. Ta thử nghĩ mỗi khi thấy một cái nhà, một cái xe, một chiếc thuyền, ta chẳng dám nói rằng những vật ấy sinh ra bởi ngẫu nhiên, mà ta biết có những tay thợ làm ra mấy vật ấy. Ta thấy có một con chim bị đạn rơi xuống đất; tuy không thấy ai bắn nó, song ta đã biết chắc có người bắn vì ta căn cứ ở kết quả mà nhận có nguyên nhơn.

- Những hiện tượng quanh mình ta, từ loài thảo mộc đến côn trùng và phi cầm tẩu thú cho đến nhơn loại, sao ta dám cho ngẫu nhiên mà ra? Nếu là ngẫu nhiên thì muôn vật ấy tất là hỗn độn, không vật nào phân biệt với vật nào được. Sự thiết là loại nào có hình thể theo loài ấy, giống nào theo giống ấy, mỗi vật mỗi hình điều hòa khéo léo lạ lùng, khiến người có tư tưởng phải tự nghĩ rằng vạn vật sở dĩ xuất hiện như thế là do nơi cái điều hòa chí lý, nó tàng ẩn trong cảnh vô hình mà ta không thấy. Cái điều hòa ấy lại phát hiện trong bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, cứ liên tiếp

mà vận hành trong trật tự, còn vạn vật thì cũng ứng theo thời tiết mà sanh sanh hóa hóa. Vạn vật có sự sống rõ ràng, không ai chối cãi được.

Lại sự sống ấy còn hàm dưỡng một giác tánh biểu lộ từ cây cỏ thú cầm cho đến loài người thì chuyển thành cái trí khôn linh diệu lạ lùng. Cái lý điều hòa tạo hình muôn vật, cái sanh khí cái cảm giác ấy, cái động lực linh hoạt ở trong muôn vật, tất phải do một nguồn cội nào. Cái nguồn cội ấy khi còn bất động (tĩnh thể) gọi là Đạo; mà khi đã động (động thể) mà chuyển hóa thì gọi là Đấng Tạo Hóa, là Thượng Đế, là Trời vậy.

(2) Con mắt là chủ cái Tâm.

Là chúa tể của 2 ánh sáng (nhãn quang),

Ánh sáng là Thần,

Thần là Trời,

Trời ấy là Ta vậy.

(3) Trước khi "Tam kỳ Phổ Độ" xuất hiện, thì Đạo bị bế, cho nên tu nhiều mà thành ít. Từ 2000 năm bên Á Đông này chỉ có một vị tu đắc đạo tại Linh Sơn (Tây Ninh) là Đức Huệ Mạng Kim Tiên.

III. - THỜI KỲ QUI NGUYÊN

Về cơ Huyền lý là Lý của Tinh. Tinh Thần, tức là "Đạo nguyên nhứt bản".

Ngôi "Ngươn Thần" sáng tỏ, chói rọi từ hang cùng đến ngõ tối.

Thần ấy là chi? Ấy là một vật thiên nhiên thâm diệu có sẵn trong mình mỗi vật. Thật là màu nhiệm vô cùng không thể đo lường, rất kín đáo, rất thanh tịnh, rất sâu xa, rất cẩn mật, rất quan trọng, rất

nhỏ, mà lại luân chuyển hoạt động, thoát ẩn, thoát hiện, biến hóa vô cùng, không một vật nào, chỗ nào mà không có. Nhỏ hết sức nhỏ như một vi trùng, Thần cũng có thể ngự được. Lớn hết sức lớn là Võ Trụ Kiền khôn, Thần cũng thông suốt qua thông thả.

1)- Ở sự vật. - Thần ấy làm cho hoa tươi đua nở, tám tiết cây trái đơm đà, chim bay biết kiếm vật nuôi thân, biết tránh gió, tránh bão, biết chọn cây mà đậu, biết thời tiết, biết phương hướng, biết vây đoàn hiệp bạn, biết thương đồng loại, biết dìu dắt nhau sớm tối.

2)- Về luân lý. - Thần làm cho cha từ, con hiếu, vợ thuận, chồng hòa, anh kính em cung, bạn bạn thành thật.

3)- Về tâm lý. - Thần làm cho người biết rõ bốn tánh của mình đặt tâm phương chế ngự thất tình lục dục, dứt vòng cương tỏa cho kiếp số con người.

4)- Về triết lý. - Thần làm cho người được trọn lành, nghĩa là được trọn phận sự đối với nhơn loại ở thế gian này. Biết tầm một quảng đời đạo đức, vui vẻ, thơ thới nhờ cái lạc tại kỳ trung, là cái vui tự trong, cái vui đạo thuật, cái vui kiếp sống cao thượng, vui với lẽ chết sống, vui nơi sống khổ sâu.

5)- Về huyền lý. - Thần làm cho người biết Trời với Ta là Một. Người đi đến tinh thần này là người minh triết, biết dùng Chơn Tâm mà phán đoán, chớ không dùng lý trí mà suy nghiệm. Vì Chơn Tâm là lòng Thật, là Chân lý không còn bị ngoại cảnh và tư dục chế ngự, nên không còn chấp trước, hết nhuốm bụi trần. Tinh thần ấy đã đến Huyền lý rồi vậy.

Biết cái dĩ vãng là kết quả của cái hiện tại ưu sầu thống khổ, thì phải lấy cái hiện tại mà tạo buổi tương lai cho rực rỡ vẻ vang, rồi lấy cái tương lai mà làm cơ sở vững vàng cho muôn kiếp, tức là đi đến chỗ trường sanh bất tử vĩnh kiếp trường tồn, đồng ngôi Thánh, Tiên, Phật.

Làm sao thấy được Thần của Trời Đất?

Những cơn lặng lẽ êm đềm, Trời không có một chút gió lay, Đất không một tiếng trùng động, nước không một lượn sóng xao, tư bề phẳng lặng như tờ, ấy là lúc Thần của Trời Đất điều hòa cả vũ trụ vạn vật và gây ra được sanh khí đó.

Thần của Trời Đất phải như vậy mà Trời Đất phải dưỡng ấy, mới có được Thần, thì người cũng phải theo thể cách ấy mà tự gây ra Thần cho mình. Thần đó mới thật là chơn cảnh, nên gọi là Ngươn Thần. Chỉ có Thần ấy mới thấu đáo cả huyền vi màu nhiệm.

Tóm lại: Tu hành cốt yếu là ngưng thần nhập định để hợp làm Một với Ngươn Thần mà thành Đạo. Song, ta phải tự tu dưỡng, để tự giải thoát lấy, không thể ỷ lại nơi Thần Quyền. Dầu cho Thần Tiên có muốn giúp ta đi nữa, các Ngài cũng không thể vì ta mà trái Thiên cơ. Chính Thần Tiên cũng còn phải lâm phạm hóa thân để tấn hóa thêm cho đến chỗ hoàn toàn.

Nay ta đã hân hạnh được làm người, sao chẳng do theo chơn lý để tìm con đường giải thoát, lại mong ỷ lại Thần Quyền?

KẾT LUẬN: Muốn học Đạo, phải tầm Chơn

lý, ngoài Chơn lý, không còn đường cứu rỗi nào khác.

Người đạo đã đạt tới tinh thần này rồi, là người đã đến thời kỳ trọn lành vậy.

Thế nào là thời kỳ trọn lành?

Tức là thời kỳ "xét cuộc dinh hư tiêu trưởng của trần thế và cái lý thiên nhiên của Hóa Công" tức là thời kỳ Triết lý và Huyền lý đi đến chỗ không phân Nhơn Ngã. Tinh thần tấn hóa đến chỗ Đại Đồng, hiểu đạo lý rõ ràng, sự lâm lạc đều dứt đạt chỗ cao thượng của Đạo, biết các Tôn giáo lý đồng, Chơn truyền có một. Một lòng thanh tịnh, chí quyết đi đến chỗ Chí Thiện. Người trọn lành là người đã đi đến Triết lý, tức là người thông suốt nguồn gốc vạn vật, người minh triết là người biết phán đoán, khéo lấy cái giả mà làm nên cái thật. Người minh triết là người thông cả thời thế và đạo, có kinh nghiệm lại biết dụng tâm, dụng trí mà phân biệt điều phải lẽ quấy, không còn một mảy may gì sai lầm. Người ấy thoát ở trên đời, thoát ở trong Đạo, tùy theo thời thế giúp Đời. Nhưng dầu ở vào cảnh nào, người minh triết cũng không sao quên Đạo đặng. Vì Đạo là lẽ sống chung, gồm bao cả cái lý tự nhiên, vô biên vô cực.

Người minh triết là người đã đạt được Tâm hư không. Tâm hư không là dứt bỏ được phàm phu tục tánh, nguồn ân bể ái, diệt hết thất tình lục dục, được tánh Phật lòng Tiên, cư trần bất nhiễm trần, lòng trung như vàng như ngọc, dốc chí dẫn thân vào sông mê bể khổ cứu vớt người ra khỏi mê tân, chẳng quản gian truân, coi sự sanh tử nhẹ như mảy lông, miễn giải thoát chúng sanh khỏi vòng hắc ám, dầu phải muôn cay ngàn đắng cũng không thối chí

ngã lòng. Người minh triết tức bậc siêu nhơn đó vậy.

THỜ TỔ TIÊN

Ở vào chỗ thị thành đô hội, hoặc vì nhà phố chật hẹp, hoặc vì dân chúng nhiễm Âu hóa, sự thờ kính tổ tiên thấy giảm dần dần. Nhưng ở thôn quê, sần dã, ngoại trừ những người theo Thiên Chúa giáo, còn thì nhà nào như nhà nấy, đều thờ kính ông bà cha mẹ đã mãn phần.

Thờ kính tổ tiên vốn không phải là một tục dị đoan (1) mà là cách tỏ ra là mình nhớ chỗ cây cội nước nguồn, nhớ đến ơn sâu nghĩa nặng, tức là kỷ niệm một cách chí thành chí kính, cái công sanh thành dưỡng dục của ông bà cha mẹ.

Đạo Nho coi cha mẹ như quyền giám đốc cho người đời, hễ cha mẹ làm gì, con cái phải làm theo nấy. Cũng vì sợ cha mẹ khuất rồi lâu ngày con cái không còn nhớ đến mà quên mất cái quyền giám đốc ấy và quên luôn cả công ơn sanh dưỡng, cho nên phải lập ra sự thờ kính là cốt để cho con ghi nhớ cha mẹ luôn.

Sự thờ kính cũng là một phương giúp cho nèn luân lý được vững bền, nhứt là ngày tế lễ, ngày kỵ Lạp, là cơ hội tốt cho anh em và bà con cật ruột, đoàn tụ nhau cùng chung một cảm giác, ai nấy đều bi ai xúc động đến tấm lòng tưởng nguồn nhớ cội mà nhắc đến tiền nhơn đã dựng nên gia tộc.

Nhưng chỉ nên chú trọng lễ ý mà thôi, chẳng nên vẽ viên nhiều nghi tiết, bày ra nhiều cúng phẩm không bỏ ích còn nhọc công tốn của.

Trong sự thờ phượng, cần nhứt là chí thành chí kính. Đức Khổng Tử bảo: "Tế như tại, tế thần như Thần tại" (Tế tổ tiên, phải kính như có tổ tiên ở đó, tế Thần phải kính như có Thần ở đó).

Theo "Tam Kỳ Phổ Độ", cúng tế phải dùng toàn đồ chay, và không đốt đồ mã cùng giấy tiền vàng bạc.

Tóm lại, sự thờ kính tổ tiên, người Việt Nam, dầu trình độ tấn hóa đến đâu, tưởng cũng nên duy trì mà chẳng nên xóa bỏ; xóa bỏ chẳng là những nghi tiết dị đoan, những nghi thức phiền phức mà thôi vậy.

Ghi chú:

(1) Dân tộc nào cũng có cái tục thờ kính ấy, nhưng vì phong tục mỗi nước khác nhau, nên sự thờ kính cũng khác nhau về nghi thức.

Ý NGHĨA SỰ LẠY

Theo quan niệm của nhiều trí thức hiện kim, sự lạy là một biểu tượng đê hèn của tánh tùng phục, nó làm mất hoặc giảm nhơn phẩm. Điều đó không ai chối cãi, nếu là lạy những người không phải thân nhơn trưởng thượng mình. Đến như lạy vong linh của các ân nhân tiền vãng cùng chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, nhứt là lạy Đấng Tạo Hóa Chí Tôn, sự lạy ấy từ xưa đến nay, ở các chùa chiền đình miếu, ở nơi tôn miếu và đền thờ tư gia, đâu cũng công nhận là biểu tượng tôn kính các Đấng mình thờ.

Lạy là tỏ ra bề ngoài lễ kính trong lòng.

Chấp hai tay lạy là tại sao?

Hữu vi Nguyệt, tả vi Nhựt, vị chi Âm Dương, Âm Dương hiệp nhứt, phát khởi Càn Khôn, sanh sanh hóa hóa.

Trong năm ngón tay, ngón áp út gọi ngón "Vô danh", biểu hiệu cảnh tượng Trời Đất lúc chưa khai "Vô danh Thiên Địa chi thì".

Kịp đến hội Tý mới lập cõi Trời (Thiên sanh ư Tý), tính theo Thập nhị địa chi, thì cung Tý ở tại góc ngón "Vô danh."

Ngón cái gọi "Mẫu chỉ". Sau khi tạo Thiên lập Địa, vạn vật mới hóa sanh, có hình chất hữu danh đồng thọ nơi Mẫu (Hữu danh vạn vật chi Mẫu).

Theo cách lạy của "Tam Kỳ Phổ Độ" trước khi chấp tay, phải dùng ngón cái tay trái "Mẫu chỉ" ấn vào cung Tý tại góc ngón Áp út "Vô danh" của tay trái, gọi bắt ấn Tý (1), là ấn của Đức Chí Tôn.

Đức Chí Tôn dùng phép Âm Dương giao cảm mà tạo Thiên lập Địa.

Con người là Tiểu Thiên Địa cũng nhờ Âm Dương giao cảm mà phát sanh. Cho nên lạy kẻ sống hai lạy, vì con người là nguồn cội của nhơn sanh lưỡng hiệp Âm Dương mà ra.

Lạy vong phạm bốn lạy, là vì: hai lạy về phần người, một lạy Thiên, một lạy Địa.

Lạy Thần, lạy Thánh ba lạy, là lạy các Đấng đứng vào hàng thứ ba của Trời, và cũng chỉ rằng lạy cơ mầu nhiệm Tinh, Khí, Thần, hiệp nhứt.

Lạy Tiên, Phật chín lạy, là lạy các Đấng "Cửu Thiên Khai Hóa". (2)

Lạy Thượng Đế mười hai lạy, là vì Thượng Đế là Thập Nhị Khai Thiên (3) nắm trọn "Thập Nhị

Thời Thần" trong tay.

Số mười hai là số riêng của Thượng Đế.

Ghi chú:

(1) *Bắt ấn, người ta tréo mấy ngón tay lại, hoặc co ngón này vô đưa ngón nọ ra theo một cách thức riêng. Nguyên trong mấy ngón tay, có ngón xuất điện quang như ngón trỏ và ngón út, có ngón tiếp điện quang ở ngoài như ngón giữa và ngón áp út. Phàm muốn khởi tiếp tà điện, khi bắt ấn, người ta co ngón giữa và ngón áp út lại, hoặc tréo nhau theo cách thức riêng, đồng thời lại đưa thẳng ngón trỏ và ngón út dựng xuất điện mà chống cự, hoặc xua đuổi tà điện.*

Còn ngón cái là nguồn chứa sanh lực, phải co lại dựng tránh tà điện làm tổn thương sanh lực.

Bắt ấn Tý, thì dùng ngón cái tay trái ấn vào ngón áp út (cũng tay trái) chỗ cung Tý, rồi nắm trọn tay lại. Vì Đức Thượng Đế là Đại Từ Bi, cho nên ấn của Ngài chỉ dùng cho chúng ta hộ thân, chớ không cần xuất điện, nên ngón trỏ và ngón út không đưa thẳng ra như bắt ấn khác.

(2) và (3) Xem lại "Cuộc sáng tạo", trong phần "Giáo điều".

(3) Chúng ta niệm danh hiệu Đức Chí Tôn với 12 tiếng: "Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát".

LỄ NHẠC

Có người tưởng cúng Đại đàn phải cho thanh tịnh chẳng nên dùng lễ nhạc ồn ào làm mất sự thanh tịnh và tạo ra thính âm sắc tướng.

Tưởng vậy là chẳng chịu phân biệt chỗ công truyền và tâm truyền của Đạo, và chưa nhận thức cái công hiệu của lễ nhạc.

Sách "Lễ Ký" có câu: "Nhạc già, Thiên Địa chi hòa già. Lễ già, Thiên Địa chi tự già". (Nhạc là luật điều hòa của Trời Đất, Lễ là phép trật tự của Trời Đất).

Điều hòa và trật tự vốn là luật thiên nhiên huyền diệu trong Võ Trụ.

Như mặt Nhật, mặt Nguyệt tuần hườn hết ngày đến đêm, hết đêm đến ngày, trái đất cứ xoay quanh mặt Nhật, các vì tinh tú cùng hành tinh luôn luôn vận chuyển. Thế mà, Nhật, Nguyệt, địa cầu, tinh tú, hành tinh chẳng hề đụng chạm nhau, là vì tuân theo trật tự của Tạo Hóa. (1)

Như tiếng trống, tiếng chuông, tiếng kèn uyển, đồn sáo đồng thời khởi lên, đáng lẽ thì ồn ào hỗn loạn lắm, thế mà tiếng nhỏ tiếng to, giọng trầm giọng bổng, đều dung hòa nhau, biến thành một âm điệu thanh cao êm ái. Cho nên cổ nhơn nói: "Tinh thần của nhạc là hòa" thật chí lý vậy.

Ở vào chỗ mờ mả, không buộc ai thương, nhưng người ta tự nhiên có lòng thương xót.

Nơi tôn miếu, không buộc ai tôn kính, nhưng người ta tự lòng tôn kính.

Thế là, mờ mả có cái không khí bi ai, tôn miếu có cái không khí tôn nghiêm.

Không khí có sức tạo nên tình cảm. Thánh nhơn ngày xưa vì biết tâm tánh con người có thể nhờ tình cảm dắt đến chỗ hay, cho nên chế ra lễ nhạc, cốt yếu là đem cái lý ở trong phát biểu ra ngoài, nghĩa là

đem lễ hòa kính trong tâm hồn tạo ra văn vẻ bề ngoài, gây thành một tình cảm thanh cao để hạn chế lòng người trong khuôn hòa kính.

Lễ có mục đích là:

a)- Hàm dưỡng tánh tình, thí dụ như cuộc tế lễ nghiêm trang tạo ra tình cảm tốt, quan hệ đến đạo đức, đến sự thành kính rất hậu của con người.

b)- Giữ gìn những tình cảm cho thích hợp đạo trung, thí dụ nếu tình cảm gây ra có khi thái quá đến chênh lệch, thì nhờ lễ mà tránh được chênh lệch ấy.

c)- Định cái lễ phải, cái tình thân sơ và trật tự cho phân minh, thí dụ như định ngôi thứ và cách ăn mặc cho có trật tự trong xã hội.

d)- Tiết chế, kèm thúc tình dục của người không cho phóng túng ra mà hỗn loạn.

Tóm lại, lễ dạy người biết độ, biết kính Trời Đất, Thánh, Thần cho có bực thứ, biết giữ trật tự trong xã hội, và biết cách đối đãi cùng người cho hiệp đạo Trung.

Nhạc có mục đích là:

a)- Tả đặng tánh tình u ẩn của con người, vì hể lòng phiền muộn thì tiếng nhạc ai oán bi thương, còn lòng thơ thới vui vẻ, thì tiếng nhạc ôn hòa lạc thú.

b)- Tả đặng tinh thần một nước, vì một dân tộc suy đồi trì trệ, thì tiếng nhạc nghe dâm đảng hỗn loạn, hoặc buồn rầu bạc nhược; còn dân tộc hùng cường, thì tiếng nhạc theo đó mà hùng hồn dũng mãnh.

c)- Cảm hóa lòng người theo điều thiện, là vì trong một cuộc tế lễ nghiêm trang có nhạc dự vào

một cách trung chánh, thì khiến con người có cái cảm khái vô cùng về điều lành, điều phải.

Tóm lại, nhạc có công hiệu gây được thiện cảm giữa muôn người và làm cho đầu đầy được điều hòa an lạc.

Nhưng nếu lễ mà không kính, nhạc mà không hòa thì đầu bề ngoài có giữ đủ lễ lối như sắc phục rực rỡ chuông trống du dương, thì cũng không ích lợi gì cho sự tấn hóa của người về đạo đức. Như vậy thì lễ có ra gì, mà nhạc lại ích chi?

Lễ nhạc còn hàm súc một ý nghĩa rộng ra đến các hành động xã giao.

Về việc giao tiếp, khi chủ khách gặp nhau, chủ chào khách có vẻ cung kính, tức là có lễ; khách vui lòng đáp lại có vẻ hòa, tức là có nhạc vậy.

Trái lại, chủ chào khách, có vẻ khinh khi, tức là không kính, không lễ; khách tỏ ý bất bình, tức là không hòa, không nhạc vậy.

Trẻ em khờ dại đối với người trên thất kính, người trên có ý không vui, tức là không hòa. Không kính, không hòa là không lễ nhạc đó.

Một diễn giả không kính cẩn, không khiêm tốn, chỉ đem tài hùng biện xuyên tạc cá nhân, nên chẳng gây được thiện cảm với thính giả, tức là thất kính. Thính giả bất bình chẳng hoan nghinh, không hưởng ứng, tức là thất hòa. Hai đàng đối nhau đều thất lễ nhạc.

Chức sắc Hội Thánh là trật tự trong Đạo, tức là lễ.

Chư tín đồ đạo hữu vui tuân mạng lệnh Hội

Thánh mà hành đạo cho trên dưới điều hòa, tức là nhạc vậy.

Tóm lại, lễ là trật tự, nhạc là điều hòa. Có trật tự, có điều hòa mới có cơ tương đắc, bằng không thì dưới trên lộn xộn, không tôn ti mà sanh hỗn loạn.

Ghi chú:

(1) *Vật lý học gọi Vô trụ dẫn luật* (Loi de l'attraction universelle).

CHƯƠNG THỨ TƯ

GIỚI LUẬT

GIỚI LUẬT

Phàm muốn bảo tồn trật tự và điều hòa trong việc hành đạo, cần phải có giới luật là phép ấn định những qui tắc người tu hành phải giữ.

Tam Giáo ngày xưa có Cựu luật.

Đại Đạo ngày nay có Tân luật.

Lòng từ bi của Đức Chí Tôn không nỡ hành phạt ai. Như Thiên Điều buổi trước, tự Thần, Thánh, Tiên, Phật, hội lập để định luật thưởng phạt cho nhau, hầu để giữ gìn lẫn nhau chớ Đức Chí Tôn chẳng dự vào. Nhưng khi lập luật rồi dưng lên, thì Đức Chí Tôn phê chuẩn chớ không sửa đổi.

Thì cũng như Tân luật buổi nọ, Lý Giáo Tông hội Chư Thánh lập thành, Đức Chí Tôn vốn không dự đến. Nhưng khi dưng lên Đức Chí Tôn phê chuẩn thì nó đã thành Thiên luật.

Ấy vậy Tân luật là Thiên điều tại thế, quý báu vô cùng, người hành đạo phải tuân theo từng điều lệ mới mong đắc quả.

Buổi trước, Cựu luật buộc nhơn loại phải tự nâng cao phẩm hạnh mình cho tương đương với phẩm hạnh Thần, Thánh, Tiên, Phật mà lập vị thiêng liêng cho mình. Còn nay thì các Đấng ấy lại hạ mình đến cùng nhơn sanh đặng dìu dẫn Nhơn hồn lên phẩm vị thiêng liêng. Buổi buộc thì khó, buổi mở thì dễ là lẽ đương nhiên. (1)

Phương chi, nhơn trí ngày nay đã qua khỏi Ngươn "Tấn hóa", tức là đã tiến lên trình độ khá cao, Cựu luật không đủ kèm chế đức tin. Lại thêm Ngọc Hư Cung bác luật, Lôi Âm Tự phá cổ, nên tu nhiều mà thành ít. (2)

Cựu luật và Cổ pháp ngày nay không còn ứng dụng. Những bực tu hành mà còn tưởng phải tòng Cựu luật và Cổ pháp, thì trái với điều luật của Đại Đạo "Tam Kỳ Phổ Độ" vậy.

Tân luật buộc phải phù hợp với dân trí, lẽ tất nhiên một ngày kia, nó còn phải sửa đổi cho ăn nhịp với trình độ tấn hóa chúng sanh sau này.

Tân luật vốn qui định phương pháp hành động và điều khoản hình phạt mà Chức sắc và Tín đồ phải chịu tại thế. Phạm phạm nhơn đã bị phạm tội theo Tân luật thì khỏi Thiên trị theo Thiên điều, là vì một hình phạt không thể chịu hai lần. Cho nên chư đạo hữu, chẳng luận ở hạng nào, nếu rủi ro có làm lỗi, nên vui lòng chịu phạt theo Tân luật, thì khỏi bị hình phạt thiêng liêng về sau. Đó là một đặc ân của Đại Từ Phụ ban cho, đặng giữ gìn phẩm vị thiêng liêng cho chúng ta là con cái của Người.

Ghi chú:

(1) Đây là một đặc ân lớn lao của Đức Chí Tôn ban cho chúng sanh trong buổi "Tam Kỳ Phổ Độ".

(2) Xem Thánh huấn ngày 14 tháng 7 năm Bính Dần (Thánh Ngôn hiệp tuyển).

NGŨ GIỚI

Về việc chủ giới trì trai là giới luật mà người tu hành phải giữ, Đức Chí Tôn có giảng cho những bài dưới đây với một giáo lý cao siêu và mới mẻ.

I.- Giới sát sanh

"Thầy đã nói với các con rằng khi chưa có chi trong Càn Khôn, Thế Giới, thì khí Hư Vô sanh có một mình Thầy. Rồi Thầy lập ngôi Thái Cực. Thái Cực phân Lương Nghi, Lương Nghi phân Tứ Tượng, Tứ Tượng biến Bát Quái, Bát Quái biến hóa vô cùng mới lập ra Càn Khôn, Thế Giới.

Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn vật là: vật chất, thảo mộc, côn trùng, thú cầm, nhơn loại, gọi là chúng sanh.

Các con đủ hiểu rằng chi chi hữu sanh cũng do Chơn linh Thầy mà ra. Hễ có sống, ắt có Thầy, Thầy là Cha của sự sống. Vì vậy mà lòng bác ái của Thầy vốn không cùng tận.

Cái sống của chúng sanh, Thầy phân phát khắp Càn Khôn Thế Giới. Chẳng khác nào nhành hoa trong cội, nó phải đủ thì giờ Thầy nhứt định mới nở bông mà sanh trái, đặng trồng nữa, biến hóa ra thêm.

Nếu ai bẻ hoa ấy nữa chừng, là sát một kiếp sanh không cho biến hóa.

Mỗi mạng sống đều hữu căn hữu kiếp, dầu nguyên sanh hay hóa sanh cũng vậy, đến thế gian này lâu hay mau đều định trước. Nếu ai giết mạng là chịu quả báo không sai. Biết đâu cái kiếp ấy chẳng phải là Tiên, Phật bị đọa luân hồi mà ra đến đời?

Cái mạng sống là Thầy, mà giết Thầy thì không phải dễ. Các con gắng dạy nhơn sanh điều ấy."

II.- Giới tà dâm

"Vì sao tà dâm là tội trọng?"

Xác thân con người, tuy mắt phàm coi như một, kỳ trung vốn chất chứa vàn vàn muôn muôn sanh vật. Những sanh vật ấy cấu kết với nhau mà thành khối (*formation des cellules*). Vật chất ấy có tánh linh, vì vật nuôi nấng nó như rau cỏ, cây trái, lúa gạo, mọi lương vật đều cũng có chất sanh. Nếu nó không có chất sanh, thì thế nào tươi tắn và chứa sự sống? Như khô rũ, thì là nó chết, mà các con nào ăn vật khô héo bao giờ. Còn như dùng lửa mà nấu, thì là phương pháp tẩy trược đó thôi, chớ sanh vật chưa hề phải chết.

Các vật thực vào tỳ vị lại biến ra khí, khí mới biến ra huyết. Nó có thể hườn ra nhơn hình mới có sanh sanh, tử tử của kiếp nhơn loại.

Vì vậy, một giọt máu là một khối chơn linh, như các con dâm quá độ, thì là sát mạng chơn linh ấy. Khi các con thoát xác, nó đến tại Nghiệt đài mà kiện các con. Các con chẳng hề chối tội đặng.

Vậy phải giữ gìn giới cấm ấy cho lắm".

III.- Giới tửu

"Vì sao phải giới tửu?"

Thầy đã dạy rằng thân thể con người là một khối Chơn linh cấu kết lại. Những Chơn linh ấy vốn hằng sống. Phải hiểu rằng ngũ tạng lục phủ cũng là khối sanh vật mà thành ra, nhưng phận sự của chúng nó làm, thoảng như hiểu biết hay không hiểu biết, đều do nơi linh Thầy phán dạy.

Vậy, Thầy lấy hình chất xác phàm các con mà giảng dạy. Trước, Thầy nói vì cớ nào rượu làm hại cho người về phần xác.

Hình chất con người vốn là thú, phải ăn uống mới nuôi sự sống. Như rượu vào tỳ vị, nó chạy vào khắp cả ngũ tạng lục phủ hết, thì trái tim con người chẳng khác như cái máy để trữ sự sống, cũng phải bị nó thâm nhập vào, làm cho sự lao động quá chừng đổi thiên nhiên đã định, thôi thúc huyết mạch vận động một cách mau lẹ, làm cho sanh khí nơi phổi chẳng đủ ngày giờ nhuận huyết cho tinh sạch.

Trược huyết ấy thối lại cùng trong thân thể, để vật ô trược vào trong sanh vật. Mỗi khối ấy ăn nhằm phải bệnh, một ngày thêm một chút, hết cường tráng, cốt tủy lần lần phải chết, thì thân thể các con phải chết theo. Nhiều kẻ chết nửa thân mình cũng vì rượu.

Bây giờ Thầy nói sự hại của rượu về phần hồn các con: Thầy nói cái Chơn thần các con là khí chất nó bao bọc thân thể các con như khuôn bao vậy. Nơi trung tim của nó là óc, nơi cửa xuất nhập của nó là mỏ ác, gọi tiếng chữ là Vi Hộ. Nơi ấy Hộ Pháp hằng đứng mà gìn giữ Chơn Linh các con khi luyện thành đạo đặng hiệp một với Khí, rồi Khí mới đưa đến Chơn Thần hiệp một mà siêu phàm nhập Thánh.

Óc là nguồn cội của Khí, mà óc cũng bị huyết mạch vận động vô chừng, đến nổi tán loạn đi thì Chơn Thần thể nào an tịnh đặng mà điều khiển? Thân thể phải ra ngây dại, trở lại chất thú hình. Mất phẩm nhơn loại rồi, còn mong chi đặng phẩm Thần, Thánh, Tiên, Phật?

Lại nữa, buổi loạn Thần ấy để cửa trống cho tà mị xung đột vào, giục các con làm việc tội tình mà phải chịu luân hồi muôn kiếp.

Vậy Thầy cấm các con uống rượu, nghe à!"

IV.- Giới gian tham

"Ôi! Thầy sanh các con, thì vẫn thương yêu các con chẳng cùng. Thầy lại cho các con đến thế giới này với một Thánh thể thiêng liêng, y như hình ảnh của Thầy, không ăn mà sống, không mặc mà lành. Các con không chịu, lại nghe lời cám dỗ mê luyến hồng trần, ăn cho phải bị đày, dâm đến phải bị đọa, nên chịu nạn áo cơm, dục quyền cầu lợi.

Lợi! Thầy đã dành để các con chung hưởng cùng nhau mà cũng vì tham, đũa chứa nhiều, đũa chịu đói.

Quyền! Thầy cũng ban cho các con in như Thầy đã ban cho chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, hầu cho đủ thể kèm thúc lấy nhau, đặng giữ vẹn Thánh chất yêu sanh của Thầy. Mà quyền ấy lại trở nên một lợi khí buộc trói nhơn sanh trong vòng tội mồi. Ôi thảm thay! Cái thất vọng của Thầy rất nên ghê gớm!

Các con có hiểu vì sao cả nhơn sanh đều gian tham chẳng?

Thì cũng vì muốn cho nhiều sanh mạng chịu phục dưới quyền thế, lợi lộc của nó.

Sự yếu trọng của con người là nạn cơm áo, mà nắm chặt quyền phân phát cơm áo, thì chưa ai đã thọ sanh nơi thế gian này tránh khỏi gian tham.

Muốn đặng quyền hành ấy, phải làm thế nào? Dùng hết mưu chước quỷ quyệt thâm đoạt lợi lộc

quyền thế cho nhiều, vì vậy mà đời trở nên trường tranh đấu, giựt giựt, giành giành gây nên mối loạn. Nhơn loại nghịch lẫn nhau, giúp cho phép tà quyền mạnh hơn yếu thiện, mất phép công bình thiêng liêng Tạo hóa.

Vậy tham gian đã nhập lòng người, thì lòng hết đạo đức. Tham gian đã nhập vào nước, nước hết chơn trị. Tham gian đã lộng lên toàn thế giới, thế giới hết Thánh Thần.

Thầy chẳng cần nói, sự gian tham có thể giục các con thất đạo cùng Thầy mà bị lăm điều tội lỗi.

Ấy vậy, gian tham là tội trọng".

V.- Giới vọng ngữ

"Thầy đã nói nơi thân phàm các con, mỗi đũa Thầy đều cho một Chơn linh gìn giữ cái chơn mạng sanh tồn. Thầy tưởng chẳng cần nói, các con cũng hiểu rõ rằng Chơn linh ấy vốn vô tư, mà lại đặng giao thông cùng cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, và các Đấng Trọn lành nơi Ngọc Hư Cung, nhứt nhứt điều lành và việc dữ đều ghi chép không sai, đặng dâng vào Tòa Phán xét. Bởi vậy nên một mảy không qua, dữ lành đều có trả.

Lại nữa, các Chơn linh ấy có tánh Thánh nơi mình đã chẳng phải gìn giữ các con mà thôi, lại còn dạy dỗ các con, thường nghe đời gọi lộn Lương tâm là đó.

Bởi vậy, chư Hiền, chư Thánh Nho nói Đạo rằng: "Khi nhơn tức khi tâm, khi tâm tức khi Thiên. Khi Thiên đắc tội, hoạch tội ư Thiên, vô sở đảo dã".

Như các con nói dối, trước chưa dối với

người, các con đã dối với Lương tâm, tức là Chơn linh. Thầy đã nói Chơn linh ấy đem nạp vào Tòa Phán xét từ lời nói của các con, dầu những lời nói ấy không thiệt hành, chớ tội tình cũng đồng một thể.

Nơi Tòa Phán xét, chẳng một lời nói vô ích nào mà bỏ qua, nên Thầy dặn các con phải cẩn ngôn cẩn hạnh.

Thà các con làm tội đặng chịu tội cho đành, chẳng hơn các con nói tội mà phải mang trọng hình đồng thể.

Các con khá nhớ".

TRAI GIỚI

"Chư môn đệ phải giữ trai giới. Vì tại sao?

Chẳng phải Thầy còn buộc theo Cựu luật, song luật trai giới rất nên quý báu, nếu không giữ chẳng hề thành Tiên, Phật đặng. Thầy cắt nghĩa:

Mỗi người dưới thế này vốn có hai xác thân: một xác phàm, một xác thiêng liêng. Mà cái thiêng liêng do nơi xác phàm mà ra, gọi nó là bán hữu hình, vì có thể thấy đặng mà cũng có thể không thấy đặng. Cái xác huyền diệu thiêng liêng ấy do Tinh, Khí, Thần mà luyện thành. Khi nơi xác phàm xuất ra, thì lấy hình ảnh của xác phàm như khuôn in rập. Còn như đúc đạo mà có Tinh Khí không có Thần, thì không thể nhập mà hằng sống. Còn như có Thần mà không có Tinh, Khí thì khó hườn Nhị xác thân (1). Vậy ba món báu ấy phải hiệp lại mới đặng.

Nó vẫn là chất, tức hiệp với không khí Tiên Thiên, mà không khí Tiên Thiên thì có điển quang.

Cái Chơn thần buộc phải tinh tấn, trong sạch nhẹ nhàng hơn không khí mới ra khỏi Càn Khôn, Thế Giới đặng. Nó phải có bốn nguyên chí Thánh, chí Tiên, chí Phật mới xuất Thánh, Tiên, Phật đặng. Phải có xác phàm tinh khiết mới xuất Chơn thần tinh khiết.

Nếu các con ăn mặn luyện đạo rui có ấn chứng thì làm sao mà giải tán cho đặng?

Như rui hườn Nhị xác thân, cái trược khí ấy vẫn còn, mà trược khí lại là vật chất tiếp điện (*bon conducteur d'électricité*). Cái Nhị xác phàm ấy chưa ra khỏi lần không khí đã bị sét đánh tiêu diệt. Còn như biết khôn ẩn núp tại thế mà làm một bực Nhơn Tiên, thì kiếp đọa trần cũng còn chưa mãn.

Vậy Thầy buộc các con phải trường trai mới đặng luyện đạo".

Ghi chú:

(1) *Nhị xác thân, Tiên gia gọi Anh nhi hay Thánh thai (foetus spirituel) phải đủ Tinh, Khí, Thần luyện mới thành. Pháp luyện đạo thì vô cùng màu nhiệm, quyển sách này không phải chỗ giải bày.*

CHƯƠNG THỨ NĂM

MƯỜI HAI ĐIỀU
TÍN NGƯỠNG
CĂN BẢN CỦA ĐẠI ĐẠO

MƯỜI HAI ĐIỀU TÍN NGƯỠNG CĂN BẢN
CỦA ĐẠI ĐẠO

1- Thượng Đế là Đấng tạo ra Càn Khôn, Vô trụ và hóa sanh vạn vật. Nhơn loại phải tin tưởng kính trọng Thượng Đế và trong các hành động, nhứt nhứt phải tùng Thiên luật.

2- Là Đại Từ Phụ, Thượng Đế không bao giờ hành phạt chúng sanh, toàn là con cái yêu đương của Ngài. Nhưng vì phép công bình, Thượng Đế lập luật "Nhơn quả" làm cân thưởng phạt thiêng liêng. Chúng sanh do chỗ hành động mình mà rước lấy họa phúc.

3- Lòng từ bi của Thượng Đế không nở để chúng sanh không rõ Thiên điều mà phạm tội, nên từ Thượng cổ, Ngài đã phân tánh giáng trần lập Đạo, đặng dạy dỗ chúng sanh biết điều thiện mà làm, điều ác mà lánh, mà dìu dẫn bát phẩm chơn hồn tiến hóa lên đến chỗ cực điểm. Nhưng, nếu lòng người mê muội, không hồi đầu giác ngộ, thì hình phạt phải cam.

4- Thượng Đế chương quản Càn Khôn Vũ trụ. Thiên triều gồm có Đấng Trọn lành phụ sự trong cuộc chương quản ấy.

5- Luân hồi là cơ tán hóa của bát phẩm chơn hồn. Trong mỗi kiếp tái sanh, các Chơn linh gây ra

nghiệp duyên, nên tái sanh buộc phải thọ quả. Vì vậy mà Luân hồi và Quả báo đi đôi.

6- Thần, Thánh, Tiên, Phật trước vốn là người phạm, nhờ tu mà đắc quả (1). Vậy thì, tất cả phạm nhơn, ai cũng có thể làm Tiên, Phật, nếu biết tu, nhứt là gặp "Tam Kỳ Phổ Độ", ban hành luật Đại ân xá, chúng sanh được may mắn "tu nhứt kiếp, ngộ nhứt thời".

7- Phạm nhơn là Hồn tại thế, Âm nhơn là Hồn giải thế, cho nên Phạm nhơn và Âm nhơn có thể thông công bằng cơ bút, đồng cốt, hoặc phương thế nào khác.

Người tu luyện đến bậc cao siêu có thể xuất Chơn thần thông công với các Đấng Thiêng liêng, hoặc luyện đắc "Nhãn thông" và "Nhĩ thông" mà thấy và nghe được Âm nhơn. (2)

8- Vật chất tan rã rồi hợp thành một thể chất khác, duy chơn Hồn là trường tồn và tuần tự tán hóa đến mực cuối cùng là chỗ chí thiện.

9- Âm nhơn mới giải thế còn quuyến luyến hồng trần, chưa thoát được buồn vui đau khổ, bởi còn mang cái Chơn thần là tạng chứa tình cảm (3). Âm nhơn cần có thân nhơn tụng kinh cầu nguyện cho họ được an ủi mà bớt đau khổ.

Kinh cầu siêu (4) rất linh nghiệm vì mỗi tiếng tụng lên vốn có sức rung động huyền diệu vô cùng. Sức rung động ấy, hiệp với sức tư tưởng mạnh mẽ và thành kính của người tụng kinh (5) gây thành một mãnh lực phi thường đánh tan Chơn thần của Âm nhơn, giúp cho họ mau giải thoát đau khổ và hình phạt thiêng liêng, đặng đi đầu thai sớm được.

10- Con người thọ sanh tại thế đều có số mạng định đoạt do nghiệp duyên của mình đã tạo ra trong kiếp trước. Cho nên người biết đạo bao giờ cũng an phận tùy duyên, chẳng vì nghèo túng mà trễ nải việc đạo.

Nếu con người biết chuyên làm lành lánh dữ cùng tu âm chất trong kiếp đương sanh, thì có thể chuyển họa ra phúc. Định mạng là Trời mà lập mạng là Ta vậy.

11- Tân luật có ảnh hưởng rất lớn lao về Tiên phong Phật sắc của người tu trong Đại Đạo; chẳng giữ "Tân luật" là trái phép Đạo, mà trái phép Đạo, không bao giờ vào được Bạch Ngọc Kinh.

12- Muốn đắc quả, phải dự thí ở trường thi "Công quả" nghĩa là phải phổ độ chúng sanh. Không làm đặng thế này, phải tìm thế khác mà làm âm chất thì cái công tu luyện chẳng bao nhiêu cũng có thể đạt được phẩm vị thiêng liêng.

Ghi chú:

(1) Ngoại trừ các Đấng Tiên Phật của Thư ợng Đế hóa ra từ khi khai Thiên tịch Địa để giúp Ngài trong công cuộc khai hóa.

(2) Không phải nghe thiệt tiếng mà chỉ nghe cái âm ba của tư tưởng.

(3) Nhiều Âm hồn còn oán giận, mong tìm cách phá khuấy kẻ thù mà báo oán

(4) Đại Đạo có "Di lạc Chơn Kinh" là kinh cầu siêu rất quý.

(5) Người tụng kinh phải là một vị đạo đức chơn tu, mới có tư tưởng mạnh mẽ và kính thành. Đồng nhi tụng

kinh cũng tạm được, vì là Chơn linh còn trong sạch và vô tội.

HẾT